



TẠP CHÍ TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ LAO ĐỘNG - BỘ NỘI VỤ

INH QUANG

VIỆT NAM



TÔN VINH

Giá trị Kiến tạo Quốc gia



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Dikoda®  Đảnh
Thạnh®

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA



KHAI THÁC & ĐÓNG CHAI TRỰC TIẾP TẠI NGUỒN
KHOÁNG KIỀM
THIÊN NHIÊN
ĐẢNH THẠNH

NƯỚC KHOÁNG
KIỀM
THIÊN NHIÊN



VỊ NGON
MÁT LÀNH
BÙ KHOÁNG
CHẤT TỰ NHIÊN





VINH QUANG

VIỆT NAM



► Đặc khu Phú Quốc,
An Giang.

TẠP CHÍ TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC VÀ LAO ĐỘNG

Chịu trách nhiệm bản thảo

Tổng Biên tập

TS. Trần Nghị

ĐẠI DIỆN TRUYỀN THÔNG

Công ty CP Phát triển Báo chí Việt Nam

Tổng Giám đốc

Phan Thanh Long

Hội đồng biên soạn

Ths. Phạm Thị Thúy Hồng

Ths. Phan Thị Thanh Huyền

Ths. Phạm Mai Hoa

Hồng Gấm

Thu Hồng

Lan Hương

Thiết kế

Trương Thế Lương

Phan Thùy Linh

Tòa soạn

Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động

Số 37 Nguyễn Bình Khiêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 0243 201 3916

Email: tapchitcnld@moha.gov.vn

Website: <https://tcnld.vn/>

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Trương Thu Hiền

Biên tập

Đồng Thị Thu Thủy - Tôn Nữ Thanh Bình

Địa chỉ: Số 655 đường Phạm Văn Đồng,
phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39341562

Email: nxbct@moit.gov.vn

Website: nxbcongtuong.vn

In 10.000 cuốn, khổ 23x29cm tại Công ty CP
Thiết kế - Chế bản điện tử và In công nghệ cao

Địa chỉ: Căn số 14 - đường Long Cảnh Tây 2, Dự án
Vinhome Thăng Long, KĐT mới Nam An Khánh,
xã An Khánh, TP. Hà Nội

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

1022-2026/CXBIPH/5-43/CT

Số quyết định xuất bản: 253/QĐ - NXBCT

ngày 27 tháng 03 năm 2026

In xong và nộp lưu chiểu quý I

Mã số ISBN: 978-632-630-470-1

Giá phát hành: 80.000đ

MỤC LỤC

5. Lời giới thiệu

6 XÂY DỰNG ĐẢNG

6. Vũ Văn Phúc: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Thời khắc lịch sử đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới
12. Mai Thị Hà: Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam - Yếu tố quyết định những thắng lợi vĩ đại, vẻ vang của cách mạng Việt Nam
16. Dương Quang Hiến: Nhận diện một số thủ đoạn chống phá Đảng về đạo đức cách mạng trước thềm Đại hội XIV



20 TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

20. Lê Minh Thông, Lê Hoàng Lịch: Quốc hội Việt Nam tám mươi năm gắn bó, đồng hành cùng nhân dân
26. Đặng Thành Lê: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị công thức đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam
30. Thái Văn Long: Kinh nghiệm của Trung Quốc trong xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và giá trị tham khảo đối với Việt Nam
34. Dương Quang Hiến, Phạm Thị Thúy Hồng: Đẩy mạnh tuyên truyền về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 gắn với chuyển đổi số
38. Ngô Thành Can: Quản trị phát triển xã hội - Hướng tới xã hội phát triển, dân chủ, công bằng, thịnh vượng và hạnh phúc

44 TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

44. Nguyễn Trọng Bình: Tiếp tục đổi mới chính quyền địa phương theo hướng quản trị địa phương tốt ở Việt Nam hiện nay
48. Lê Thị Minh Hà: Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân
52. Lê Minh Thông: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chính quyền số khi vận dụng vào quản trị địa phương ở đô thị
57. Nguyễn Bá Chiến: Mô hình chính quyền thông minh trong kỷ nguyên số - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở tỉnh Quảng Ninh
62. Vũ Thị Phương Anh: Nguồn nhân lực chất lượng cao - Yếu tố then chốt để vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp ở thành phố Đà Nẵng
66. Đoàn Văn Dũng: Những vấn đề đặt ra về quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh

70 CÔNG TÁC CÁN BỘ

70. Trần Văn Phòng: Khung tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng tới xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược tại các ban, cơ quan Đảng Trung ương đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

74 NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

74. Phạm Minh Huân: Thúc đẩy việc làm thỏa đáng thích ứng xu hướng kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế chăm sóc
78. Nguyễn Xuân Phong: Đảm bảo an ninh con người ở vùng Tây Nam Bộ - Thực trạng và giải pháp
83. Trần Nghị, Phạm Thị Hồng: Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam - Tấm gương tiêu biểu, mẫu mực nhất về tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung
88. Trần Thị Hương: Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân
93. Lưu Duy Toàn: Quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản - Giá trị lý luận, thực tiễn



96 DOANH NGHIỆP - DOANH NHÂN

96. Unilever - Từ chiến lược toàn cầu đến dẫn dắt mục tiêu Net-zero 2025
98. Acecook Việt Nam mở rộng năng lực sản xuất với nhà máy 200 triệu USD tại Vĩnh Long
100. Nguyễn Thị Huyền Thương: Từ triết lý “bền” đến khát vọng vươn xa và hành trình tái định vị Nagakawa
103. VTECHCOM - Kiên định chuẩn mực, nâng tầm chuỗi cung ứng thiết bị bảo hộ

106 TỔ CHỨC KINH TẾ - XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP

106. Hội Phục hồi chức năng Việt Nam: 35 năm hình thành và phát triển

► Một góc phố biển Khánh Hòa.



Lời giới thiệu

Năm 2026 đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của đất nước - giai đoạn đặt trọng tâm vào tăng trưởng chất lượng, đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Trong tiến trình đó, cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ trí thức khoa học chính là lực lượng kiến tạo giá trị bền vững cho xã hội. Với nhận thức đó, **Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động** phối hợp với Công ty Cổ phần Phát triển Báo chí Việt Nam xuất bản ấn phẩm đặc biệt **Vinh quang Việt Nam** với chủ đề: **“Tôn vinh những giá trị kiến tạo quốc gia”**.

“Vinh quang Việt Nam 2026” được thực hiện với một mong muốn giản dị nhưng sâu sắc: Vinh quang không phải là ánh hào quang nhất thời, mà là kết tinh của quá trình lao động bền bỉ, của khát vọng vươn lên và của tinh thần phụng sự cộng đồng. Trong số ấn phẩm đặc biệt này, Ban Biên tập trân trọng giới thiệu và tôn vinh: Những doanh nhân bản lĩnh, dẫn dắt doanh nghiệp vượt qua biến động, kiến tạo giá trị và góp phần nâng tầm Việt Nam trên trường quốc tế. Những doanh nghiệp tiên phong đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và xây dựng môi trường làm việc nhân văn, minh bạch. Những nhà khoa học miệt mài nghiên cứu, ứng dụng tri thức vào thực tiễn, mở ra những hướng đi mới cho nền kinh tế tri thức và tương lai xanh của quốc gia.

Mỗi câu chuyện trong ấn phẩm **Vinh quang Việt Nam** không chỉ là thành tựu của một cá nhân hay một tổ chức, mà còn là minh chứng cho sức sống mạnh mẽ của tinh thần Việt Nam - tinh thần dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, vì lợi ích của đất nước. Ấn phẩm **Vinh quang Việt Nam** xuất bản 4 số đặc biệt vào tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12 năm 2026 có giá trị lưu trữ lâu dài; hướng tới lan tỏa những hình mẫu tiêu biểu, cá nhân, tổ chức điển hình tiên tiến, góp phần thúc đẩy tinh thần Việt Nam vì một Việt Nam phát triển hùng cường, thịnh vượng, phồn vinh trong kỷ nguyên mới.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn các tổ chức, cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp trên cả nước đã nhiệt tình cung cấp thông tin, tư liệu để ấn phẩm có chất lượng cao. Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi thiếu sót, kính mong bạn đọc thông cảm và đóng góp ý kiến để hoàn thiện trong những lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu!

HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN



► Lễ khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ngày 20/01/2026.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

THỜI KHẮC LỊCH SỬ ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI



PGS.TS VŨ VĂN PHÚC

Nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản
Trường Đại học Thành Đô

Đại hội XIV của Đảng là sự kiện chính trị đặc biệt trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; là thời khắc lịch sử đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới, là dấu mốc mở ra chặng đường phát triển mới của đất nước trong bối cảnh, cục diện và mục tiêu mới. Những chủ trương, đường lối, quyết sách chiến lược của Đại hội có vai trò, ý nghĩa mang tính quyết định vận mệnh của dân tộc trong tương lai nhằm thực hiện thành công “hai mục tiêu chiến lược 100 năm” của đất nước: 100 năm thành lập Đảng, 100 năm thành lập nước, là Đại hội của niềm tin và khát vọng, của đột phá và hành động, của kỷ luật và sáng tạo, của đoàn kết và phát triển.



► Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV đã thống nhất tuyệt đối bầu đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tiếp tục giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, ngày 23/01/2026.



► Tổng Bí thư Tô Lâm cùng các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIV ra mắt tại Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, ngày 23/01/2026.

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (Đại hội XIV) với phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển” là lời hiệu triệu, là mệnh lệnh của trách nhiệm trước lịch sử, đã thành công rất tốt đẹp. Chủ đề Đại hội XIV là “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”, thể hiện tư tưởng và khát vọng lớn, không chỉ định ra mục tiêu cho nhiệm kỳ 2026 - 2031, mà còn vạch ra mục tiêu mang tầm chiến lược đối với tương lai và vận mệnh của dân tộc trong nhiều thập niên tới.

“Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng” để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc thì toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, cả hệ thống chính trị phải chung sức, đồng lòng với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tự chủ, dựa vào sức mạnh tổng hợp của đất nước là chính, tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước nhanh, bền vững. “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta chung sức đồng lòng, quyết tâm đổi mới, hành động quyết liệt vì một Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ đề Đại hội XIV của Đảng đòi hỏi chúng ta phải đoàn kết hơn, kỷ luật hơn, sáng tạo hơn; đồng thời phải khiêm tốn học hỏi, biết lắng nghe, biết sửa mình để hoàn thiện và tiến bộ không ngừng. Đại hội XIV có trọng trách lịch sử xác lập những quyết sách mang tính “bộ phóng” để thực hiện thành công hai mục tiêu chiến lược 100 năm của đất nước” (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

2. Đại hội XIV của Đảng đã tổng kết 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo. Qua 40 năm đổi mới, đất nước ta đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử với thế và lực mới, niềm tin mới, tự chủ, tự cường, tự tin mở cánh cửa lịch sử, chính thức bước vào kỷ nguyên mới. Lý luận về đường lối đổi mới đã định hình. Tại Đại hội XIV, việc xác lập lý luận về đường lối đổi mới trở thành một bộ phận nền tảng tư tưởng của Đảng là quyết định rất hệ trọng, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ, tư duy đổi mới, tầm nhìn chiến lược của Đảng. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới cấu thành hoàn chỉnh nền tảng tư tưởng của Đảng, là kim chỉ nam dẫn dắt sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng để lại nhiều dấu ấn, kỳ tích: năng lực, bản lĩnh, kiên định, vững vàng. Trong điều kiện đặc biệt, khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ,



► Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính; Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Duy Ngọc và các đại biểu thực hiện nghi thức khởi công, khánh thành, thông xe kỹ thuật, các dự án, công trình chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ngày 19/12/2025.

thuận lợi, đặc biệt là đại dịch COVID-19, thiên tai, bão lũ; các rủi ro an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống; cạnh tranh chiến lược gay gắt; biến động, đứt gãy chuỗi cung ứng, năng lượng, lương thực; cùng với những vấn đề nội tại tích tụ qua nhiều năm, nhưng Đảng ta đã thể hiện bản lĩnh, năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu, tinh thần đoàn kết thống nhất; thể hiện ý chí, khát vọng phát triển, kiến tạo tương lai, tư duy đổi mới, hành động quyết liệt; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng với nhiều kết quả rất quan trọng, toàn diện, đột phá, nhiều điểm sáng nổi bật, cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu đề ra: nền kinh tế giữ vững ổn định vĩ mô, duy trì được đà tăng trưởng khá, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 6,3%, riêng năm 2025 là 8,02%; tiềm lực, sức chống chịu và khả năng thích ứng được nâng lên, tạo nền tảng và dư địa quan trọng phát triển nhanh và bền vững hơn trong kỷ nguyên mới.

Cuộc cách mạng về đổi mới, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính đạt được các mục tiêu chiến lược, là bước chuyển quan trọng về tư duy quản trị quốc gia, mở ra không gian phát triển mới, vì tương lai lâu dài của đất nước. Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, toàn diện, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, niềm tin của Nhân dân được củng cố, kỷ cương được tăng cường. Phát triển con người, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng cao. Sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy; đồng thuận xã hội được tăng cường, củng cố. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, môi trường hoà bình được giữ vững; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng, nâng tầm, đi vào chiều sâu. Vị thế, uy tín của đất nước trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Việt Nam là điểm sáng được thế giới đánh giá cao về an toàn, ổn định xã hội; về đột phá tư duy, tầm nhìn, cách làm mới trong lãnh đạo và quản trị phát triển. Cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước được nâng cao.

Đó là những cơ sở, nền tảng vững chắc để khẳng định: sự nghiệp đổi mới do Đảng ta lãnh đạo là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển của thời đại. Lý luận về đường lối đổi mới của Đảng ta xác định rõ: Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của sự nghiệp cách mạng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhất quán xây dựng và hoàn thiện ba trụ cột nền tảng: nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm kỳ Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII tiếp tục khẳng định bài học có tính quy luật: sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và càng trong khó khăn, thử thách càng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, có ý chí thống nhất, có sức mạnh đại đoàn kết, có phương pháp tổ chức thực hiện sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả, có kỷ luật, kỷ cương và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả quan trọng, nổi bật, đất nước ta vẫn còn những hạn chế, yếu kém là những điểm nghẽn, nút thắt cần tập trung tháo gỡ, như: thể chế, nguồn lực, hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn lớn nhất; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu nhất và kỷ luật, kỷ cương còn hạn chế; một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của kỷ nguyên mới; nhiều vấn đề xã hội, môi trường, đời sống dân sinh cần phải giải quyết... Nhận diện đúng để có giải pháp đúng, hành động đúng. Vấn đề quan trọng nhất hiện nay là phải chuyển mạnh sang hành động, giải quyết có hiệu quả những hạn chế, điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển đất nước.

3. Đại hội XIV của Đảng đánh dấu một mốc son mới trong lịch sử của Đảng ta, và lịch sử hào hùng của dân tộc ta. Đại hội XIV là điểm khởi đầu cho kỷ nguyên mới; những chủ trương, đường lối, những quyết sách chiến lược của Đại hội có vai trò mang tính quyết định vận mệnh của dân tộc trong tương lai nhằm thực hiện thành công “hai mục tiêu chiến lược 100 năm” của đất nước: 100 năm thành lập Đảng, 100 năm thành lập nước.

Mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu lớn nhất, điểm tương đồng cao nhất, cả dân tộc chung hướng nhìn tới, chính là điểm hội tụ sức mạnh của Nhân dân, sức mạnh đoàn kết và khát vọng phát triển, nhân lên gấp bội lòng tự hào, tự tôn, ý chí, khát vọng vươn lên của cả dân tộc.

Mục tiêu tổng quát là “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phát triển nhanh, bền vững đất nước; cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên mới của dân tộc; thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, là một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD/năm” (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Điểm nhấn mới, cốt lõi: “Đại hội XIV là Đại hội của niềm tin và khát vọng, của đột phá và hành động, của kỷ luật và sáng tạo, của đoàn kết và phát triển”. Lần đầu tiên, Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV trở thành một bộ phận của Văn kiện Đại hội, như vậy Văn kiện là văn kiện hành động, là “lời hứa” hiệu triệu toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta chung sức, đồng lòng, triệu người như một, quyết tâm đổi mới tư duy, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị quốc gia; phải hành động mạnh mẽ, quyết liệt, đột phá, hiệu quả, quy tụ mọi sức mạnh, huy động mọi nguồn lực, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi thách thức để thực hiện thắng lợi những mục tiêu chiến lược mà Đại hội đề ra: “Văn kiện lần này đặt ra yêu cầu hành động: Nói đi đôi với làm; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; gắn trách nhiệm với kết quả; gắn đột phá với bền vững; gắn kỷ luật thực thi với sự hài lòng của nhân dân” (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên, Báo cáo chính trị của Đại hội XIV xác định 05 quan điểm chỉ đạo; 12 định hướng lớn; 06 nhiệm vụ trọng tâm và 03 đột phá chiến lược. Chương trình hành động đã cụ thể hóa các nhiệm vụ có thể triển khai thực hiện ngay. Tinh thần cốt lõi được cô đọng trong 08 nội dung quan trọng, thể hiện rõ yêu cầu: Lựa chọn đúng - triển khai nhanh - làm đến nơi đến chốn - đo lường bằng kết quả. *Thứ nhất*, hoàn thiện thể chế phát triển và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: lấy kết quả thực thi làm thước đo. *Thứ hai*, xác lập mô hình tăng trưởng mới: kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. *Thứ ba*, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: động lực trung tâm của phát triển. *Thứ tư*, văn hóa và con người: nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, nguồn lực và động lực phát triển của đất nước. *Thứ năm*, quốc phòng, an ninh và đối ngoại: giữ vững hòa bình để phát triển, phát triển để tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. *Thứ sáu*, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; công tác cán bộ là “then chốt của then chốt”. *Thứ bảy*, xây dựng xã hội Việt Nam lành mạnh, kỷ cương, văn minh, an toàn và phát triển. *Thứ tám*, đại đoàn kết toàn dân tộc: nền tảng sức mạnh quốc gia (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ chiến lược trọng tâm: phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là “trọng yếu, thường xuyên”.

Đại hội XIV yêu cầu phải làm thật mạnh, làm thật nhanh, làm đến nơi đến chốn ba đột phá chiến lược, vì đây là những đòn bẩy quyết định để đất nước bứt phá. *Thứ nhất*, đột phá về thể chế và thực thi: hoàn thiện đồng bộ pháp luật; nâng cao chất lượng chính sách; tăng cường kỷ luật thực thi; bảo đảm mọi chủ trương đều có lộ trình, nguồn lực và cơ chế giám sát việc thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, lấy chất lượng, hiệu quả phục vụ nhân dân và doanh nghiệp làm thước đo. *Thứ hai*, đột phá về nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động; tăng cường năng lực số; hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia, doanh nhân, nhà khoa học giỏi, công nhân kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước. *Thứ ba*, đột phá về hạ tầng đồng bộ, hiện đại: ưu tiên hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng năng lượng, hạ tầng đô thị, hạ tầng viễn thông, đặc biệt là hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu; phát triển hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu; mở rộng không gian phát triển theo quy hoạch tổng thể quốc gia, bảo đảm liên kết vùng, liên kết địa phương, kết nối khu vực và toàn cầu. Ba đột phá này có quan hệ hữu cơ: thể chế mở đường; nhân lực quyết định tốc độ và chất lượng; hạ tầng tạo không gian và sức bật. Nếu làm đồng bộ, chúng ta sẽ tạo ra “đà” mới và “thế” mới; nếu làm nửa vời, chúng ta sẽ tự đánh mất cơ hội (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Mọi sự phát triển đều phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy cao nhất tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; mọi sự phát triển đều phải giữ cho được cốt cách, phẩm giá, bản sắc Việt Nam, bởi “văn hóa còn dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất”; mọi sự phát triển đều “xây lâu thắng lợi trên nền Nhân dân”, biết dựa vào nhân dân, đồng thời xem trọng khoan thư sức dân, yên dân, an dân..., được định lượng bằng những sản phẩm, kết quả cụ thể, rõ ràng, hiệu quả. “Làm cho mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày sau Đại hội đều có kết quả cụ thể, có chuyển biến thực chất” (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Tư tưởng xuyên suốt trong Văn kiện và cũng là cội nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam là “Dân là gốc”. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, là động lực và là nguồn lực của phát triển. Mọi đường lối, chính sách phải hướng tới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân; tôn trọng, lắng nghe và dựa vào Nhân dân. Đảng phải gắn bó mật thiết với Nhân dân, tận tâm phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về mọi quyết định của mình. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng không đến từ lời nói, mà đến từ việc làm, từ sự công tâm, liêm chính của cán bộ, từ hiệu quả của bộ máy, từ sự công bằng trong thụ hưởng, từ kết quả bảo vệ quyền



► Chương trình nghệ thuật đặc biệt “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng” được tổ chức trọng thể, chào mừng thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, ngày 23/01/2026.

và lợi ích hợp pháp, giải quyết kịp thời, thấu đáo những bức xúc chính đáng của người dân, doanh nghiệp. Bước vào giai đoạn mới, càng phải chăm lo xây dựng thể trận lòng dân. Thể trận lòng dân vững thì quốc phòng, an ninh vững; thể trận lòng dân vững thì cải cách mới đi tới cùng. Thể trận lòng dân vững thì khó khăn nào cũng vượt qua, thách thức nào cũng được hóa giải (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Tổ chức thực hiện theo phương châm: nói ít, làm nhiều, làm đến cùng. Văn kiện Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu hành động; đề cao trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cán bộ. Để biến quyết tâm thành kết quả, cần tập trung cao độ vào 05 nhóm việc: *Thứ nhất*, cụ thể hóa Văn kiện thành chương trình, kế hoạch với mục tiêu rõ ràng, chỉ tiêu đo lường được, thời hạn và phân công trách nhiệm cụ thể; mọi việc phải có người chịu trách nhiệm đến cùng; không để tình trạng “cha chung không ai khóc”, “chuyển trách nhiệm cho nhau”. *Thứ hai*, thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và đột xuất; kiên quyết xử lý tri tri, né tránh, đùn đẩy; khen thưởng kịp thời người làm tốt; đồng thời bảo vệ hiệu quả người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. *Thứ ba*, huy động và sử dụng nguồn lực hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; không dàn trải; không chạy theo phong trào; không để thất thoát, lãng phí làm hao mòn niềm tin, nguồn lực xã hội và làm chậm bước tiến của đất nước. *Thứ tư*, thực hiện văn hóa công vụ liêm chính, chuyên nghiệp, khoa học; lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm tiêu chí quan trọng; lấy dữ liệu và kết quả làm căn cứ đánh giá; kiên quyết ngăn chặn tiêu cực; tăng minh bạch và trách nhiệm giải trình. *Thứ năm*, làm tốt công tác thông tin, truyền thông bảo đảm đồng thuận xã hội. Cải cách sâu rộng sẽ đụng chạm lợi ích, vì vậy phải công khai, minh bạch, lắng nghe, giải thích thấu đáo, kiên trì thuyết phục; kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện lợi dụng, xuyên tạc; đồng thời tôn trọng phản biện, xây dựng và kịp thời điều chỉnh những bất hợp lý trong thực hiện. Tổ chức thực hiện phải gắn với kỷ luật. Kỷ luật của Đảng phải đi trước. Kỷ cương phép nước phải nghiêm. Mọi quyền lực phải được kiểm soát. Mọi trách nhiệm phải được minh định. Mọi sai phạm phải bị xử lý và mọi nỗ lực chân chính vì dân, vì nước phải được ghi nhận, bảo vệ (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Thành công rất tốt đẹp của Đại hội XIV thể hiện “ý Đảng hợp lòng dân”, phản ánh sức mạnh của Nhân dân, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, là cội nguồn sức mạnh để dân tộc ta mãi mãi trường tồn và phát triển, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là đường lối chiến lược, có ý nghĩa sống còn của cách mạng Việt Nam. Giữ đoàn kết trong Đảng như “giữ con người của mắt mình”; đoàn kết trong Đảng là hạt nhân lan tỏa đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng rộng rãi, thực chất, gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; hình thành ngày càng sâu sắc văn hóa dân chủ và văn hóa thượng tôn pháp luật xã hội chủ nghĩa trong đời sống xã hội ở nước ta.

“Đại hội XIV diễn ra khi “đồng hồ lịch sử” đang điểm những khung giờ quyết định trước mốc 2030 - thời khắc Đảng ta tròn 100 năm ra đời, chiến đấu, trưởng thành và phát triển. Chưa bao giờ nguyện ước về một Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc lại gần với chúng ta như hôm nay; nhưng cũng chưa bao giờ chúng ta phải đối mặt với nhiều thách thức, nhiều đòi hỏi gay gắt, nhiều sức ép cạnh tranh như lúc này” (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025).

Lịch sử đã chứng minh, trước những bước ngoặt làm chuyển xoay vận mệnh của dân tộc, nếu biết khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, thì con thuyền cách mạng Việt Nam sẽ vượt qua mọi thác ghềnh, phong ba bão táp, để cập bến bờ vinh quang. “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chúng ta hãy chung sức đồng lòng, giữ vững niềm tin, nêu cao trách nhiệm, phát huy trí tuệ, khơi dậy khát vọng;... để Nhân dân thấy, Nhân dân tin, Nhân dân ủng hộ, Nhân dân đồng hành và Nhân dân thụ hưởng” (Tổng Bí thư Tô Lâm, <https://www.tapchicongsan.org.vn>, 2025). 🇻🇳

Tài liệu tham khảo:

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10) Tổng Bí thư Tô Lâm: “*Báo cáo về các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 20/01/2025, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/media-story/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/bao-cao-ve-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiv-cua-dang-cong-san-viet-nam.

► Thành phố Hồ Chí Minh.





► Làng chài vịnh Lan Hạ, thành phố Hải Phòng.

SỰ LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN, SÁNG SUỐT CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH NHỮNG THẮNG LỢI VĨ ĐẠI, VẺ VANG CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM



TS. MAI THỊ HÀ

Trường Đại học Y Hà Nội



► Tranh minh họa Hội nghị thành lập Đảng vào mùa xuân năm 1930 của họa sĩ Phi Hoành tại Bảo tàng Lịch sử cách mạng Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là dấu ấn khơi nguồn cho những thắng lợi vĩ đại, vẻ vang của sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong 96 năm qua và mãi mãi về sau. Sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng ta đã đưa dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách áp bức, nô lệ, giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội; kỷ nguyên thống nhất đất nước, đổi mới, phát triển; và nay là kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam

Năm 1858, tiếng đại bác nổ ra ở cửa biển Đà Nẵng của thực dân Pháp đánh dấu điểm khởi đầu với âm mưu xâm lược Việt Nam. Ban đầu, Triều đình nhà Nguyễn còn tỏ rõ vai trò của người đứng đầu, phát động Nhân dân đứng lên đánh lại quân xâm lược Pháp. Tuy nhiên, sức mạnh quân sự của phương Tây đã khiến cho nhà Nguyễn không đủ sức chống đỡ, từng bước đầu hàng thực dân Pháp, bỏ rơi ngọn cờ dân tộc. Việt Nam từ một quốc gia phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến.

Mặc dù triều đình nhà Nguyễn bạc nhược và bỏ cuộc, song phong trào yêu nước chống thực dân Pháp vẫn diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ và thu hút sự tham gia của đông đảo Nhân dân. Hàng loạt phong trào yêu nước trong bối cảnh thực dân Pháp ra sức khủng bố và đàn áp đã chứng tỏ không gì có thể khuất phục tinh thần yêu nước, ý chí tự cường và quyết tâm giải phóng dân tộc của người Việt Nam; tiêu biểu cho khuynh hướng phong kiến là phong trào Cần Vương của Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám...; theo trào lưu dân chủ tư sản với những đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học.... Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến hay tư sản đều không đi tới kết quả như mong đợi, thậm chí còn bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt. Nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của các phong trào yêu nước trước khi có Đảng Cộng sản Việt Nam là do thiếu một đường lối chính trị đúng đắn, thiếu một tổ chức đủ năng lực và có phương pháp cách mạng phù hợp để tập hợp rộng rãi mọi lực lượng, lãnh đạo Nhân dân đứng lên đấu tranh giành độc lập.

Thất bại của phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã chứng tỏ sự lỗi thời, lạc hậu của hệ tư tưởng phong kiến, sự yếu ớt, bất lực của hệ tư tưởng tư sản trước sứ mệnh mà lịch sử giao phó; yêu cầu đặt ra cấp thiết là phải tìm một hướng đi mới cho phong trào giải phóng dân tộc. Và sứ mệnh phải gánh vác trọng trách cao cả đó không ai khác, chính là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Rút kinh nghiệm từ sự thất bại của các phong trào yêu nước



► Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc.

và các tiền bối đi trước, vào ngày 05/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã rời bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước với một hướng đi hoàn toàn mới mẻ và táo bạo. Hành trình cứu nước bốn ba qua nhiều đại dương, châu lục với nhiều trải nghiệm sâu sắc để rồi Người được tiếp xúc, giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin để đi đến một kết luận khắc ghi vào lịch sử: “muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁽¹⁾.

Bên cạnh đó, chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong lịch sử đấu tranh cách mạng và mỗi khi Tổ quốc lâm nguy thì tinh thần yêu nước đó lại càng phát triển mạnh mẽ. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phong trào công nhân kết hợp với phong trào yêu nước đã dẫn tới sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã phản ánh quy luật nói chung, đồng thời là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta, là sự kết tinh bản lĩnh, trí tuệ và nhân quan chính trị nhạy bén của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong hành trình nỗ lực thành lập một chính đảng lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Cương lĩnh chính trị đúng đắn, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc đã chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước kéo dài trong lịch sử Việt Nam. Kể từ đây, cách mạng Việt Nam có đội tiền phong dẫn đường.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta

Thứ nhất, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, bước lên vũ đài chính trị lãnh đạo cách mạng, trải qua các cao trào cách mạng lớn: Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931), cao trào đấu tranh dân chủ, dân sinh 1936 - 1939 và đỉnh cao là phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 đã đưa tới thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cách mạng Tháng Tám thành công đã đập tan xiềng xích đô hộ hơn 80 năm của thực dân Pháp ở Việt Nam, giành lại độc lập, chủ quyền cho dân tộc. Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam đã xuống Chiếu thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kết thúc chế độ phong kiến kéo dài nghìn năm trong lịch sử dân tộc; chính quyền nhà nước thực sự về tay nhân dân lao động. Người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ vươn lên địa vị của người làm chủ - làm chủ vận mệnh của bản thân, làm chủ vận mệnh của dân tộc. Ngày 02/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh

đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với toàn thể quốc dân đồng bào và thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một quốc gia độc lập, thống nhất, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Kể từ đây, Việt Nam bước sang kỷ nguyên độc lập dân tộc, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Giá trị của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là không gì có thể phủ nhận, tuy nhiên, những thế lực thù địch, phản động vẫn không ngừng rêu rao, đưa ra những luận điệu xấu xa, quan điểm xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và bác bỏ công sức, sự hy sinh xương máu của Nhân dân. Lịch sử và thế giới đã công nhận sự thật của quá trình dày công chuẩn bị và kiên trì đấu tranh suốt 15 năm dưới ngọn cờ của Đảng để có cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công. Trong đó, tuyệt đối kiên định với đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc - “cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề căn cấp dân tộc giải phóng”⁽²⁾.

Cách mạng Tháng Tám đánh dấu sự nỗ lực xây dựng, chuẩn bị lực lượng bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; xây dựng căn cứ địa cách mạng; là nghệ thuật chớp thời cơ để phát động một cuộc chạy đua nước rút giành chính quyền trong những ngày cuối tháng Tám trước khi quân Đồng Minh vào tước khí giới của phát xít Nhật. Nếu không có sự chủ động và chuẩn bị sẵn sàng thì thời cơ đến cũng khó có thể giành thắng lợi. Con đường vinh quang của Đảng ta đã thấm đẫm những hy sinh, mất mát của các thế hệ đảng viên tài năng, nhiệt huyết và kiên trung để làm nên một nước Việt Nam độc lập.

Thứ hai, Đảng lãnh đạo giành chiến thắng vĩ đại trong cuộc chiến tranh vệ quốc kéo dài 30 năm (1945 - 1975).

Sau Cách mạng Tháng Tám, ngày 23/9/1945, với sự tiếp tay của người Anh, thực dân Pháp đã nổ súng tái chiếm Sài Gòn, chính thức phát động cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Đảng, Chính phủ,



► Thắng lợi vĩ đại của Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 do nhiều nhân tố tạo thành, trong đó nhân tố có ý nghĩa quyết định, là sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, đúng đắn và sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng toàn thể Nhân dân Việt Nam đã nỗ lực hết sức để cứu vãn nền hòa bình; song âm mưu của thực dân Pháp là quyết tâm cướp nước ta một lần nữa, từng bước leo thang trong chiến tranh Việt Nam và đến khi độc lập, chủ quyền của dân tộc bị chà đạp thì chúng ta quyết không nhân nhượng. Đảng ta đã phát động toàn quốc kháng chiến vào 20h ngày 19/12/1946. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp ra đời trong giai đoạn 1945 - 1947 với phương châm thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đường lối kháng chiến của Đảng đã trở thành ngọn cờ dẫn đường, tập hợp và khơi dậy sức mạnh toàn dân để chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược.

Bước sang giai đoạn 1951 - 1954, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện theo phương châm hoàn thành giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai là biểu tượng của tinh thần dân tộc, ý chí độc lập, không khuất phục trước bất kỳ kẻ thù nào. Đó là một chiến thắng chấn động địa cầu, lừng lẫy năm châu “được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc”⁽³⁾.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Một trong những nội dung quan trọng của Hiệp định là lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến tạm thời. Miền Bắc có hòa bình, được giải phóng nhưng miền Nam vẫn nằm dưới sự kiểm soát của thực dân. Đúng thời gian này, lần đầu tiên trong lịch sử, Đảng ta đã táo bạo, sáng suốt khi đề ra đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền. Đối với miền Bắc là xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, là hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến. Đối với miền Nam là tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước. Công cuộc lao động, sản xuất và chiến đấu của Nhân dân diễn ra hồi hả với tinh thần “nước Việt Nam là một,

dân tộc Việt Nam là một”, với quyết tâm “xé dọc Trường Sơn đi cứu nước” đã giúp nước ta đánh bại các chiến lược chiến tranh lớn của đế quốc Mỹ để đất nước hoàn toàn thống nhất, giang sơn thu về một mối, Bắc Nam sum họp một nhà vào ngày 30/4/1975.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã kết thúc thắng lợi cuộc trường chinh chống đế quốc Mỹ kéo dài 21 năm, 30 năm chiến tranh vệ quốc và hơn một thế kỷ chống ngoại xâm, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, “những thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”⁽⁴⁾.

Thứ ba, Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX, tình hình thế giới đã diễn ra những biến đổi to lớn và sâu sắc. Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã bộc lộ rõ sự bất ổn và đứng bèn bờ vực của sự khủng hoảng. Để thoát khỏi tình trạng bế tắc đó, con đường cải cách, cải tổ hay đổi mới đã trở thành xu thế khách quan. Ở Việt Nam, sau khi đất nước có hòa bình, thống nhất, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ miền Bắc đã được nhân rộng ra quy mô cả nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) đã quán triệt sâu sắc tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đã đánh giá đúng những thành tựu đạt được, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, từ đó rút ra bốn bài học lớn, trong đó có bài học quan trọng “lấy dân làm gốc”. Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới từ tư duy đến hành động, từ đổi mới kinh tế đến đổi mới chính trị và các mặt khác của đời sống xã hội. Đổi mới là nhu cầu cấp thiết của cách mạng, là vấn đề sống còn của quốc gia dân tộc. Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 1996), Việt Nam thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, việc chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành và cho phép chúng ta chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong bối cảnh của kỷ nguyên số, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ và hoàn thiện hơn; đó chính là cơ sở để đẩy mạnh toàn diện và đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước hội nhập và phát triển bền vững. Đánh giá về thành tựu đổi mới của đất nước, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”⁽⁵⁾. Tổng Bí thư Tô Lâm cũng khẳng định: những thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam suốt 95 năm qua bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu, cùng sự hy sinh, chiến đấu, lao động sáng tạo của toàn dân, toàn quân dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Trong những thời điểm khó khăn,

thử thách, Đảng ta đã thể hiện rõ bản lĩnh, tinh thần đoàn kết, là một khối thống nhất về ý chí và hành động, từ đó lãnh đạo, chỉ đạo cả hệ thống chính trị nỗ lực cố gắng đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện trên các lĩnh vực. Đồng thời, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, vững mạnh, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của Nhân dân⁽⁶⁾.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một trong những nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách để hiện thực hóa kỷ nguyên vươn mình của dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội là công cuộc tinh gọn tổ chức bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị, nhằm xây dựng một hệ thống “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”. Những kết quả và định hướng quan trọng đã đạt được bao gồm: sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương, giảm các tầng nấc trung gian để nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; cải cách hành chính, tổ chức lại các đơn vị hành chính lãnh thổ để tạo tiền đề cho bước phát triển mới. Gắn với đó là tinh giản biên chế; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức liêm khiết, mẫu mực, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác những người không đủ tiêu chuẩn; đổi mới phương thức lãnh đạo; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng đối với mọi lĩnh vực... Những nỗ lực này khẳng định con đường đúng đắn của dân tộc Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dưới ngọn cờ dẫn đường sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Với mục tiêu phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã xác định các mốc phát triển quan trọng, được cụ thể hóa trong các văn kiện, nghị quyết, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội ĐBTV lần thứ XIII của Đảng: Đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam): Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam): trở thành



► Lễ diễu binh, diễu hành kỷ niệm chào mừng 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9.

nước phát triển, thu nhập cao. Nhìn lại hành trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, những dấu mốc, thành công chúng ta đạt được đều có vai trò to lớn của Đảng. Điều này cũng lý giải sức mạnh của Đảng ta là xây dựng trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; là sự đoàn kết, đồng lòng, sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân, nguyện đi theo ngọn cờ do Đảng dẫn đường. Chính vì lẽ đó, “ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”⁽⁷⁾.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà Việt Nam đạt được trong nhiều thập kỷ qua, từ một quốc gia thu nhập thấp vươn lên nhóm nước thu nhập trung bình và nay đặt mục tiêu thu nhập cao vào năm 2045 đã khẳng định con đường đúng đắn của dân tộc và ngọn cờ dẫn đường của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng là yếu tố sống còn, có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. 🌸

Ghi chú:

- (1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG-ST, H. 2011, tr.30.
- (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 7, Nxb CTQG-ST, H.2015, tr.119.
- (3) Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vàng của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, H.1970, tr.50.
- (4) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 37, sdd, tr. 471.
- (5) *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/dat-nuoc-ta-chua-bao-gio-co-duoc-co-do-tiem-luc-vi-the-va-uy-tin-quooc-te-nhu-ngay-nay-119240728083015243.htm>.
- (6) *Rạng rỡ Việt Nam*, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/rang-ro-viet-nam.
- (7) *Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 03/02/2020)*, <https://baochinhphu.vn/dien-van-cua-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-tai-le-ky-niem-90-nam-ngay-thanh-lap-dang-102267765.htm>.

NHẬN DIỆN MỘT SỐ THỦ ĐOẠN CHỐNG PHÁ ĐẢNG VỀ ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG TRƯỚC THÈM ĐẠI HỘI XIV



PGS.TS. DƯƠNG QUANG HIỂN

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Đại hội đại biểu toàn quốc (ĐBTQ) lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam là một dấu mốc rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn, cổ vũ động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới của dân tộc. Tuy nhiên, với ý đồ và mục tiêu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, càng gần đến Đại hội ĐBTQ lần thứ XIV thì các thế lực thù địch, phản động càng gia tăng các hoạt động tuyên truyền chống phá một cách toàn diện, với nhiều thủ đoạn tinh vi, trong đó có sự chống phá Đảng về đạo đức.

Một là, phủ nhận lý tưởng đạo đức cao đẹp của Đảng thông qua việc phủ nhận vai trò lãnh đạo, mục tiêu lý tưởng của Đảng.

Trên nhiều kênh thông tin, nhất là các trang mạng xã hội, các thế lực thù địch thường xuyên đưa ra các luận điệu: phủ nhận những thành tựu mà đất nước và Nhân dân ta đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng; yêu cầu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013; cổ xúy tư tưởng đòi đa đảng, thực hiện tam quyền phân lập ở nước ta... Họ cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đưa đất nước vào kỷ nguyên mới; Đảng đã chọn sai con đường, không thể có chủ nghĩa xã hội trong hiện thực, khuyến khích chúng ta nên từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin để đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, bởi vì thực tế chưa có một nước nào quá độ lên chủ nghĩa xã hội thành công mà không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Từ đó, đòi xóa bỏ quyền lãnh đạo của Đảng, phủ nhận mục tiêu lý tưởng đạo đức cao đẹp của Đảng.



► Tổng Bí thư Tô Lâm chủ trì, chỉ đạo Lễ ra mắt Trang thông tin điện tử chuyên đề Đảng Cộng sản Việt Nam Đại hội lần thứ XIV, ngày 12/9/2025.

Ngược lại, quan điểm xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi bàn về tư cách một đảng chân chính cách mạng là: “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”⁽¹⁾. Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc thì Đảng không có lợi ích nào khác. Theo đó, Người khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh”⁽²⁾, đại biểu cho trí tuệ, lương tâm của dân tộc. Đảng đã phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ nhân loại, nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của Nhân dân. Đảng không có mục đích nào khác ngoài mục đích xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Mưu cầu “tự do, ấm no, hạnh phúc” cho Nhân dân không chỉ là lý tưởng chính trị mà còn trở thành lý tưởng, chuẩn mực đạo đức cao nhất, trước hết cho mọi chủ trương, đường lối của Đảng và hành động của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong suốt quá trình cách mạng nhờ giữ vững lý tưởng đạo đức cao đẹp ấy mà Đảng ta có những lựa chọn, quyết sách đúng đắn đưa cách mạng vượt bao khó khăn, thử thách giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Hai là, hạ thấp chuẩn mực đạo đức cách mạng của tổ chức đảng và đảng viên bằng việc xuyên tạc cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, suy thoái đạo đức, lối sống trong Đảng ta hiện nay.

Để xuyên tạc kết quả phòng, chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay của Đảng, các thế lực thù địch không ngừng rêu rao rằng Đảng Cộng sản Việt Nam không thể đấu tranh chống tham nhũng, suy thoái thành công; chống tham nhũng, suy thoái chỉ là đấu đá, thanh trừng nội bộ, là căn bệnh kinh niên của chế độ độc đảng cầm quyền... để từ đó phủ định vị trí cầm quyền, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; đồng thời xuyên tạc, bôi đen lý lịch, đời tư của một số đồng chí cán bộ cấp cao, đổi trắng thay đen, tung hỏa mù gây nghi ngờ trong dư luận về phẩm chất đạo đức, uy tín cá nhân.

Cương lĩnh cách mạng mà Đảng vạch ra từ ngày thành lập cùng với sự phấn đấu bền bỉ, kiên cường hơn 90 năm qua dưới ngọn cờ “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” thể hiện mục tiêu, lý tưởng đạo đức cao cả nhất, sâu sắc nhất, bao trùm nhất và lâu dài nhất của Đảng. Xây dựng Đảng về đạo đức là xây dựng cái nền gốc tinh thần vững chắc của Đảng, ngoài tập trung xây dựng các tổ chức đảng về đạo đức cần phải xây dựng đạo đức của từng đảng viên. Xây dựng Đảng về đạo đức là xây dựng các tổ chức đảng từ Trung ương đến các chi bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, thực hiện thành công mục tiêu, lý tưởng đạo đức, nhân văn cao cả của Đảng. Xây dựng đạo đức của đảng viên là xây dựng và thực hiện những chuẩn mực giá trị đạo đức cách mạng của đội ngũ đảng viên. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trong gần 40 năm đổi mới, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị liên quan đến vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự “là đạo đức, là văn minh”.

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng hiện nay là quá trình tự làm trong sạch Đảng, là trọng tâm của công tác xây dựng Đảng về đạo đức, là việc làm phù hợp với lòng dân, được toàn Đảng, toàn dân đồng tình ủng hộ. Thực tiễn đã chứng minh, Đảng ta đã từng bước tìm ra con đường đúng đắn, thu hút, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị vào cuộc đấu tranh này. Sự giám sát của Nhân dân, sự kiểm tra, xử lý đúng theo kỷ cương, kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với các hành vi tham nhũng, suy thoái thời gian qua làm cho tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong đời sống xã hội đang từng bước được kiểm chế, ngăn chặn, đẩy lùi và có chiều hướng giảm. Thái độ, quyết tâm và kết quả trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên hiện nay khẳng định được bản lĩnh chính trị và đạo đức của Đảng một cách vững chắc trong sự nghiệp đổi mới.

Ba là, kích động, chia rẽ các quan hệ đạo đức của Đảng, trong đó tập trung chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, Đảng với Quân đội, Công an.

Chia rẽ mối quan hệ đạo đức giữa Đảng với Nhân dân, Đảng với Quân đội và Công an là một thủ đoạn trung tâm mà các thế lực thù địch đang ráo riết triển khai trên không gian mạng hiện nay.



► Hội báo quốc tế công bố dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng để lấy ý kiến Nhân dân, ngày 15/10/2025.

Họ lợi dụng mạng xã hội và truyền thông (chủ yếu từ nước ngoài) để xuyên tạc mối quan hệ giữa Đảng - Nhân dân - Quân đội - Công an. Mục đích thực chất của những thủ đoạn này là làm phai nhạt lý tưởng chính trị - đạo đức của Quân đội và Công an, tách lực lượng vũ trang ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, phá vỡ khối đoàn kết “ý Đảng - lòng dân”, gây bất ổn chính trị, tạo tiền đề cho chuyển hóa chế độ. Hệ quả nguy hiểm là nếu không cảnh giác, luận điệu này có thể làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, đồng thời, phá hoại chuẩn mực đạo đức truyền thống “Trung với Đảng, hiếu với dân” - vốn là bản chất cao đẹp của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Trái ngược với những luận điệu vu cáo, xuyên tạc và bịa đặt trên, mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân là biểu hiện mối quan hệ đạo đức cách mạng phù hợp với tiến bộ xã hội, mang giá trị nhân bản, nhân đạo và nhân văn. Bản chất của mối quan hệ này thể hiện bằng việc: lý do ra đời, tồn tại và mục tiêu hoạt động của Đảng là vì Nhân dân, vì độc lập tự do và hạnh phúc của Nhân dân; nguồn sức mạnh bất tận và vô địch của Đảng là từ Nhân dân, ở trong Nhân dân; Đảng là của dân, vì dân, dân một lòng một dạ theo Đảng, Đảng quan tâm chăm lo đến dân, dân chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng. Nhân dân Việt Nam đã lựa chọn Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo, duy nhất cầm quyền ở nước ta.

Quá trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khẳng định sức mạnh dời non, lấp biển của sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân; đồng thời, thể hiện sức mạnh của sự thống nhất giữa lý tưởng của Đảng với khát vọng không có gì quý hơn độc lập, tự do của Nhân dân. Sự thống nhất đó là nhân tố cơ bản, sức mạnh chủ yếu tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp cách mạng làm nên những thắng lợi vĩ đại, huy hoàng của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm trước đây và công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân đã, đang và sẽ tiếp tục thể hiện sinh động trong thực tiễn và là nguồn sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam, không có thế lực nào, dù nham hiểm đến đâu cũng không thể xuyên tạc, chia rẽ được. Bởi vì, vai trò của Đảng đối với vận mệnh và tương lai của dân tộc, mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân là khách quan. Tính khách quan đó,



► Đồng bào các dân tộc tỉnh Sơn La kỷ vọng lớn vào Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

không chỉ do chính lịch sử dân tộc và khát vọng của Nhân dân Việt Nam quy định, mà còn do chính bản chất cách mạng, tính tiên phong, gương mẫu của Đảng. Vai trò và mối quan hệ đó đã được khẳng định trong thực tiễn lịch sử Việt Nam suốt hơn 90 năm qua, không ai có thể bác bỏ.

Chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với Quân đội đang là một mũi nhọn tiến công của các thế lực thù địch. Họ cho rằng: lực lượng quân đội chỉ để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và phục vụ Nhân dân; Quân đội chỉ trung thành với Tổ quốc và Nhân dân chứ không phải trung thành với bất kỳ tổ chức nào; Quân đội phải duy trì tính trung lập về chính trị, đặt lợi ích của Nhân dân lên trước bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào; họ đòi bỏ quy định Quân đội phải trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam... nhằm lôi kéo Quân đội, lực lượng vũ trang xa rời hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và lý tưởng cách mạng của Đảng, của dân tộc hòng tách Quân đội ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, chia rẽ mối quan hệ đạo đức giữa Đảng với Quân đội, phủ nhận lý tưởng chính trị - đạo đức cao đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thực tiễn quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta đã chứng minh: Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội kiểu mới, do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, lãnh đạo, giáo dục và rèn luyện, mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc, là lực lượng chính trị - lực lượng chiến đấu trung thành và tin cậy của Đảng, của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và nhân dân. Lý tưởng chiến đấu của Quân đội ta là vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của Nhân dân, đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”⁽³⁾. Đây là lý tưởng chính trị, đạo đức của Quân đội nhân dân Việt Nam không chỉ mang tính cách mạng và khoa học, đúng quy luật của xã hội Việt Nam đương đại, mà còn phản ánh khát vọng thiêng liêng tự giải phóng, giành quyền Độc lập - Tự do - Hạnh phúc của đất nước, của Nhân dân.

Để đấu tranh phòng ngừa có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá Đảng trong lĩnh vực đạo đức cách mạng trước thềm Đại hội XIV của Đảng, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tuyên truyền, giáo dục làm cho mọi cán bộ, đảng viên nhận rõ âm mưu, thủ đoạn, mức độ nguy hiểm của các thế lực thù địch chống phá Đảng trong lĩnh vực đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua đó nâng cao bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; luôn kiên định vững vàng nền tảng tư tưởng của Đảng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; không dao động trước mọi âm mưu, thủ đoạn, trước sự tác động của tình hình và những thông tin sai trái, xuyên tạc, xấu độc, trên các trang mạng xã hội. Triển khai thực hiện thực chất, hiệu quả các nghị quyết, đặc biệt là Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Thứ hai, chủ động ngăn chặn, khắc phục có hiệu quả những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Các cơ quan, đơn vị cần phát huy vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, quân chúng trong đấu tranh phòng, chống suy thoái đạo đức, lối sống. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng; thực hiện tốt tự phê bình và phê bình; đề cao tính nêu gương của đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ chủ trì, chủ chốt. Kiên quyết ngăn chặn, khắc phục những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, giữ vững kỷ cương, giữ nghiêm kỷ luật; xây dựng môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh, để tăng “sức đề kháng”, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi cán bộ, đảng viên và từng cơ quan, đơn vị. Từng cán bộ, đảng viên phải biết tự bảo vệ mình, nâng cao trình độ, năng lực, tinh cảm và lập trường cách mạng, bản lĩnh chính trị trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.



► Người dân tại buôn Cư Mblim, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk tổ chức đánh trống chiêng, múa hát thể hiện sự tin tưởng và kỳ vọng vào thành công của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Thứ ba, xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong từng cơ quan, đơn vị. Trọng tâm là nâng cao hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong từng đảng bộ; thực hiện có chất lượng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII và các quy định của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ, giải quyết các mối quan hệ và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống.

Thứ tư, thường xuyên trau dồi, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm, tư tưởng sai trái, thù địch. Gắn việc nâng cao bản lĩnh chính trị với học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả.

Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang nỗ lực chuẩn bị tiến tới Đại hội ĐBTQ lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam - một sự kiện chính trị có ý nghĩa trọng đại, các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị tiếp tục tăng cường các hoạt động chống phá, trong đó “mũi nhọn” đặc biệt nguy hiểm là xuyên tạc, phủ nhận và làm suy yếu nền tảng đạo đức cách mạng của Đảng. Chúng không chỉ tấn công vào đường lối chính trị, mà còn tìm mọi cách bôi nhọ phẩm chất, hạ thấp uy tín, chia rẽ khối đoàn kết giữa Đảng với Nhân dân, Đảng với Quân đội và Công an, nhằm làm phai nhạt niềm tin, gây “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong.

Trước âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ chuẩn mực đạo đức của Đảng cần được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, lâu dài. Mỗi cán bộ, đảng viên cần chủ động nhận diện đúng bản chất, kiên quyết đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời, phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, nêu gương sáng về phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách, qua đó lan tỏa giá trị đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Cùng với đó, toàn Đảng phải tiếp tục thực hiện nghiêm túc, thực chất các nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cần được tiến hành với tinh thần “không

có vùng cấm, không có ngoại lệ”, vừa thể hiện tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng, vừa là biểu hiện sinh động của đạo đức cách mạng trong điều kiện cầm quyền.

Mặt khác, cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, nâng cao sức thuyết phục và tính chiến đấu của công tác tư tưởng - lý luận, tận dụng hiệu quả các nền tảng truyền thông mới, chủ động định hướng dư luận xã hội, củng cố “lá chắn mềm” về tư tưởng và đạo đức trong đời sống xã hội.

Giữ vững nền tảng đạo đức của Đảng chính là giữ vững linh hồn của cách mạng, là bảo vệ bản chất, sức mạnh, uy tín và niềm tin của Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Mỗi cán bộ, đảng viên phải nhận thức sâu sắc rằng: đạo đức là gốc của người cách mạng; xây dựng Đảng về đạo đức chính là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đủ năng lực lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, hùng cường và thịnh vượng. 🍀



► Công an xã Nà Bùng, tỉnh Điện Biên tuyên truyền người dân cảnh giác trước các thông tin xấu trước thềm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Ghi chú:

- (1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.289.
- (2) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, sđd, tr.403.
- (3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 14, sđd, tr.435.

► Hồ Gươm, Hà Nội.



QUỐC HỘI VIỆT NAM

TÁM MƯƠI NĂM GẮN BÓ, ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÂN DÂN



PGS.TS. LÊ MINH THÔNG

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội



THS. LÊ HOÀNG LỊCH

Học viện Hành chính và Quản trị công



► Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội Khóa I họp tại Hà Nội đã cử ra Chính phủ mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu giữ chức Chủ tịch Chính phủ, ngày 03/11/1946.

Trải qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bước vào công cuộc đổi mới và hội nhập sâu rộng, Quốc hội luôn đồng hành cùng dân tộc, là nơi những quyết sách trọng đại phản ánh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân được thảo luận dân chủ, thông qua và triển khai quyết liệt, hiệu quả. 80 năm lịch sử vẻ vang của Quốc hội Việt Nam là một hành trình kiên định, sáng tạo, không ngừng đổi mới và gắn bó, đồng hành cùng Nhân dân.

Cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 - khởi nguồn mối quan hệ máu thịt giữa Quốc hội và Nhân dân

Ngay từ những ngày đầu giành được độc lập (tháng 9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhận thức sâu sắc rằng: một nhà nước cách mạng muốn vững mạnh, vững bền, trước hết phải có tính chính danh, phải được xây dựng trên cơ sở ý chí và sự ủy quyền của Nhân dân. Vì lẽ đó, ngày 03/9/1945, phát biểu tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh yêu cầu phải sớm tổ chức Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu nhằm bầu ra Quốc hội - cơ quan đại diện cho toàn thể quốc dân, đồng thời tiến tới xây dựng Hiến pháp dân chủ cho nước Việt Nam độc lập⁽¹⁾. Vì vậy,

trong bối cảnh nền kinh tế kiệt quệ sau nạn đói khủng khiếp, hơn 90% dân số mù chữ, ngân khố trống rỗng, thù trong giặc ngoài ráo riết chống phá chính quyền cách mạng non trẻ, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn quyết tâm đưa ra quyết định mang tầm nhìn chiến lược đặc biệt sâu sắc: tổ chức Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, qua đó xác lập nền tảng dân chủ và pháp lý cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Nhân dân Việt Nam sau hàng chục năm bị áp bức, bóc lột phải được hưởng đầy đủ quyền dân chủ; nước Việt Nam độc lập phải có Hiến pháp dân chủ và Quốc hội do Nhân dân bầu ra⁽²⁾. Trên tinh thần đó, ngày 08/9/1945, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 14-SL quy định mở cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội; Sắc lệnh số 39-SL ngày 26/9/1945 về thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ cuộc Tổng tuyển cử; Sắc lệnh số 51-SL ngày 17/10/1945 quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử phải thực hiện theo lối phổ thông đầu phiếu, bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín; Sắc lệnh số 71-SL ngày 02/12/1945 bổ khuyết Điều 11 Chương V của Sắc lệnh số 51-SL nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người ứng cử...⁽³⁾.

Tinh thần đại đoàn kết dân tộc được quán triệt sâu sắc trong quá trình chuẩn bị Tổng tuyển cử. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng tối đa thành phần tham gia Quốc hội, coi Tổng tuyển cử không chỉ là sự kiện chính trị - pháp lý, mà còn là dịp để toàn dân thể hiện quyền làm chủ và trách nhiệm đối với vận mệnh quốc gia. Trong “Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu”, Người nhấn mạnh: mỗi lá phiếu của cử tri đều góp phần xây dựng nền độc lập và dân chủ của nước nhà; Tổng tuyển cử là biểu hiện sinh động của tự do, bình đẳng và dân chủ⁽⁴⁾.



► Chủ tịch Hồ Chí Minh bỏ lá phiếu đầu tiên bầu Ban Thường trực Quốc hội mới tại Kỳ họp thứ Sáu, Quốc hội Khóa I (năm 1956).

Ngày 06/01/1946, dù cho phải đối mặt với muôn vàn khó khăn về an ninh và điều kiện tổ chức, gần 90% cử tri cả nước đã nô nức tham gia bỏ phiếu, bầu ra 333 đại biểu Quốc hội khóa I (trong đó có 57% số đại biểu thuộc các đảng phái khác nhau; 43% số đại biểu không đảng phái; 87% số đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng; 10 đại biểu nữ và 34 đại biểu là người dân tộc thiểu số). Thành phần đại biểu phản ánh rõ nét tính đại diện rộng rãi của Quốc hội, đại biểu thuộc nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, đảng phái yêu nước, trong đó có phụ nữ, người dân tộc thiểu số, nhân sĩ trí thức và chức sắc tôn giáo⁽⁵⁾.

Lần đầu tiên, một cuộc Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội được tổ chức ở nước ta, dù trong điều kiện đặc biệt khó khăn và phức tạp nhưng đã được thực hiện theo những nguyên tắc dân chủ, tiến bộ nhất, đó là phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Thành công rực rỡ của cuộc Tổng tuyển cử đã khẳng định tính chính danh và hợp pháp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lập ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), mở đầu cho lịch sử xây dựng, phát triển của một Quốc hội của dân, do dân, vì dân. Thắng lợi đó là một mốc son đánh dấu bước phát triển nhảy vọt đầu tiên về thể chế dân chủ của nước Việt Nam⁽⁶⁾.

Đây cũng chính là giải pháp chính trị hòa bình, dân chủ để tập hợp, đoàn kết các lực lượng yêu nước, vô hiệu hóa âm mưu chia rẽ, phá hoại chính quyền cách mạng từ các thế lực thù địch. Tại Kỳ họp thứ nhất ngày 02/3/1946, Quốc hội khóa I đã thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và tiến hành xây dựng Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp dân chủ, tiến bộ đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam. Từ đây, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thiết lập vững chắc trên cơ sở pháp lý và dân chủ, tạo tiền đề cho toàn bộ quá trình xây dựng và trưởng thành của Quốc hội Việt Nam trong suốt 80 năm tiếp theo.

Sự tin nhiệm, ủng hộ và đồng hành của Nhân dân - nền tảng vững chắc tạo nên quyền lực và sức mạnh của Quốc hội Việt Nam trong suốt 80 năm qua

Lịch sử 80 năm xây dựng trưởng thành và phát triển của Quốc hội Việt Nam đã khẳng định và làm sâu sắc thêm nguyên lý xuyên suốt: nguồn gốc, nền tảng và sức mạnh của Quốc hội bắt nguồn từ Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định: “Nước ta là nước

dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra...”⁽⁷⁾. Quan điểm đó không chỉ là tư tưởng chỉ đạo đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, mà còn là nguyên tắc nền tảng chi phối toàn bộ quá trình xây dựng và hoạt động của Quốc hội Việt Nam. Tinh thần “tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể Nhân dân” không chỉ được ghi nhận trong Hiến pháp, mà còn được khẳng định bằng lòng dân hướng về Quốc hội. Cũng từ ý nghĩa lịch sử to lớn này mà ngày Tổng tuyển cử 06/01/1946 đã được lấy là ngày thành lập Quốc hội của nước Việt Nam độc lập, là điểm khởi đầu của lịch sử Quốc hội Việt Nam.

Qua mỗi một giai đoạn cách mạng, sự tin tưởng và ủng hộ của Nhân dân đối với Quốc hội càng được củng cố, thông qua từng cuộc bầu cử. Mỗi kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội không chỉ là sự kiện chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng mà thực sự là ngày hội lớn của toàn dân, thể hiện sinh động mối quan hệ gắn bó giữa Nhân dân với Quốc hội. Tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử qua các nhiệm kỳ luôn đạt mức rất cao, thể hiện sự quan tâm, ủng hộ và đồng hành của Nhân dân đối với Quốc hội và chế độ ta: Cuộc bầu cử Quốc hội khóa X năm 1997 có tỷ lệ cử tri cả nước đi bầu đạt 99,59 %; khóa XI năm 2002 đạt 99,73%; khóa XII năm 2007 đạt 99,64%; khóa XIII năm 2011 đạt 99,51%; khóa XIV năm 2016 đạt 99,51%. Đặc biệt, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV năm 2021 diễn ra trong bối cảnh đại dịch COVID-19 nhưng vẫn đạt tỷ lệ cử tri tham gia 99,57%, cho thấy niềm tin chính trị vững chắc của Nhân dân đối với Quốc hội và Nhà nước⁽⁸⁾.

Không chỉ trực tiếp lập ra Quốc hội thông qua bầu cử, Nhân dân còn đồng hành cùng Quốc hội trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Mối quan hệ giữa cử tri, Nhân dân với Quốc hội được xác lập từ cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên luôn được tiếp nối, tăng cường, củng cố và đổi mới qua từng nhiệm kỳ và luôn là mối quan hệ gắn bó, đồng hành hai chiều, thể hiện trên nhiều phương diện:



► Tổng Bí thư Tô Lâm bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Khu vực bỏ phiếu số 02, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội, ngày 15/3/2026.

Thứ nhất, cử tri cả nước tích cực đóng góp ý kiến cho Quốc hội thông qua kênh tiếp xúc cử tri và gửi các kiến nghị, góp ý đến các kỳ họp của Quốc hội.

Tại các cuộc tiếp xúc cử tri, tiếp công dân của các đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, nhiều cử tri đã thẳng thắn nhận xét, đánh giá về hoạt động của Quốc hội và đại biểu Quốc hội, để đạt các mong muốn, các kiến nghị, góp ý, hiến kế giúp Quốc hội tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao. Đặc biệt, trước mỗi kỳ họp Quốc hội, Nhân dân gửi gần hàng nghìn ý kiến, kiến nghị về mọi vấn đề kinh tế - xã hội. Đơn cử, để chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) cho biết đã tổng hợp 1.268 lượt ý kiến từ báo cáo các địa phương, các tổ chức thành viên, ý kiến các Ủy viên Đoàn Chủ tịch; chuẩn bị cho Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV cũng đã có 2.403 lượt ý kiến, kiến nghị, tổng hợp tập trung về đến bù đất đai, ô nhiễm môi trường, cải cách giáo dục, chế độ an sinh xã hội... được cử tri phản ánh, sau đó Quốc hội giám sát và điều chỉnh chính sách - pháp luật kịp thời đáp ứng các yêu cầu, kiến nghị của cử tri⁽⁹⁾.

Thứ hai, trong hoạt động lập pháp, vai trò chủ thể của Nhân dân ngày càng được phát huy hiệu quả.

Sự tham gia của Nhân dân trong hoạt động lập pháp đã thật sự là một nguyên tắc xuyên suốt và được quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Có thể thấy rằng, sự tham gia của Nhân dân là một trong những yếu tố đảm bảo chất lượng của các đạo luật. Trong lần sửa đổi Luật Đất đai 2024 đã có hơn 12 triệu lượt ý kiến của Nhân dân tham gia ý kiến góp ý về các vấn đề nóng như giá đất, bồi thường tái định cư; quá trình sửa đổi Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hơn 7 triệu lượt ý kiến tham gia góp ý, Nhân dân đã trực tiếp quyết định việc giữ hay bỏ án tử hình, trách nhiệm hình sự của pháp nhân; trong đợt lấy ý kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 2013 (diễn ra năm 2025), nhờ ứng dụng nền tảng số VNeID, Quốc hội đã ghi nhận con số kỷ lục hơn 280 triệu lượt ý kiến tương tác và góp ý, với tỷ lệ đồng thuận lên tới 99,75%. Đây là minh chứng cho thấy lập pháp trong kỷ nguyên số đã thực sự đến được với từng người dân và nhân dân đã trở thành chủ thể sáng tạo trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

Thứ ba, Nhân dân tích cực giám sát hoạt động của Quốc hội và các cơ quan nhà nước thông qua Quốc hội.

Những năm qua, người dân đã gửi tới Quốc hội rất nhiều thông tin, phản ánh những vấn đề bất cập trong thực tiễn cuộc sống, giúp Quốc hội có cơ sở thảo luận, chất vấn và yêu cầu cơ quan chức năng giải trình. Lòng tin hay sự hài lòng của Nhân dân chính là thước đo cao nhất đối với mọi quyết sách của Quốc hội. Sự đồng hành của Nhân dân với Quốc hội còn được biểu hiện thông qua việc tích cực tham gia góp ý xây dựng pháp luật, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị thông qua các hoạt động tiếp xúc cử tri, thông qua MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội. Hàng nghìn ý kiến, kiến nghị của cử tri được tổng hợp và báo cáo tại mỗi kỳ họp Quốc hội, phiên họp Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã trở thành nguồn thông tin quan trọng để Quốc hội hoàn thiện chính sách, pháp luật, điều chỉnh các quyết sách lớn của đất nước cho phù hợp với thực tiễn và lòng dân. Sự giám sát của Nhân dân đối với việc thực thi quyền lực của các cơ quan nhà nước, của các đại biểu Quốc hội luôn là một kênh kiểm soát quyền lực quan trọng góp phần xây dựng bộ máy nhà nước, bộ máy Quốc hội trong sạch, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, giữ vững bản chất nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Quốc hội Việt Nam 80 năm qua luôn đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, phụng sự Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân

Ngay từ khi ra đời, Quốc hội Việt Nam đã được xây dựng trên nền tảng tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên do Quốc hội thông qua - khẳng định chế độ dân chủ cộng hòa, mọi quyền lực thuộc về Nhân dân, Quốc hội là cơ quan do dân bầu, thay mặt toàn dân quyết định công việc quốc gia. Các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992, 2013 tiếp tục nhất quán tư tưởng này, ngày càng nhấn mạnh vai trò làm chủ của Nhân dân và trách nhiệm đại diện của Quốc hội. Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: “Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với Nhà nước. Như vậy, xét về vị trí pháp lý, Quốc hội chính là nơi tập trung cao nhất quyền lực của Nhân dân, là hiện thân của chủ quyền Nhân dân trong bộ máy nhà nước ta. Đây là điểm cốt lõi làm nên bản chất dân chủ của Quốc hội Việt Nam suốt 80 năm qua,





► Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn cùng các đồng chí lãnh đạo Quốc hội, Chính phủ tham quan Triển lãm Dấu ấn hoạt động giám sát của Quốc hội Việt Nam tại Nhà Quốc hội, ngày 06/01/2026.

mỗi một đạo luật, mỗi một nghị quyết, quyết định do Quốc hội ban hành đều thấm đẫm tinh thần vì dân, phụng sự Nhân dân, mưu cầu hạnh phúc cho Nhân dân, dân tộc.

Trong quá trình đổi mới, hoạt động lập pháp của Quốc hội luôn lấy lợi ích của Nhân dân làm nền tảng, giải phóng mọi tiềm năng, nguồn lực của Nhân dân cho phát triển, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo đúng phương châm “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”. Hoạt động của Quốc hội từng bước mở rộng dân chủ, tăng cường tranh luận, chất vấn, phản biện nhằm làm cho tiếng nói của cử tri ngày càng được lắng nghe đầy đủ hơn trong nghị trường. Đặc biệt, về sau này, đến Quốc hội khóa XIII, XIV, XV, tính đại diện và dân chủ của Quốc hội càng được nâng cao rõ rệt: Quốc hội đã có nhiều đổi mới trong công tác lập pháp, giám sát, lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp Nhân dân cho các dự luật quan trọng; đồng thời quyết định nhiều vấn đề lớn đáp ứng kịp thời mong mỏi của cử tri. Từ góc độ “phụng sự Nhân dân” và “đặt Nhân dân vào trung tâm”, có thể thấy rằng Quốc hội trong 40 năm đổi mới đã chuyển mạnh mẽ từ tư duy Quốc hội tham luận sang Quốc hội tranh luận, và từ Quốc hội quản lý sang Quốc hội kiến tạo và phục vụ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người. Sự chuyển biến tích cực được thể hiện qua việc quy trình lập pháp ngày càng mở rộng sự tham gia của người dân thông qua việc tăng cường lấy ý kiến Nhân dân một cách thực chất hơn, đồng thời có báo cáo giải trình, tiếp thu cụ thể. Cùng với việc tôn trọng “trí tuệ của Nhân dân”, đã có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy “làm luật để thuận tiện cho quản lý nhà nước” sang “làm luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân”.

Quốc hội Việt Nam, với tư cách là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, luôn ý thức sâu sắc rằng quyền lực được Nhân dân ủy thác thì phải được vận hành dưới sự giám sát của Nhân dân và vì lợi ích của Nhân dân. Vì vậy, Quốc hội không chỉ thực hiện dân chủ ở bình diện nguyên tắc, mà còn chủ động thiết lập và củng cố các cơ chế để Nhân dân theo dõi, đánh giá và kiểm tra hoạt động của Quốc hội một cách thường xuyên, công khai và thực chất. Điều này có thể thấy rõ ở những điểm sau:

Một là, Quốc hội coi minh bạch nghị trường là điều kiện tiên quyết để Nhân dân giám sát quyền lực. Nhiều nội dung trọng tâm của kỳ họp Quốc hội, đặc biệt là hoạt động thảo luận các báo cáo kinh tế - xã hội; chất vấn và trả lời chất vấn... được tường thuật, truyền hình, phát thanh trực tiếp và đăng tải rộng rãi, qua đó đưa hoạt động của Quốc hội đến gần Nhân dân, để Nhân dân trực tiếp theo dõi, so sánh, đánh giá và bày tỏ chính kiến. Cùng với đó, việc công khai chương trình làm việc, dự thảo luật, báo cáo giải trình - tiếp thu, báo cáo thẩm tra, nghị quyết và kết quả kỳ họp đã tạo ra cơ sở xã hội để kiểm chứng tính hợp lý của chủ trương, tính đúng đắn của quyết định và mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Hai là, Quốc hội đặt trọng tâm vào cơ chế gắn bó mật thiết với cử tri như một kênh giám sát nền tảng và bền vững. Thông qua tiếp xúc cử tri định kỳ trước và sau kỳ họp, cũng như các hình thức tiếp xúc theo chuyên đề, theo nhóm đối tượng chịu tác động, đại biểu Quốc hội không chỉ “nghe dân nói” mà còn có trách nhiệm giải trình, tiếp thu và phản hồi các kiến nghị, đề xuất của cử tri. Đây chính là phương thức để ý chí và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân được chuyển hóa thành yêu cầu lập pháp, thành nội dung giám sát, thành quyết sách cụ thể; đồng thời là thước đo trực tiếp đối với trách nhiệm đại biểu và chất lượng đại diện.

Ba là, Quốc hội coi việc tiếp nhận, xử lý và theo dõi giải quyết kiến nghị, khiếu nại của cử tri là biểu hiện rõ nhất của tinh thần “giám sát đến cùng”. Kiến nghị khiếu nại của cử tri không dừng lại ở khâu tiếp nhận, mà được tổng hợp, phân loại, chuyển đến đúng cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu trả lời và đôn đốc thực hiện; qua đó tạo thành một “chu trình giám sát” chặt chẽ từ phản ánh của Nhân dân đến trách nhiệm của cơ quan tổ chức nhà nước, từ cam kết chính sách đến kết quả thực hiện. Cùng với đó, hoạt động tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư theo quy định tiếp tục khẳng định nguyên tắc: mọi phản ánh chính đáng của Nhân dân đều phải được lắng nghe và xử lý trong khuôn khổ pháp luật.



► Đồng bào dân tộc Mông bản Cống Trời (xã Na Sang, tỉnh Điện Biên) tìm hiểu thông tin bầu cử qua điện thoại thông minh.



► Quốc hội biểu quyết thông qua Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sửa đổi) ngày 10/02/2025.

Bốn là, trong lĩnh vực lập pháp, Quốc hội chủ động mở rộng không gian tham gia của Nhân dân ngay từ giai đoạn xây dựng chính sách và soạn thảo luật. Việc công khai lấy ý kiến đối với dự thảo luật và chính sách quan trọng không chỉ giúp nâng cao chất lượng quy phạm, mà còn thể hiện quan niệm đúng đắn rằng Nhân dân giám sát từ “đầu vào” của hoạt động lập pháp sẽ hạn chế nguy cơ xa rời thực tiễn, khép kín trong quy trình, hoặc bị chi phối bởi lợi ích cục bộ. Khi tiếng nói của cộng đồng xã hội được tiếp nhận thực chất, pháp luật sẽ sát dân hơn, khả thi hơn và phục vụ tốt hơn.

Năm là, Quốc hội tăng cường giám sát tối cao bằng những phương thức thể hiện rõ trách nhiệm trước Nhân dân. Hoạt động chất vấn được tổ chức công khai, đi thẳng vào vấn đề, đòi hỏi trả lời cụ thể, xác định rõ giải pháp và lộ trình; qua đó, lời hứa và cam kết của cơ quan chịu giám sát trở thành căn cứ để Quốc hội và Nhân dân tiếp tục theo dõi, đánh giá, “hậu kiểm” việc thực hiện. Bên cạnh đó, các cuộc giám sát chuyên đề được lựa chọn theo những vấn đề dân sinh bức xúc, những điểm nghẽn nổi bật; kết luận giám sát xác định rõ trách nhiệm, kiến nghị rõ biện pháp, gắn với yêu cầu khắc phục cụ thể. Chính sự bám sát thực tiễn và hướng về hiệu quả khắc phục ấy là tiêu chí cốt lõi phản ánh Quốc hội chịu sự giám sát của Nhân dân để phục vụ Nhân dân.

Lịch sử 80 năm xây dựng và phát triển của Quốc hội cho thấy trong tất cả các giai đoạn, tinh thần đồng hành cùng Nhân dân, phụng sự ý chí, nguyện vọng và lợi ích của Nhân dân luôn được quán triệt và thực hiện xuyên suốt trong quá trình thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước⁽¹⁰⁾. Thực tiễn hoạt động của Quốc hội qua các giai đoạn lịch sử đã chứng minh rằng: trong mọi hoàn cảnh, Quốc hội Việt Nam luôn nỗ lực hoàn thành sứ mệnh mà cử tri giao phó, xứng đáng với lá phiếu tín nhiệm và niềm tin của Nhân dân.

Tiếp tục củng cố mối quan hệ giữa Quốc hội với Nhân dân, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân trong bối cảnh mới

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, Quốc hội luôn xác định mục tiêu “đồng hành cùng Nhân dân, phục vụ Nhân dân” là phương châm hoạt động xuyên suốt. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, hoạt động của Quốc hội trên một số phương diện vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định, ảnh hưởng đến mối quan hệ máu thịt giữa Quốc hội và Nhân dân, có nguy cơ làm suy giảm niềm tin của cử tri đối với Quốc hội.

Trước hết, tính “gắn dân” trong hoạt động của Quốc hội chưa thật sự đồng đều; ở một số nơi, hoạt động tiếp xúc cử tri còn nặng về hình thức, kênh tiếp nhận và phản hồi ý kiến Nhân dân chưa thống nhất, chưa kịp thời, khiến nhiều bức xúc của Nhân dân chưa được truyền tải trọn vẹn và xử lý dứt điểm. Cơ chế tổng hợp, phân loại, “đeo bám đến cùng” đối với kiến nghị cử tri có mặt còn yếu; vẫn có tình trạng kiến nghị lặp lại qua nhiều kỳ họp, phản ánh hiệu lực theo dõi, thúc đẩy giải quyết chưa tương xứng.

Trong công tác lập pháp, một số dự án luật còn độ trễ so với đời sống; quy định đôi khi còn chung chung, không rõ ràng, phụ thuộc vào văn bản hướng dẫn dưới luật, làm phát sinh khoảng trống trong thực hiện, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp. Việc đánh giá tác động chính sách và tham vấn xã hội có lúc chưa đủ sâu, chưa bao trùm các nhóm chịu tác động, đặc biệt ở cơ sở; việc sử dụng dữ liệu, bằng chứng định lượng chưa trở thành chuẩn mực đồng đều nên tính khả thi và thuyết phục của chính sách - pháp luật chưa cao. Hoạt động giám sát tối cao dù có nhiều đổi mới, song ở một số chuyên đề, “hậu giám sát” và cơ chế đo lường kết quả thực hiện cam kết sau giám sát chưa thật sự mạnh, dẫn tới chuyển biến chính sách và kỷ luật - kỷ cương chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, địa phương.

Bên cạnh đó, yêu cầu công khai, minh bạch và “dễ hiểu - dễ tiếp cận” đối với thông tin lập pháp, giám sát chưa được đáp ứng một cách hệ thống; ngôn ngữ chính sách còn chưa thật rõ ràng, nặng tính kỹ thuật, thiếu các sản phẩm truyền thông chính sách để người dân hiểu rõ tác động, quyền và nghĩa vụ của mình. Năng lực chuyên sâu và điều kiện bảo đảm cho hoạt động của một bộ phận đại biểu còn là điểm nghẽn do áp lực kiêm nhiệm, hạn chế về thời gian nghiên cứu và hệ sinh thái hỗ trợ phân tích độc lập; sự phối hợp liên ngành, liên cấp trong xử lý các vấn đề phức tạp đôi khi chưa nhịp nhàng, chưa rõ đầu mối chịu trách nhiệm đến cùng. Chuyển đổi số trong hoạt động của Quốc hội tuy đã triển khai nhưng chưa tạo được nền tảng dữ liệu liên thông để theo dõi toàn bộ chu trình kiến nghị cử tri, giám sát và kết quả xử lý theo thời gian thực.

Nhận diện đúng và đầy đủ các hạn chế nêu trên là cơ sở để tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng thực chất hơn, hiệu lực hơn, qua đó sẽ góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới. Yêu cầu đặt ra là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng thực chất, hiệu lực, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng và quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân là thước đo cao nhất.

Cần tăng cường bản chất Nhân dân của Quốc hội bằng việc đổi mới mạnh mẽ và chuẩn hóa quy trình tiếp xúc cử tri theo hướng có chủ đề, tăng thời lượng đối thoại trực tiếp, mở rộng các cuộc tiếp xúc theo nhóm đối tượng chịu tác động; đồng thời thiết lập cơ chế phản hồi bắt buộc theo thời hạn để mọi ý kiến của Nhân dân được tiếp nhận, phân luồng xử lý và trả lời rõ ràng, hạn chế tối đa tình trạng hình thức. Song hành với đó, phải đổi mới cơ chế xử lý kiến nghị cử tri theo “vòng đời” và tinh thần “đeo bám đến cùng”: mã hóa, phân loại kiến nghị theo mức độ cấp bách và nhóm lợi ích chịu tác động; công khai trạng thái xử lý; định kỳ báo cáo các kiến nghị tồn đọng, chưa giải quyết; đưa các kiến nghị lặp lại nhiều lần vào chương trình giám sát, giải trình hoặc chất vấn để tạo áp lực trách nhiệm và thúc đẩy giải quyết thực chất.

Trong công tác lập pháp, cần nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật theo hướng giảm độ trễ của chính sách, tăng tính khả thi và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Trọng tâm là thực hiện hiệu quả đánh giá tác động chính sách, coi việc sử dụng dữ liệu, bằng chứng và đánh giá chi phí tuân thủ là tiêu chuẩn bắt buộc; mở rộng tham vấn đúng đối tượng chịu tác động, nhất là ở cơ sở và nhóm yếu thế; thực hiện cơ chế “tiếp thu - giải trình” công khai, minh bạch để bảo đảm mọi ý kiến xã hội được tôn trọng và phản hồi thỏa đáng.

Đồng thời, cần quy định chặt chẽ việc ủy quyền lập quy; xác định rõ phạm vi, nguyên tắc, nội dung và thời hạn ban hành văn bản hướng dẫn, qua đó giảm khoảng trống trong thực hiện và bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Đối với hoạt động giám sát tối cao, giải pháp then chốt là tăng cường “hậu giám sát” và cơ chế chịu trách nhiệm. Kết luận giám sát phải được lượng hóa thành nhiệm vụ, mốc thời gian, sản phẩm đầu ra và đầu mối chịu trách nhiệm; các lĩnh vực chậm khắc phục phải được đưa trở lại chương trình giải trình, chất vấn hoặc giám sát lần kế tiếp. Cần xây dựng hệ chỉ số đánh giá tác động sau giám sát gắn trực tiếp với đời sống Nhân dân như giảm thủ tục, giảm chi phí tuân thủ, giảm khiếu nại kéo dài, tăng mức hài lòng của người dân. Cùng với đó, đẩy mạnh công khai, minh bạch, nâng khả năng “dễ hiểu - dễ tiếp cận” của chính sách - pháp luật thông qua các bản tóm tắt chính sách cho công chúng; công khai có hệ thống hồ sơ lập pháp và tài liệu giám sát (trừ nội dung mật), tạo điều kiện để Nhân dân giám sát.

Đặc biệt, cần tăng cường năng lực của đại biểu Quốc hội và hệ sinh thái hỗ trợ phân tích chính sách; hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp để xử lý dứt điểm các vấn đề phức tạp; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của Quốc hội theo hướng hình thành cơ sở dữ liệu thống nhất về kiến nghị cử tri - giám sát - trả lời - kết quả thực hiện. 🌱

Ghi chú:

- (1), (2), (4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.23 - 24, tr.27 - 28, tr.36 - 38.
- (3) Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, *Các Sắc lệnh về Tổng tuyển cử năm 1945* (14-SL; 39-SL; 51-SL; 71-SL), trong *Tuyển tập các văn bản pháp luật 1945 - 1946*, Nxb CTQG-ST, H.2015, tr.15 - 45.
- (5) Văn phòng Quốc hội, *Lịch sử Quốc hội Việt Nam*, Nxb CTQG-ST, H.2016, tr.41 - 46.
- (6) Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, *Hiến pháp năm 1946*, Nxb CTQG-ST, H.2016, tr.5 - 18.
- (7) Hồ Chí Minh, *sđd*, tập 10, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.612.
- (8) Hội đồng Bầu cử quốc gia, *Báo cáo tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV*, H.2021, tr.7 - 8.
- (9) Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, *Báo cáo công tác dân nguyện*, Hà Nội, tr.3 - 6.
- (10) Văn phòng Quốc hội, *Lịch sử Quốc hội Việt Nam*, Nxb CTQG-ST, H.2016, tr.112 - 118.

► Tòa nhà Quốc hội Việt Nam.



ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CÔNG

THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM



TS. ĐẶNG THÀNH LÊ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh



► Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức Hội nghị chuyên đề "Bình dân học vụ số - Quốc hội số, khung kiến thức, kỹ năng số cho Quốc hội hiện đại", ngày 13/9/2025.

Chuyển đổi số được hiểu là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số⁽¹⁾. Nói cách khác, đây là quá trình chuyển từ môi trường thực sang môi trường số, gắn với việc sử dụng công nghệ để thay đổi phương thức hoạt động, tương tác và quản lý của tổ chức, cá nhân và hệ thống xã hội nói chung. Trong quản trị công, chuyển đổi số được hiểu là việc áp dụng công nghệ và dữ liệu số vào các hoạt động quản lý nhà nước, từ ra quyết định, điều hành, quản lý đến cung cấp dịch vụ công... nhằm tạo ra một hệ thống quản lý hiện đại, linh hoạt, minh bạch và có khả năng tương tác cao với người dân, tổ chức, doanh nghiệp và xã hội.

Thực trạng ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị công ở Việt Nam và tác động đến tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững

Chủ trương, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trong quản trị công

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta xác định công tác chuyển đổi số là chủ trương chiến lược nhằm thúc đẩy sự chuyển đổi toàn diện phương thức phát triển và quản trị quốc gia. Cụ thể, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương,

chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), trong đó khẳng định phải chủ động tham gia CMCN 4.0, xây dựng hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực công nghệ cho cả nền kinh tế, tạo cơ sở quan trọng cho các chủ trương, giải pháp chuyển đổi số sau này. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” để cụ thể hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW thành các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể, trong đó khẳng định: phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; xây dựng hạ tầng số, dữ liệu số và thúc đẩy hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số.

Khung pháp lý liên quan tới an toàn, an ninh và quản trị dữ liệu cũng được chú trọng bổ sung, như Luật An ninh mạng năm 2018⁽²⁾ và các văn bản liên quan đặt ra yêu cầu bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự trên không gian mạng. Đồng thời, Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cũng nhấn mạnh xây dựng năng lực, chuẩn mực, hạ tầng và ứng phó sự cố; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã tạo nền tảng pháp lý và định hướng phát triển kinh tế số gắn với xã hội số.

Chuyển đổi số quốc gia là công việc rất lớn, rất chiến lược, nhưng phải bắt đầu bằng những hành động cụ thể, mục tiêu cụ thể, làm việc nào dứt điểm việc đó, không thể chung chung được.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính
 Chủ tịch Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số

Những văn bản này hình thành khung khổ pháp lý cơ bản để bảo đảm chuyển đổi số an toàn và có trách nhiệm. Ở cấp bộ, ngành và địa phương, nhiều kế hoạch, bộ chỉ số và quyết định triển khai cụ thể bảo đảm thực thi đã được ban hành.

Có thể thấy, hệ thống chính sách, chiến lược và văn bản pháp lý của Việt Nam trong những năm gần đây đã được ban hành có tính đồng bộ ở mặt định hướng (từ Đảng, Chính phủ), sự tập trung chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch và nỗ lực xây dựng nền tảng pháp lý về an ninh, dữ liệu và kinh tế số của các bộ, ngành, địa phương. Chúng ta đã xây dựng được “khung chiến lược - tổ chức - pháp lý” khá hoàn chỉnh để thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị công; bước tiếp theo đòi hỏi tập trung hoàn thiện pháp chế về dữ liệu, tăng cường phối hợp liên ngành, ưu tiên nguồn lực triển khai thực tiễn và nâng cao năng lực số của cán bộ, công chức để hiện thực hóa những chủ trương chiến lược thành kết quả thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững.

Những thành tựu đạt được của việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản trị công

Thứ nhất, kiện toàn bộ máy chỉ đạo và xây dựng kế hoạch triển khai ở tất cả bộ, ngành, địa phương: Chính phủ và các bộ, ngành đã thúc đẩy kiện toàn bộ máy chỉ đạo để bảo đảm triển khai chuyển đổi số đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Các địa phương cũng đã ban hành nghị quyết, chỉ thị và kiện toàn cơ chế điều hành liên quan tới chuyển đổi số nhằm thúc đẩy quá trình triển khai trên thực tế.

Thứ hai, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến: hạ tầng dịch vụ công quốc gia được thiết lập, mở rộng mạnh mẽ; tỷ lệ số hóa thủ tục tăng rõ rệt. Cổng Dịch vụ công quốc gia (dichvucong.gov.vn) được phát triển thành nền tảng trung tâm, tích hợp hàng nghìn dịch vụ và kết nối với hệ thống cấp bộ, cấp tỉnh. Tính đến Quý I/2024, Cổng đã cung cấp khoảng 4.505 dịch vụ công trực tuyến và có hơn 12,17 triệu tài khoản đăng ký cùng với hơn 287 triệu hồ sơ được đồng bộ trên các hệ thống kết nối⁽³⁾. Tỷ lệ hồ sơ thực hiện trực tuyến và tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đều có bước tiến rõ rệt. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của

cơ quan trung ương và địa phương đều tăng đáng kể, cụ thể tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 46,16%; của địa phương đạt 51,55% trong 6 tháng đầu năm 2024⁽⁴⁾. Các chính sách pháp lý và quyết định hành chính cũng được hoàn thiện để thúc đẩy cung cấp dịch vụ công, trong đó có nhiều quyết định của Thủ tướng và Văn phòng Chính phủ đã được kịp thời ban hành, thúc đẩy tích hợp, chuẩn hóa và lộ trình đưa Cổng Dịch vụ công quốc gia thành “một cửa số” duy nhất từ ngày 01/7/2025.⁽⁵⁾

Thứ ba, kết nối liên ngành qua Trục liên thông văn bản và tiến trình đồng bộ dữ liệu quốc gia đạt quy mô lớn: Hệ thống Trục liên thông văn bản quốc gia đã trở thành xương sống để trao đổi văn bản điện tử và tích hợp mã định danh điện tử phục vụ kết nối dữ liệu giữa các cơ quan. Theo báo cáo tổng kết kết quả chuyển đổi số quốc gia, trong năm 2023 hệ thống đã xử lý hơn 8,2 triệu văn bản điện tử gửi/nhận qua Trục, thể hiện quy mô vận hành lớn và hỗ trợ chỉ đạo điều hành hiệu quả⁽⁶⁾. Cùng với đó, các cơ sở dữ liệu quốc gia như cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức; cơ sở dữ liệu dân cư, y tế, bảo hiểm... được ưu tiên đồng bộ.

Thứ tư, tác động hiệu quả tới quản trị và kinh tế - xã hội: việc số hóa dịch vụ công đã mang lại lợi ích to lớn về quy mô và tiết kiệm được nhiều chi phí cho ngân sách nhà nước và xã hội do dịch vụ công trực tuyến tạo ra. Theo ước tính từ Văn phòng Chính phủ, ngân sách tiết kiệm khoảng vài nghìn tỷ đồng mỗi năm, ví dụ năm 2019 tiết kiệm được 4.222 tỉ đồng, trong đó tính riêng chi phí tiết kiệm được do thực hiện qua Cổng Dịch vụ công quốc gia khoảng 1.736 tỉ đồng. Con số này sẽ tiếp tục tăng lên, tỷ lệ thuận với số lượng dịch vụ công trực tuyến được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia⁽⁷⁾. Năm 2020, ước tính tổng chi phí xã hội tiết kiệm được khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là hơn 6.700 tỷ đồng⁽⁸⁾. Kinh tế số ước đạt khoảng 16,5% GDP của năm 2023⁽⁹⁾, kết quả này cho thấy chuyển đổi số đang góp phần thực chất vào cấu phần kinh tế quốc gia và mở rộng thị trường số, thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt.

Một số hạn chế và thách thức

Một là, thể chế, chính sách và khung pháp lý chưa hoàn thiện, thiếu tính bất kịp: mặc dù đã có nhiều văn bản quan trọng được ban hành, song công tác rà soát, bổ sung các văn bản pháp lý liên quan đến quản trị dữ liệu, định danh điện tử, giao dịch điện tử và chia sẻ dữ liệu còn chậm. Vẫn còn một số chính sách hiện hành chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển mở, minh bạch, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan. Bên cạnh đó, việc đề xuất sửa đổi, hoàn thiện khung pháp lý về giao dịch điện tử cũng đang là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần được nghiên cứu, rà soát để bổ sung hoàn thiện. Sự chậm trễ trong ban hành các văn bản hướng dẫn hoặc sửa đổi các luật liên quan làm cho nhiều địa phương hoặc cơ quan khi triển khai gặp vướng mắc, có nơi muốn chia sẻ dữ liệu nhưng chưa có cơ chế pháp lý ràng buộc để thực hiện.

Hai là, hạ tầng số, dữ liệu, kết nối giữa các cơ quan chưa đồng bộ: hạ tầng công nghệ thông tin ở nhiều tỉnh, vùng sâu, vùng xa vẫn còn yếu. Việc đảm bảo kết nối internet băng thông rộng ổn định,

trung tâm dữ liệu địa phương chất lượng cao chưa phổ biến. Nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc địa phương chưa được chuẩn hóa, chia sẻ, dẫn đến tình trạng dữ liệu phải nhập lại dữ liệu nhiều lần. Cơ sở dữ liệu ngành của các bộ, lĩnh vực vẫn chưa kết nối chặt chẽ với dữ liệu quốc gia, điều này làm giảm khả năng ra quyết định dựa trên dữ liệu tổng hợp. Hạ tầng viễn thông và nền tảng số giữa các vùng miền có sự chênh lệch lớn. Ở khu vực đô thị, hạ tầng số phát triển mạnh, nhưng ở vùng sâu, vùng xa, tỷ lệ tiếp cận internet băng rộng còn thấp, gây ra sự phân hóa trong khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến... ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu bao trùm của chuyển đổi số.

Ba là, nhân lực số, năng lực triển khai hạn chế: nhiều cán bộ, công chức chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng số để tham gia chuyển đổi số. Tình trạng thiếu đồng bộ về đào tạo, bồi dưỡng còn tồn tại. Trên thực tế, vẫn còn bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn lúng túng trong việc ứng dụng công nghệ mới vào xử lý công việc hàng ngày. Tình trạng “ngại đổi mới”, tâm lý e dè trước công nghệ, cũng là một rào cản trong cải cách hành chính và quản trị công số. Ngoài ra, thiếu đội ngũ chuyên gia về quản trị dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo trong khu vực công cũng là thách thức lớn, dẫn đến sự phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp công nghệ tư nhân, đặt ra vấn đề về bảo mật và chủ quyền số.

Bốn là, sự bất bình đẳng số, niềm tin xã hội và rủi ro an ninh, bảo mật: nhìn chung, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người cao tuổi hoặc người có thu nhập thấp vẫn thường gặp phải nhiều khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công trực tuyến do hạn chế về hạ tầng, thiết bị và kỹ năng số; vấn đề niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với dịch vụ công trực tuyến cũng đang là thách thức lớn. Một bộ phận người dân còn lo ngại về tính bảo mật của dữ liệu cá nhân, tính ổn định của hệ thống, và e dè khi thực hiện các giao dịch số quan trọng như thanh toán trực tuyến hoặc nộp hồ sơ qua mạng. Nếu niềm tin này không được củng cố bằng sự minh bạch, an toàn và hiệu quả trong cung cấp dịch vụ, mục tiêu phổ cập chuyển đổi số sẽ khó đạt được. Bên cạnh đó, hệ thống an



► Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Trương Việt Dũng trao chứng nhận cho các đơn vị đồng hành cùng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội, ngày 26/02/2026.

toàn, an ninh mạng trong một số cơ quan, địa phương chưa được đầu tư tương xứng; việc bảo vệ dữ liệu cá nhân, kiểm soát truy cập và xử lý sự cố chưa đồng bộ.

Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị công nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển bền vững

Một là, hoàn thiện thể chế, chính sách và khung pháp lý về chuyển đổi số trong quản trị công.

Thực tế ở Việt Nam cho thấy, các vấn đề như quản trị dữ liệu mở, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh và xác thực điện tử, hay cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước chưa được quy định đầy đủ, khiến nhiều bộ, ngành và địa phương gặp lúng túng trong triển khai. Vì vậy, cần ưu tiên xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp lý đồng bộ và toàn diện về dữ liệu và quản trị số. Theo đó, cần cụ thể hóa và hoàn thiện các quy định của Luật Dữ liệu, làm cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thu thập, lưu trữ, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu. Rà soát và điều chỉnh các luật liên quan như Luật An ninh mạng, Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng để bảo đảm phù hợp với bối cảnh số hóa toàn diện trong thời đại số hiện nay. Cần có quy định bắt buộc về chuẩn hóa dữ liệu, thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành và xây dựng hạ tầng tích hợp dữ liệu quốc gia để tránh lãng phí, trùng lặp và nâng cao hiệu quả sử dụng dữ liệu. Thúc đẩy hợp tác công - tư trong xây dựng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Hai là, phát triển đồng bộ hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu quốc gia.

Mặc dù Việt Nam đã đạt những bước tiến quan trọng như phủ sóng 4G toàn quốc và thử nghiệm 5G ở nhiều đô thị lớn, hay vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hơn 90 triệu thông tin công dân, nhưng vẫn còn những hạn chế đáng kể. Hạ tầng công nghệ giữa các vùng, miền còn chênh lệch. Nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa liên thông, dẫn đến tình trạng “cát cứ dữ liệu” gây lãng phí và hạn chế hiệu quả sử dụng. Do đó, phát triển đồng bộ hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu quốc gia là yêu cầu cấp thiết. Trọng tâm là, phát triển hạ tầng viễn thông số hiện đại, rộng khắp, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp đều có khả năng tiếp cận dịch vụ số với chất lượng cao và chi phí hợp lý; xây dựng hệ sinh thái dữ liệu quốc gia đồng bộ, liên thông và an toàn, trong đó dữ liệu được coi là tài nguyên chiến lược, được khai thác phục vụ quản trị công, phát triển kinh tế số và nâng cao chất lượng dịch vụ công cho người dân.

Ba là, nâng cao năng lực số và đổi mới phương thức quản trị công.

Điểm nghẽn lớn nhất hiện nay của chuyển đổi số trong quản trị công tại Việt Nam là hạn chế về năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức và phương thức quản trị truyền thống. Do đó, việc nâng cao năng lực số được xem là giải pháp quan trọng, cần tập trung vào hai trụ cột: nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đổi mới phương thức quản



► Lực lượng Công an nhân dân tiến tới chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn 2025 - 2030.

trị công theo hướng hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu. Đây là điều kiện tiên quyết để bảo đảm chuyển đổi số không chỉ là việc đầu tư hạ tầng, công nghệ, mà còn gắn liền với sự thay đổi tư duy và hành động của con người trong bộ máy hành chính. Cùng với đó, cần khuyến khích văn hóa đổi mới trong khu vực công; có cơ chế khen thưởng, đánh giá phải dựa trên hiệu quả ứng dụng công nghệ số vào công việc.

Bốn là, đảm bảo tính bao trùm, công bằng xã hội và củng cố niềm tin số.

Để bảo đảm mọi công dân đều có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ số và tăng cường niềm tin xã hội đối với các nền tảng và dịch vụ công trực tuyến. Đây vừa là yêu cầu xã hội, vừa là điều kiện để chuyển đổi số phát huy tác động rộng khắp, thay vì chỉ phục vụ một bộ phận có lợi thế về công nghệ. Do đó, cần đầu tư mở rộng hạ tầng số ở vùng khó khăn, bảo đảm người dân vùng sâu, vùng xa có thể tiếp cận internet băng rộng với chi phí hợp lý; triển khai các chương trình bồi dưỡng kỹ năng số cho người cao tuổi, nông dân, công nhân, qua đó giúp họ biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến cơ bản như đăng ký giấy tờ, thanh toán điện tử hay tiếp cận an sinh xã hội. Các bộ, ngành liên quan cần phối hợp cùng các tổ chức xã hội để nhân rộng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cộng đồng. Đặc biệt, cần có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản hồi nhanh chóng từ người dân để nâng cao trải nghiệm và khẳng định cam kết “lấy người dân làm trung tâm”. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn mạng ở mức cao.

Năm là, gắn kết chuyển đổi số với mục tiêu phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.

Hiện nay, việc tích hợp mục tiêu tăng trưởng xanh vào chiến lược chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu. Để thực hiện giải pháp này cần chú trọng phát triển hạ tầng và dịch vụ số theo hướng “xanh hóa”, thân thiện môi trường; đồng thời sử dụng công nghệ số như một công cụ để hỗ trợ quản lý và giám sát môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Đây vừa là trách nhiệm xã hội, vừa là cơ hội để Việt Nam hội nhập với xu hướng toàn cầu về chuyển đổi kép “số hóa” đi cùng “xanh hóa”. Trước hết, cần thúc đẩy ứng dụng năng lượng

tái tạo và công nghệ tiết kiệm năng lượng trong vận hành hạ tầng số. Các trung tâm dữ liệu quốc gia, hệ thống điện toán đám mây cần được thiết kế theo tiêu chuẩn “xanh”, giảm phát thải và tối ưu hóa tiêu thụ điện; ban hành quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc về hiệu quả năng lượng cho hạ tầng số, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp công nghệ đầu tư vào các giải pháp năng lượng sạch. Cùng với đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý môi trường và phát triển bền vững.

Chuyển đổi số trong quản trị công đang trở thành xu thế tất yếu, gắn liền với tiến trình hiện đại hóa nền hành chính nhà nước và hội nhập quốc tế. Trước những cơ hội và thách thức đan xen đó, việc đề xuất các giải pháp có tính tổng thể, đồng bộ như trên là hết sức cần thiết. Đây không chỉ là những giải pháp khắc phục hạn chế đã chỉ ra, mà còn góp phần đề xuất cách tiếp cận đa chiều để tận dụng tối đa lợi ích từ chuyển đổi số, đồng thời bảo đảm sự phát triển công bằng, bền vững cho toàn xã hội. Chuyển đổi số trong quản trị công ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay không chỉ là một lựa chọn chính sách, mà là một đòi hỏi mang tính lịch sử trong tiến trình hiện đại hóa đất nước; tiến nhanh hơn trên con đường trở thành quốc gia phát triển, có nền kinh tế xanh, số và bền vững trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. 🌱



► Người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến qua VNeID.

Ghi chú:

- (1) Xem <https://mst.gov.vn/cam-nang-chuyen-doi-so>.
- (2) Được thay thế bởi Luật An ninh mạng năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026)
- (3) Xem <https://www.caicachhanhchinh.gov.vn>.
- (4) Xem <https://media.chinhphu.vn/cung-cap-dich-vu-cong-truc-tuyen-cai-thien-ro-ret-trong-6-thang-dau-nam-2024>.
- (5) Xem <https://vpcp.chinhphu.vn>.
- (6) Xem <http://caicachhanhchinh.gov.vn>.
- (7) Xem <https://tuoitre.vn/cong-dich-vu-cong-quoc-gia-se-giup-tiet-kiem-duoc-4-222-ti-dong-nam>.
- (8) Xem <https://vpcp.chinhphu.vn>.
- (9) Xem <https://baochinhphu.vn/kinh-te-so-viet-nam-phat-trien-nhanh-nhat-dong-nam-a-trong-2-nam-lien-tiep>.

KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC TRONG XÂY DỰNG NỀN QUẢN TRỊ QUỐC GIA

GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ, KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ, KINH TẾ XANH, KINH TẾ TUẦN HOÀN VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM



PGS.TS. THÁI VĂN LONG

Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Bài viết phân tích kinh nghiệm xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của Trung Quốc và rút ra những giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong giai đoạn hiện nay khi đất nước bước sang kỷ nguyên mới của dân tộc với chủ trương “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả”⁽¹⁾.



► Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Công an Lương Tam Quang, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lê Hoài Trung tiếp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị, Bộ trưởng Bộ Công an Trung Quốc Tiêu Hồng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Trung Quốc Đồng Quân, ngày 16/3/2026.

Quá trình xây dựng nền quản trị quốc gia của Trung Quốc

Bắt đầu từ Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 (2016 - 2020), Trung ương Đảng và Quốc vụ viện (Chính phủ) Trung Quốc đã ban hành văn bản quan trọng: “Đề cương chiến lược phát triển theo định hướng đổi mới quốc gia” để đưa kinh tế số vào một trong những hướng phát triển chính của đất nước. Trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021 - 2025), Trung Quốc làm rõ hơn về tư tưởng chỉ đạo, nguyên tắc cơ bản, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các biện pháp bảo vệ, thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế số giai đoạn 2021 - 2025. Qua đó có thể thấy, quá trình xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của Trung Quốc mới bắt đầu khoảng một thập niên qua.

Trong triển khai, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã ban hành các chủ trương, chính sách nhằm xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và phát triển bền vững, đó là: “Chiến lược phát triển quốc gia số” với mục tiêu trở thành cường quốc kỹ thuật số toàn cầu; xây dựng mô hình “Chính phủ số” để phục vụ công dân tốt hơn, tinh gọn bộ máy và tăng cường quản trị hiệu quả thông qua công nghệ số; xây dựng “Kinh tế số” để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn có năng lực cạnh tranh toàn cầu bằng cách đầu tư vào các ngành kỹ thuật số, phát triển cơ sở hạ tầng như mạng 5G và các công nghệ tiên tiến khác; xây dựng “Xã hội số” thông qua công nghệ số để định hình lại xã hội Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác và tham gia của công dân trong các vấn đề quản trị, tạo dựng xã hội số thông qua các chính sách nhằm định hình lại bản chất xã hội để thúc đẩy sự phát triển bền vững thông qua đổi mới sáng tạo nhằm hoàn thiện khung pháp lý để quản lý quyền lực hiệu quả hơn, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong vận hành và quản trị xã hội.

Gần một thập niên triển khai, Trung Quốc đã đạt được kinh nghiệm quý báu trong xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn thông qua việc chú trọng đầu tư vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hạ tầng số quốc gia (như trung tâm dữ liệu, mạng 5G), thúc đẩy số hóa mạnh mẽ trong các ngành kinh tế cùng triển khai các chính sách cụ thể cho kinh tế tuần hoàn. Đây là những lĩnh vực trọng tâm, nền tảng của quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả thích ứng với xu thế toàn cầu.

Kinh nghiệm của Trung Quốc trong xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn

Kinh nghiệm xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với chuyển đổi số

Trung Quốc tập trung vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc sử dụng công nghệ số để quản lý và giám sát, xây dựng hạ tầng số mạnh mẽ, thúc đẩy các dự án thí điểm, tạo ra các thành phố thông minh; sử dụng dữ liệu lớn trong hoạch định chính sách, tăng cường hiệu quả dịch vụ công và cải thiện khả năng quản lý rủi ro. Cụ thể như sau:

Một là, nâng cao vai trò lãnh đạo và sự quyết đoán của chính trị.

Nền quản trị của Trung Quốc hoạt động dựa trên sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, cho phép họ đưa ra các quyết sách và chiến lược chuyển đổi số một cách mạnh mẽ, thống nhất trên toàn quốc. Chính phủ Trung Quốc đã thể hiện sự quyết tâm cao độ trong việc ưu tiên phát triển kỹ thuật số, điều này tạo ra động lực và nguồn lực cần thiết thúc đẩy chuyển đổi số một cách toàn diện.

Ví dụ, riêng về lĩnh vực dữ liệu, Trung Quốc coi dữ liệu là yếu tố đầu vào quan trọng, bắt buộc của chuyển đổi số nên đã triển khai các hành động để cụ thể hóa quyết tâm và tầm nhìn: 1) Thành lập Cục Dữ liệu quốc gia trực thuộc Ủy ban Cải cách và phát triển quốc gia để phát triển và khai thác tiềm năng dữ liệu từ Trung ương tới địa phương, đồng thời thành lập cơ quan mới chuyên trách về phát triển dữ liệu và triển khai Chiến lược quốc gia về dữ liệu lớn. 2) Ban hành quy định coi dữ liệu như một loại hàng hóa đặc biệt, được định giá và có thể được mua bán, trao đổi trên các sàn giao dịch dữ liệu. 3) Hình thành ngành công nghiệp dữ liệu, đã tạo thêm nhiều nghề và vị trí việc làm mới so với trước đây, điển hình là nghề dán nhãn dữ liệu. Bộ Nhân lực và An sinh xã hội Trung Quốc đã chính thức công nhận “Dán nhãn dữ liệu” là một nghề và được đưa vào danh mục phân loại nghề quốc gia từ tháng 4/2020. 4) Việc Nhà nước Trung Quốc giá trị hóa dữ liệu đã tạo ra một nguồn lực mới hỗ trợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong quá trình phát triển⁽²⁾.

Hai là, sử dụng công nghệ số để quản lý và giám sát.

Trung Quốc sử dụng công nghệ số để giám sát công dân và các hoạt động kinh tế - xã hội. Điều này bao gồm việc sử dụng các hệ thống camera giám sát, nhận dạng khuôn mặt, phân tích dữ liệu lớn để theo dõi và quản lý các hành vi, thông tin, cùng các sự kiện quan trọng. Việc kiểm soát thông tin chặt chẽ thông qua các công cụ kỹ thuật số giúp Chính phủ duy trì sự ổn định xã hội và định hướng dư luận theo ý muốn.

Ba là, xây dựng hạ tầng số và nền tảng dữ liệu lớn.

Những năm qua, Trung Quốc đầu tư mạnh mẽ vào phát triển hạ tầng mạng internet, 5G và các hạ tầng kỹ thuật số khác, tạo điều



► Trung Quốc có mật độ robot trên mỗi công nhân trong các nhà máy cao hơn cả Mỹ và Nhật Bản.

kiện thuận lợi cho việc thu thập và truyền tải dữ liệu trên quy mô lớn. Thực hiện “Chiến lược phát triển quốc gia số”, Trung Quốc đã xây dựng các nền tảng dữ liệu lớn để thu thập, lưu trữ và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó cung cấp thông tin quan trọng cho việc hoạch định chính sách và ra quyết định.

Bốn là, thúc đẩy các dự án thí điểm và thành phố thông minh.

Trung Quốc cho triển khai thực hiện các dự án thí điểm ở các khu vực được lựa chọn (như Thâm Quyển) để thử nghiệm các giải pháp mới trước khi triển khai rộng rãi trên toàn quốc. Phát triển các thành phố thông minh, nơi công nghệ số được ứng dụng vào mọi khía cạnh của cuộc sống, từ giao thông, y tế, giáo dục đến an ninh và quản lý môi trường.

Năm là, cải thiện hiệu quả dịch vụ công số và quản lý rủi ro.

Trung Quốc đã thu được thành công lớn trong số hóa các dịch vụ công quốc gia. Người dân hiện nay dễ dàng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công đã số hóa, giảm thiểu thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí. Việc sử dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để dự báo và phân tích rủi ro, đã giúp nước này chủ động ứng phó với các vấn đề như thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế trong quá trình phát triển.

Kinh nghiệm xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với phát triển kinh tế số

Thứ nhất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và đẩy mạnh thương mại điện tử xuyên biên giới. Trong những năm qua, Trung Quốc đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, đặc biệt là mạng 5G và Trung tâm dữ liệu quốc gia để tạo nền tảng cho sự phát triển của chính phủ số và nền kinh tế số. Đẩy mạnh các cơ chế hợp tác song phương về thương mại điện tử, đặc biệt là thương mại điện tử xuyên biên giới.

Thứ hai, tận dụng quy mô thị trường nội địa khổng lồ. Kinh nghiệm thành công của Trung Quốc là đã tận dụng phát triển kinh tế số tại thị trường nội địa rộng lớn, nơi có dân số đông và trẻ giúp các mô hình kinh doanh số nhanh chóng được thương mại hóa. Đồng thời kinh nghiệm xây dựng, thực thi chính sách bảo hộ thị trường công nghệ số trong nước để các doanh nghiệp nội địa chiếm lĩnh thị trường trước các đối thủ cạnh tranh nước ngoài, từ đó nhanh chóng đạt được lợi thế kinh tế.



► Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu (Trung tâm Dữ liệu quốc gia) và Hiệp hội Dữ liệu quốc gia giới thiệu 06 sản phẩm trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ lõi, ngày 04/7/2025.

Thứ ba, tăng cường hợp tác quốc tế thông qua các thỏa thuận thương mại kỹ thuật số. Một kinh nghiệm nữa của Trung Quốc là những năm qua rất tích cực tham gia đàm phán các thỏa thuận và ký kết các biên bản ghi nhớ về kinh tế số hay thương mại điện tử xuyên biên giới với nhiều quốc gia. Thông qua hợp tác quốc tế giúp nước này thúc đẩy thương mại và khả năng quản trị kỹ thuật số, tạo không gian cho thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển.

Kinh nghiệm xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với phát triển xã hội số

Một là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý. Kinh nghiệm của Trung Quốc những năm qua là phát triển các quy định và tiêu chuẩn về bảo mật dữ liệu, an ninh mạng và quản lý thông tin để tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động trực tuyến. Trong đó, đặc biệt chú trọng điều chỉnh và bổ sung hệ thống luật pháp theo hướng phù hợp với sự phát triển của xã hội số, tăng cường tính tự giác chấp hành luật pháp của các tổ chức xã hội. Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý về vai trò, chức năng cùng cơ chế quản lý của các tổ chức xã hội, đảm bảo hoạt động của các tổ chức này đi vào quy củ và tuân thủ pháp luật.

Hai là, xây dựng hệ thống giám sát tập trung và hiệu quả. Bao gồm: 1) Kiểm soát quyền lực: tăng cường kiểm tra, giám sát để phòng chống tham nhũng, lãng phí, minh bạch hóa và nâng cao trách nhiệm giải trình. 2) An ninh mạng: nâng cấp mô hình tổ chức, công nghệ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý internet quốc gia theo hướng tập trung, thống nhất, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ. 3) Giám sát tài sản nhà nước: hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát tài sản nhà nước tập trung vào quản lý vốn.

Ba là, thúc đẩy sự tham gia của công dân trong quản lý xã hội, tăng cường giám sát và quản lý hoạt động của các tổ chức xã hội. Trung Quốc khuyến khích công dân tham gia kiểm tra, giám sát quá trình thực thi quyết sách của Nhà nước để hạn chế tình trạng lạm quyền. Để người dân làm tốt chức năng này, chính quyền chú trọng phát triển kỹ năng số cho công dân để họ có thể tham gia kiểm tra, giám sát quá trình thực thi chính sách đúng pháp luật. Đồng thời, chính quyền đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của việc sử dụng mạng xã hội thiếu kiểm soát, thiết lập việc sử dụng internet một cách lành mạnh. Tập trung nhấn mạnh việc người dân buộc phải tuân thủ nghiêm minh luật pháp trong các hoạt động phản biện chính sách và giám sát quy trình quản lý của cơ quan nhà nước. Ngoài ra, Trung Quốc cũng chú trọng điều chỉnh luật pháp để quản lý chặt chẽ các tổ chức xã hội, phát triển hệ thống giám sát an ninh mạng và dữ liệu, đồng thời nâng cao nhận thức và năng lực số của người dân để họ tham gia kiểm tra, giám sát, cũng như tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật.

Kinh nghiệm xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn

Thứ nhất, xây dựng chiến lược quốc gia. Trung Quốc đã đưa kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn vào các kế hoạch kinh tế - xã hội từ sớm. Năm 2013, Chiến lược quốc gia để xây dựng nền kinh tế tuần hoàn (chiến lược đầu tiên trên thế giới) được Hội đồng Nhà nước Trung Quốc phê chuẩn với mục tiêu: Đến năm 2015, tăng hiệu suất sử dụng năng lượng (GDP trên đơn vị năng lượng) 18,5% so với năm 2010; nâng cao hiệu suất sử dụng nước 43%; ngành công nghiệp tái chế đạt doanh thu 276 tỷ USD⁽³⁾. Năm 2024, Trung Quốc ban hành “Đại kế hoạch” gồm 33 điểm để thúc đẩy chuyển đổi xanh trên toàn quốc, tập trung vào tăng trưởng xanh, tái cấu trúc công nghiệp và áp dụng các phương pháp sản xuất xanh⁽⁴⁾. Mục tiêu chính của “Đại kế hoạch” này là nhằm tới thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang một tương lai xanh hơn cho đất nước.

Thứ hai, hoàn thiện khung pháp lý và thể chế. Kinh nghiệm trên lĩnh vực này của Trung Quốc là Chính phủ ban hành các chính sách, quy định, chương trình như “Chương trình Khu công nghiệp phát thải các bon thấp” (LCIP) để cụ thể hóa mục tiêu “Xây dựng nền văn minh sinh thái” vào năm 2035.

Thứ ba, vai trò trung tâm của Nhà nước trong quản lý. Nhà nước đóng vai trò trung tâm trong việc định hướng, quy hoạch và quản lý các hoạt động phát triển, đặc biệt là ở cấp trung ương, tạo ra các thông điệp nhất quán và điều kiện thuận lợi cho các chương trình phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Thứ tư, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân và chính quyền địa phương. Thông qua các chương trình quốc gia, Chính phủ Trung Quốc khuyến khích sự tham gia tự nguyện của các doanh nghiệp cùng chính quyền địa phương và cấp chứng nhận cho các đối tượng tham gia thành công.

Thứ năm, áp dụng các công cụ đo lường trong đánh giá. Trung Quốc sử dụng các công cụ đo lường như: phân tích dòng nguyên liệu toàn nền kinh tế (EW-MFA); đánh giá vòng đời (LCA) và dấu chân carbon (CF) để đánh giá hiệu quả thực hiện kinh tế tuần hoàn.

Tổng quan, có thể thấy những kinh nghiệm của Trung Quốc trong xây dựng nền quản trị

quốc gia gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn là rất thiết thực, đáng quan tâm nghiên cứu, học hỏi. Trung Quốc đã tiếp cận toàn diện trong xây dựng nền quản trị quốc gia, trên các lĩnh vực từ chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số, đến phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn đều kết hợp vai trò tích cực của Chính phủ với sự phát triển của thị trường, tạo ra những động lực mạnh mẽ từ cả bên trong lẫn bên ngoài nhằm xây dựng một nền quản trị quốc gia hiện đại và hiệu quả.

Giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Trung Quốc là một cường quốc láng giềng với Việt Nam, là quốc gia tiêu biểu thúc đẩy hiện đại hóa mô hình quản trị quốc gia như một chiến lược trọng tâm của chủ nghĩa xã hội đặc sắc thời đại mới. Từ những kinh nghiệm của Trung Quốc nêu trên, trong quá trình xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả đưa đất nước vươn mình bước vào kỷ nguyên mới, Việt Nam có thể tham khảo một số nội dung sau:

Một là, xây dựng chiến lược quốc gia: Việt Nam trong quá trình xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả cần xây dựng một chiến lược tổng thể liên thông, gắn kết các quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh và tuần hoàn quốc gia với các mục tiêu, lộ trình rõ ràng, hình thành một trục tích hợp của quản trị quốc gia hiện đại.

Hai là, hoàn thiện khung pháp lý và thể chế: nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy pháp lý và tiêu chuẩn phải đi trước. Nghĩa là không chỉ ban hành chính sách mà cần ban hành hệ thống tiêu chuẩn - hệ thống đo lường - chỉ số giám sát để đo tiến trình số hóa - xanh hóa - tuần hoàn hóa. Xây dựng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và hệ thống đo lường chuẩn, thông lệ quốc tế để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc gắn kết các lĩnh vực này nhằm tạo động lực mạnh mẽ từ cả bên trong lẫn bên ngoài nhằm xây dựng một nền quản trị quốc gia hiện đại và hiệu quả.

Ba là, đầu tư mạnh hơn nữa vào hạ tầng số, khuyến khích đổi mới sáng tạo: trong quá trình xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả từ những kinh nghiệm của Trung Quốc, Việt Nam cần ưu tiên hơn nữa đầu tư vào hạ tầng số, đặc biệt là hạ tầng dữ liệu quốc gia, dữ liệu doanh nghiệp, dữ liệu logistics, dữ liệu carbon, vì nếu thiếu dữ liệu - quá trình ra quyết định chính sách sẽ vẫn “nhiều cảm tính”. Đồng thời khuyến khích đổi mới sáng tạo thông qua việc tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ và phát triển các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực kinh tế xanh, tuần hoàn.

Bốn là, nâng cao năng lực số của công dân, đào tạo công chức số: bởi xã hội số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, đều không thể vận hành chỉ bằng nghị quyết và công nghệ, mà phải vận hành bằng người dân biết dùng công nghệ một cách văn minh, hợp pháp. Cần xem xét, đặt mục tiêu cho Chương trình “Bình dân học vụ số” là đến 2030 mọi người lao động đều có năng lực sử dụng công nghệ trong công việc. Trong đó, cần soạn thảo chương trình riêng đào tạo công chức số cho bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay vận hành trơn tru, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ.

Năm là, phải có ưu tiên, quan tâm thỏa đáng đến thế hệ Gen Z (những người sinh từ năm 1997 đến năm 2012): đây chính là nguồn nhân lực kỹ thuật số, chuyển đổi số - chủ nhân của kỷ nguyên mới (2030 - 2045). Hoạch định chính sách phải quan tâm đến nguyện vọng chính đáng này của Gen Z. Phải đẩy mạnh giáo dục truyền thông số, kỹ năng tư duy phản biện lành mạnh, vì họ chính là nguồn nhân lực, động lực mạnh mẽ nhất của kỷ nguyên mới. Thực tế ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là tại một số quốc gia Nam Á gần đây cho thấy, chính phủ không đánh giá đúng vai trò, chính sách với thế hệ Gen Z không thực sự thỏa đáng nên đã dẫn đến tình trạng bất ổn. Việt Nam thời gian qua đã có những chính sách thỏa đáng với Gen Z, nhưng trong bối cảnh mới chúng ta cần làm tốt hơn nữa, để khơi dậy tiềm năng sức mạnh của thế hệ trẻ trong xây dựng nền quản trị quốc gia gắn với chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn theo hướng hiện đại và hiệu quả.

Tóm lại, kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy để vững bước trong kỷ nguyên mới, điều không thể trì hoãn là chuyển đổi mô hình quản trị quốc gia - từ quản trị “hành chính” sang quản trị “dựa trên dữ liệu - công nghệ - tiêu chuẩn”. Việt Nam có thể lựa chọn đối chiếu, chọn lọc triển khai phù hợp với điều kiện của mình, với mục tiêu cuối cùng là xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại - hiệu quả - xanh - số và bền vững, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, phát triển bền vững, phồn thịnh, Nhân dân ấm no, hạnh phúc. 🌱



► Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia tại Hòa Lạc.

Ghi chú:

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.203.
- (2) Hứa Huy Hoàng, *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam*, <https://chinhtrivaphattrien.vn/>. Ngày đăng 23/10/2024, 06:07.
- (3) Dẫn theo: *Kinh nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn tại Trung Quốc và bài học cho Việt Nam*, <https://tapchikinhthetaichinh.vn/>. Ngày đăng 29/11/2022, 13:53.
- (4) Trương Khắc Trà: *Bài học phát triển xanh nhìn từ Trung Quốc*, <https://diendandoanhnghiep.vn/>. Ngày đăng 09/6/2025.

ĐẨY MẠNH TUYÊN TRUYỀN VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031 GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ



PGS.TS. DƯƠNG QUANG HIỂN

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng



THS. PHẠM THỊ THÚY HỒNG

Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ



► Ủy viên Bộ chính trị, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, chủ trì Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, ngày 26/02/2026.

Trên cơ sở làm rõ vai trò của chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả, phạm vi và tính định hướng của tuyên truyền bầu cử, bài viết phân tích các nội dung và biện pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự (Bộ Quốc phòng) trong bối cảnh chuyển đổi số. Qua đó, khẳng định trách nhiệm của Viện trong tuyên truyền, giáo dục chính trị và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần vào thành công của cuộc bầu cử trong tình hình mới.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 diễn ra vào ngày 15/3/2026 là sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Đây không chỉ là dịp để Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, mà còn là thước đo sinh động phản ánh bản chất dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và “thực sự là ngày hội của toàn dân”. Trong bối cảnh sắp xếp tổ chức, bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, việc tổ chức thành công cuộc bầu cử càng có ý nghĩa chính trị - xã hội vô cùng to lớn, sâu sắc và đặc biệt quan trọng trong đời sống chính trị của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Cùng với đó, quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tác động sâu sắc đến phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức các hoạt động chính trị - xã hội, trong đó có công tác tuyên truyền bầu cử. Không gian mạng và truyền thông xã hội mở ra nhiều cơ hội mới để mở rộng phạm vi tiếp cận, lan tỏa thông tin nhanh chóng, kịp thời; đồng thời, cũng đặt ra không ít thách thức, nhất là nguy cơ



► Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự đón nhận Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì, ngày 25/4/2024.

bị lợi dụng để lan truyền thông tin sai trái, xuyên tạc, chống phá cuộc bầu cử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và bản chất dân chủ của chế độ ta.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình, Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự - cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự đầu ngành của Quân đội đã chủ động đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền bầu cử gắn với chuyển đổi số. Việc phát huy hiệu quả các nền tảng số, truyền thông xã hội chính thống không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị, củng cố niềm tin và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, mà còn thể hiện rõ vai trò tiên phong của Viện trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Những nội dung, biện pháp nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền bầu cử

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn về chuyển đổi số nhằm nâng cao tính kịp thời, chính xác của công tác tuyên truyền bầu cử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Bầu cử Quốc hội mới để “nhân dân ta bầu những đại biểu thật xứng đáng vào Quốc hội”⁽¹⁾. Chuyển đổi số đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó, có công tác tuyên truyền chính trị. Đối với tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, chuyển đổi số giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao tính kịp thời, chính xác, thống nhất của thông tin, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước ta đã có nghị quyết, chỉ thị, thông tư về bầu cử, đặc biệt là Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã nêu rõ: “Chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; các quy định của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân”⁽²⁾. Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 về Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031⁽³⁾; Tài liệu tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 cũng có những nội dung chỉ đạo quan trọng về sự kiện lịch sử này.

Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác bầu cử, Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự đã xác định rõ tuyên truyền bầu cử không chỉ là nhiệm vụ chính trị thường xuyên mà còn là yêu cầu trực tiếp của công tác xây dựng Đảng, xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị.

Trong bối cảnh thông tin trên không gian mạng lan truyền nhanh chóng, đa chiều, việc ứng dụng công nghệ số cho phép rút ngắn tối đa thời gian truyền tải các văn bản chỉ đạo, tài liệu tuyên truyền, giúp cán bộ, đảng viên tiếp cận kịp thời nguồn thông tin chính thống, hạn chế độ trễ và nguy cơ nhiễu loạn thông tin.

Việc số hóa tài liệu, xây dựng kho dữ liệu tuyên truyền dùng chung giúp bảo đảm tính chính xác, thống nhất về nội dung, quan điểm, khắc phục tình trạng hiểu sai, truyền đạt không đầy đủ giữa các bộ phận. Đồng thời, các công cụ số còn hỗ trợ cấp ủy, chỉ huy theo dõi, kiểm tra, đánh giá kịp thời tình hình triển khai tuyên truyền, nắm bắt diễn biến tư tưởng, dư luận trong đơn vị để chủ động điều chỉnh nội dung, phương pháp cho phù hợp.

Thứ hai, ứng dụng nền tảng số và truyền thông xã hội để mở rộng tiếp cận, lan tỏa nhận thức về bầu cử.

Không gian mạng và truyền thông xã hội ngày càng trở thành kênh thông tin quan trọng, tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi chính trị của cán bộ, đảng viên. Việc ứng dụng hiệu quả các nền tảng số giúp mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin tuyên truyền bầu cử, vượt qua những giới hạn của phương thức truyền thống.

Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự đã triển khai đồng bộ, đa dạng nội dung, hình thức tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. Nội dung tuyên truyền bám sát hướng dẫn tuyên truyền của cấp trên, trên cơ sở thực hiện toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với đặc thù của đơn vị nghiên cứu khoa học và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, hệ thống thông tin nội bộ và các trang truyền thông chính thống do đơn vị quản lý. Trong đó, Viện tập trung tuyên truyền: “về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; về vị trí, vai trò của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong bộ máy nhà nước; về nghĩa vụ của công dân”⁽⁴⁾; quy trình, nguyên tắc, thời gian tổ chức bầu cử; trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong tham gia bầu cử và tuyên truyền vận động bầu cử.



► Cán bộ tuyên truyền về bầu cử cho các cử tri tại nhà văn hóa thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang.



► Cử tri trẻ Thành phố Hồ Chí Minh quét mã QR để tham gia cuộc thi tìm hiểu về Luật Bầu cử trực tuyến.

Hình thức được thể hiện đa dạng thông qua các bài viết, infographic, video ngắn, tọa đàm trực tuyến, giúp nội dung chính trị - pháp lý trở nên sinh động, dễ hiểu, dễ tiếp nhận. Bên cạnh đó, nền tảng số còn tạo điều kiện cho sự tương tác hai chiều, giúp cán bộ, đảng viên trao đổi, đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến, qua đó, nâng cao hiệu quả định hướng tư tưởng. Trong đó, hình thức tuyên truyền được tổ chức linh hoạt, sáng tạo, kết hợp tuyên truyền trực tiếp với tuyên truyền gián tiếp, giữa giáo dục chính trị tập trung với sinh hoạt chi bộ, tọa đàm khoa học, trao đổi học thuật; ký kết giao ước thi đua “tăng tốc, bứt phá”. Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự sử dụng công nghệ thông tin điện tử, fanpage chính thống cập nhật kịp thời nghị quyết, chỉ thị, tài liệu bầu cử, giúp cấp ủy nắm chắc tình hình, định hướng thống nhất, bảo đảm nội dung tuyên truyền bầu cử chính xác, hiệu quả. Đặc biệt, Viện đã phát huy hiệu quả hệ thống thông tin nội bộ, chuyên mục tuyên truyền trên nền tảng số của đơn vị như trang Blog: Nhanvanviet.com; Chanlytienphong.com; trang Fanpage: Nhanvanviet; Sáng mãi niềm tin 25.10. Đồng thời, tuyên truyền trên các trang mạng xã hội chính thống khác của một số đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Qua đó, tạo không khí chính trị sôi nổi, dân chủ, đoàn kết, thống nhất, hướng tới ngày bầu cử thực sự trở thành ngày hội của toàn đơn vị.

Thứ ba, chủ động phát hiện, phân bác các thông tin sai trái, thù địch về bầu cử trên không gian mạng.

Trong bối cảnh không gian mạng phát triển mạnh mẽ, các thế lực thù địch, phản động ngày càng triệt để lợi dụng công nghệ số, truyền thông xã hội để tung tin giả, xuyên tạc bản chất cuộc bầu cử ở Việt Nam, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, kích động tư tưởng hoài nghi, “tẩy chay bầu cử”. Trước tình hình đó, chuyển đổi số trở thành điều kiện quan trọng để Quân đội nhân dân Việt Nam chủ động phát hiện, đấu tranh và phân bác kịp thời các thông tin sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phân bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, đã đặt ra nhiệm vụ trọng tâm phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đối với các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhằm nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh phân bác những quan điểm sai trái, thù địch trên internet. Nghị quyết nhấn mạnh: “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, tuyên truyền đối ngoại, tuyên truyền trên Internet, các mạng xã hội và các kênh truyền thông khác, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phân bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch”⁽⁵⁾.

Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 16/5/2025 về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 cũng chỉ rõ: “Kiên quyết đấu tranh phòng, chống mọi luận điệu xuyên tạc, âm mưu, hành động phá hoại cuộc bầu cử, lợi dụng bầu cử để gây rối mất an ninh trật tự”⁽⁶⁾. Đặc biệt, hiện nay, các thế lực thù địch gia tăng lợi dụng không gian mạng để xuyên tạc, chống phá cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, do đó việc chủ động phát hiện, đấu tranh phân bác các thông tin sai trái, thù địch là nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Chuyển đổi số tạo điều kiện nâng cao năng lực giám sát, phân tích thông tin, phát hiện sớm các luận điệu xuyên tạc liên quan đến bầu cử. Thông qua các nền tảng số, nội dung phân bác được xây dựng với hình thức đa dạng, lập luận khoa học, thuyết phục, không chỉ phủ định thông tin sai trái mà còn cung cấp thông tin chính thống, làm rõ bản chất dân chủ, pháp lý của cuộc bầu cử ở Việt Nam. Việc chiếm lĩnh không gian mạng bằng thông tin tích cực, chính thống góp phần tạo “sức đề kháng” tư tưởng, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên đối với sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu giữ vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tại Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự. Do đó, việc nâng cao năng lực số cho cán bộ nghiên cứu được xem là yếu tố quyết định hiệu quả tuyên truyền bầu cử.

Nâng cao năng lực số giúp cán bộ nghiên cứu chủ động làm chủ các nền tảng, công cụ truyền thông hiện đại, đổi mới nội dung, hình thức phục vụ tuyên truyền bầu cử. Khi có kiến thức và kỹ năng số



vững vàng, cán bộ nghiên cứu có thể khai thác hiệu quả hệ thống thông tin nội bộ, cổng thông tin điện tử, nền tảng số được quản lý chặt chẽ để truyền tải kịp thời, chính xác các chủ trương, quy định, nội dung liên quan đến bầu cử. Điều này góp phần mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin, bảo đảm mọi cán bộ, đảng viên, quân chúng trong đơn vị đều được tiếp nhận thông tin chính thống đầy đủ, đồng bộ. Chính năng lực số là điều kiện quan trọng để đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền bầu cử theo hướng linh hoạt, hấp dẫn, hiệu quả. Qua đó, nâng cao chất lượng tiếp nhận, tạo sự lan tỏa sâu rộng về nhận thức bầu cử, đặc biệt, đối với cán bộ, chiến sĩ trẻ trong toàn quân.

Điểm quan trọng cần được lưu ý chính là việc gắn nâng cao năng lực số với phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên nhằm góp phần lan tỏa nhận thức đúng đắn về bầu cử, tạo sự thống nhất cao trong đơn vị. Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu gương, để cao tinh thần trách nhiệm, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia bầu cử⁽⁷⁾”. Theo đó, Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự đã tích cực biểu dương phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì, nhà khoa học đầu ngành.

Thông qua việc gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; tích cực tuyên truyền, giải thích, định hướng nhận thức cho cán bộ, nhân viên, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Viện đã trở thành lực lượng nòng cốt lan tỏa nhận thức đúng đắn về bầu cử. Nhiều cán bộ, nhà khoa học của Viện đã lồng ghép nội dung về dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền, quyền làm chủ của Nhân dân vào các đề tài, bài viết, hội thảo khoa học, qua đó, góp phần cung cấp cơ sở lý luận - thực tiễn phục vụ công tác tuyên truyền bầu cử trong Quân đội và xã hội. Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ nghiên cứu, giúp họ sử dụng thành thạo nền tảng số, thiết kế sản phẩm truyền thông bầu cử sinh động, kịp thời định hướng nhận thức, nâng cao hiệu quả tuyên truyền toàn diện và có chiều sâu.

Thứ năm, đẩy mạnh quản trị truyền thông số bảo đảm thống nhất, an toàn, đúng định hướng chính trị.

Quản trị truyền thông số là yêu cầu có tính nguyên tắc nhằm bảo đảm sự thống nhất, an toàn và đúng định hướng trong công tác tuyên truyền bầu cử.

Việc quản trị chặt chẽ các nền tảng số giúp hình thành dòng thông tin chủ đạo, dẫn dắt dư luận, hạn chế tác động tiêu cực của thông tin xấu, độc, đồng thời, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác tuyên truyền bầu cử trong toàn đơn vị. Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự đã xây dựng, hoàn thiện các quy chế quản lý, phân quyền đăng tải, kiểm duyệt nội dung, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Thông qua các công cụ quản lý, giám sát, đánh giá trực tuyến, cấp ủy, chỉ huy các cấp có thể theo dõi sát sao tình hình triển khai tuyên truyền ở các bộ phận; kịp thời phát hiện những bất cập, lệch hướng để chấn chỉnh, uốn nắn. Viện đã kịp thời ban hành quy chế quản trị truyền thông số, phân quyền đăng tải, kiểm duyệt nội dung trong đó, có nội dung tuyên truyền về bầu cử trước khi phát hành, bảo mật tài khoản, giám sát phản hồi trực tuyến, qua đó, bảo đảm thông tin thống nhất, an toàn, đúng định hướng chính trị chung của Tổng cục Chính trị và của Học viện Chính trị, góp phần bảo đảm công tác tuyên truyền bầu cử được tiến hành đồng bộ, toàn diện, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền bầu cử gắn với chuyển đổi số tại Viện Khoa học xã hội và Nhân văn quân sự đã góp phần nâng cao tính kịp thời, chính xác, sức lan tỏa của thông tin; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Đây không chỉ là trách nhiệm chính trị trước Đảng, Nhà nước, Quân đội và Nhân dân, mà còn là sự khẳng định vị trí, vai trò, uy tín, trách nhiệm của một cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn quân sự đầu ngành trong Quân đội, luôn đi đầu trong tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng Viện vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, góp phần xây dựng Học viện Chính trị “Mẫu mực tiêu biểu”, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại trong kỷ nguyên phát triển mới. 🌸

Ghi chú:

- (1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.550.
- (2), (4), (6), (7) Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị ngày 16/5/2025 về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.
- (3) Thông tư số 21/2025/TT-BNV ngày 12/10/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.
- (5) Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI

HƯỚNG TỚI XÃ HỘI PHÁT TRIỂN, DÂN CHỦ, CÔNG BẰNG, THỊNH VƯỢNG VÀ HẠNH PHÚC



PGS.TS. NGÔ THÀNH CAN

Nguyên giảng viên cao cấp, Học viện Hành chính và Quản trị công



► Tổng Bí thư Tô Lâm dự Lễ khởi công xây dựng Trường Phổ thông nội trú liên cấp tiểu học, trung học cơ sở xã Ea Rók (tỉnh Đắk Lắk), do Bộ Quốc phòng phối hợp với UBND tỉnh Đắk Lắk tổ chức, ngày 11/02/2026.

Quản trị phát triển xã hội là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội và sự đoàn kết, đồng thuận trong cộng đồng. Trong thời đại số hiện nay, đây là một quá trình diễn ra thường xuyên, liên tục, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Bài viết nghiên cứu, đánh giá và đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường quản trị phát triển xã hội, như xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách xã hội; kết hợp hiệu quả nguồn lực nhà nước với nguồn lực xã hội theo hướng đa dạng hóa; xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ các đối tượng yếu thế; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và tăng cường sự tham gia của người dân, của các chủ thể trong quản trị phát triển xã hội.

Một số nội dung cơ bản về quản trị phát triển xã hội

Xã hội luôn vận động phát triển trong môi trường đầy biến động hướng tới sự phát triển thịnh vượng, con người được phát triển, tự do, ấm no, hạnh phúc. Quản trị phát triển xã hội đòi hỏi sự chung tay của Nhà nước và các tổ chức ngoài Nhà nước trong các hoạt động chung vì sự phát triển tiến bộ của người dân, cộng đồng và xã hội. Đó là hoạt động quản lý của Nhà nước cùng với hoạt động phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong xây dựng và hoàn thiện thể chế, huy động và phân bổ hợp lý các nguồn lực, nhằm giải quyết các vấn đề đời sống xã hội, đảm bảo an sinh, công bằng xã hội, hướng tới sự phát triển bền vững, liên quan chặt chẽ đến quản lý kinh tế, chính trị, văn hóa, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và cộng đồng xã hội, bảo đảm an sinh, công bằng, không ai bị bỏ lại phía sau. Như vậy, mục tiêu cơ bản của quản trị phát triển xã hội là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh xã hội và sự đoàn kết, đồng thuận trong cộng đồng.

Các nội dung chính của hoạt động quản trị phát triển xã hội bao gồm: 1) Đảm bảo sự phục vụ, người dân là trung tâm với các dịch vụ công phục vụ các nhu cầu thiết yếu cơ bản; 2) Đảm bảo sự công bằng, phúc lợi, không ai bị bỏ lại phía sau, với những nỗ lực thu hẹp khoảng cách tiếp cận y tế, giáo dục và văn hóa giữa các nhóm dân cư, cộng đồng, khu vực, vùng miền. Các hoạt động chính của quản trị phát triển xã hội tập trung vào xây dựng thể chế, nhằm xây dựng chính sách, tạo khung pháp lý và quy định để quản lý các vấn đề xã hội; các hoạt động về nguồn lực, nhằm huy động và sử dụng các nguồn lực hiệu quả, như sử dụng hiệu quả ngân sách, nhân lực, công nghệ để giải quyết vấn đề; các hoạt động giải quyết vấn đề xã hội hướng tới đảm bảo phúc lợi, công bằng, phát triển bền vững trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, việc làm, bảo vệ môi trường, giảm nghèo; từng bước thực hiện quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số nhằm áp dụng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn để quản lý dân cư, phúc lợi, dịch vụ công hiệu quả⁽¹⁾.

Trong quản trị phát triển xã hội, các nhà nghiên cứu cho rằng, cần tập trung nguồn lực vào các ưu tiên chính sau: *Thứ nhất*, thể chế, chính sách xã hội, cung cấp dịch vụ công, an sinh xã hội; xây dựng, hoàn thiện chính sách xã hội, cung cấp dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến tiện lợi hiệu quả, từng bước xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt và chia sẻ rủi ro, phát triển an sinh xã hội số, quản trị dựa trên dữ liệu. *Thứ hai*, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên một cách thông minh, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm. *Thứ ba*, chăm lo cho con người, đảm bảo sự tham gia của người dân trong quản lý nhà nước, xây dựng cộng đồng bền vững, thực hiện xóa đói, giảm nghèo bền vững. Thực hiện chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang hỗ trợ gián tiếp, như tăng cường năng lực và tạo điều kiện để người dân tự cải thiện cuộc sống, tự vươn lên thoát nghèo. Đảm bảo an ninh con người, an ninh đối với người dân, cộng đồng, xã hội. Đảm bảo người dân được bảo vệ trước các nguy cơ, hiểm họa từ môi trường, dịch bệnh, tội phạm cũng như các biến động kinh tế, tội phạm mạng...⁽²⁾.

Những thách thức và vấn đề đặt ra trong tăng cường quản trị phát triển xã hội hiện nay

Những thách thức

Hiện nay, trong bối cảnh quốc tế cũng như tình hình trong nước có nhiều diễn biến thay đổi nhanh chóng; có nhiều bất ổn, bất định, phức tạp, khó dự báo, khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, xuất hiện những thay đổi mang tính thời đại, nhiều vấn đề rất mới, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra nhanh, sâu sắc và toàn diện, nhất là trí tuệ nhân tạo; các vấn đề an ninh



► Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội Trần Thanh Mẫn thăm hỏi, tặng quà thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ và người có công với cách mạng tỉnh Thái Nguyên, ngày 27/7/2025.

phi truyền thống ngày càng phức tạp. Kinh tế thế giới với những tác động xung đột thương mại, điều chỉnh chính sách thương mại và những vấn đề an ninh toàn cầu đã tác động mạnh, ảnh hưởng nặng nề, cùng những thảm họa thiên tai, xung đột thương mại, bất cập nội tại kéo dài, đã đặt ra những vấn đề, thách thức, khó khăn phải tháo gỡ, giải quyết. Những thách thức đối với quản trị phát triển xã hội về thể chế, chính sách còn bất cập, vấn đề an sinh xã hội, bất bình đẳng, tội phạm, và năng lực quản lý, đổi mới sáng tạo còn hạn chế, sự phối hợp giữa Nhà nước và các tổ chức xã hội còn chậm để giải quyết các vấn đề xã hội, ô nhiễm môi trường, chất lượng dịch vụ công và thách thức đặt ra do sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo. Có thể nhận diện một số thách thức đang nổi lên như sau:

Thứ nhất, thể chế, luật pháp chưa thực sự đồng bộ, chưa đầy đủ, chưa đáp ứng tình hình và đòi hỏi thực tế đặt ra, vẫn còn tình trạng chông chéo và còn có những quy định chưa đủ mạnh để điều chỉnh các vấn đề xã hội phát sinh.

Thứ hai, an sinh xã hội và những vấn đề xã hội phức tạp khác. Các vấn đề an sinh xã hội chưa đáp ứng được những yêu cầu của thực tiễn, như bất bình đẳng, nghèo đói, các nhóm đối tượng yếu thế chưa được quan tâm chú trọng đúng mức. Các vấn đề xã hội phức tạp cũng đặt ra những vấn đề phải chú trọng giải quyết, như vấn đề về an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn, xung đột, đô thị hóa, cũng như các vấn đề liên quan đến mất cân bằng giới tính. Thực tế cho thấy cần có mô hình trợ giúp xã hội toàn diện hơn, vì sự bao phủ của hệ thống trợ giúp xã hội hiện tại chưa toàn diện. Hiện trạng về an sinh xã hội đặt ra yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị chính sách an sinh số để xây dựng hệ thống dữ liệu an sinh xã hội, sử dụng dữ liệu dân cư để chi trả trợ cấp xã hội đúng đối tượng, nhanh chóng và minh bạch.

Thứ ba, các nguồn lực cho an sinh xã hội chưa đủ, nhu cầu đòi hỏi cao, trong khi sự huy động và sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu. Đối với nguồn nhân lực, khả năng về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo còn có những hạn chế. Đối với một số doanh nghiệp, vẫn còn hiện tượng thất thoát thuế, trốn thuế, chuyển giá, ô nhiễm môi trường. Việc huy động, phối hợp nguồn nhân lực, vật chất,



► Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Thị Hà tham dự Lễ phát động Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, ngày 11/11/2025.

tài chính còn có những khó khăn, bất cập, cần được tập trung đầu tư thực hiện một cách có hiệu quả, chú trọng tăng cường hợp tác quốc tế và sự tham gia của người dân, xã hội để cung cấp dịch vụ công tốt hơn, hiệu quả hơn.

Thứ tư, những biến đổi nhanh chóng do diễn tiến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo đặt ra. Những yêu cầu đòi hỏi cao từ thực tiễn của kỷ nguyên số đã cho thấy những khó khăn, hạn chế trong quản lý mạng xã hội, an ninh mạng, chuyển giao công nghệ. Thực tế này đã đặt ra yêu cầu hệ thống quản lý phải thích ứng liên tục, phải cải tiến hoàn thiện. Không gian mạng là một bộ phận của đời sống xã hội cần được quản lý để bảo vệ nền tảng tư tưởng và quyền lợi của công dân. Bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền.

Thực trạng và một số vấn đề đặt ra

Những năm vừa qua, công tác quản trị phát triển xã hội được Nhà nước ta quan tâm phát triển và đã đạt được những thành quả nhất định. Quản trị phát triển xã hội được xem là một ưu tiên trong chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Công cuộc đổi mới đất nước, cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã đem lại những kết quả to lớn, toàn diện trên nhiều ngành, lĩnh vực, mức sống của người dân được nâng cao và vị thế đất nước ngày càng được tăng cường. Việc xây dựng, thực hiện các chính sách thể hiện sự gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội đã thể hiện sự năng động của quản lý nhà nước, khắc phục những bất cập, hạn chế của cơ chế thị trường. Sự “tăng trưởng kinh tế gắn kết chặt chẽ hơn với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; đã ưu tiên bố trí nguồn lực cho an sinh xã hội, phát triển con người. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên rõ rệt. Chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công, chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài... tiếp tục được hoàn thiện và thực hiện có nhiều tiến bộ”⁽³⁾.

Thực tế cho thấy, công tác an sinh xã hội ngày càng được bảo đảm, phúc lợi xã hội ngày càng được cải thiện. Với tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau, các chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Thống kê cho thấy, năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm xuống còn 1,3% (năm 2021 là 4,4%). Đến tháng 9/2025, hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước. Số người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên được mở rộng, đạt trên 3,5 triệu người

năm 2025, trong đó 55% là người cao tuổi. Hiện nay, có 98,6% hộ gia đình người có công của cả nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú. Chính sách xã hội với người có công đã giải quyết dứt điểm, không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo⁽⁴⁾. Thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội và thành lập Quỹ nhà ở quốc gia.

Tuy nhiên, trong công tác tổ chức thực hiện quản trị phát triển xã hội vừa qua đã bộc lộ một số hạn chế cần giải quyết như trong xây dựng, hoàn thiện thể chế về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội còn chậm, chưa có sự đồng bộ, đầy đủ. Các quan điểm, chủ trương về phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội chậm được cụ thể hóa và thể chế hóa đồng bộ thành các chương trình và kế hoạch hành động, chưa có đột phá trong khâu triển khai thực hiện. Công tác an sinh xã hội, an ninh con người, phúc lợi xã hội chưa được bảo đảm vững chắc. Chính sách dân số và phát triển chưa theo kịp yêu cầu thực tế, chưa gắn kết dân số và phát triển trong chính sách, chưa chủ động ứng phó với già hóa dân số, khắc phục tình trạng chênh lệch giới tính. Trong sự phát triển chung, sự phân hóa giàu - nghèo, bất bình đẳng xã hội có những biểu hiện gia tăng. Dịch vụ y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng còn nhiều hạn chế, khó khăn.

Bên cạnh đó, chất lượng nhân lực thấp, lao động trẻ thiếu việc làm ổn định, không phát huy được lợi thế cơ cấu dân số vàng. Chất lượng lao động và nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu ngay cả của thị trường. Tỷ lệ thất nghiệp cao trong thanh niên phản ánh chính sách kết nối cung - cầu lao động chưa hiệu quả. Các chính sách tạo việc làm ổn định cho thanh niên chưa hiệu quả, kéo dài qua nhiều năm. Tình hình lao động mất việc, thiếu việc làm, thu nhập bị giảm sút mạnh ở nhiều địa phương, là những vấn đề đáng lo ngại, cần được nghiên cứu khắc phục giải quyết trong thời gian tới. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, thực hiện quyền làm chủ của người dân còn có những hạn chế nhất định. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội còn có những lúng túng, chất lượng và hiệu quả chưa cao.



► Người dân xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, vui mừng khi nhận được quà của Đảng và Nhà nước trao tặng dịp Quốc khánh 02/9.

Những định hướng và giải pháp của Đảng, Nhà nước ta trong tăng cường quản trị phát triển xã hội

Về định hướng

Báo cáo chính trị tại Đại hội XIV của Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ tới là: Quản lý phát triển xã hội bền vững, bồi dưỡng tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân: hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững; phát triển kinh tế gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quá trình già hóa dân số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Xây dựng cơ cấu xã hội hợp lý trên cơ sở hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội. Khuyến khích các mô hình, cách làm sáng tạo trong quản trị phát triển cộng đồng bền vững. Đẩy mạnh xây dựng chính phủ số, xã hội số, đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển và quản lý phát triển xã hội bền vững. Đồng thời, khẳng định hướng tới xây dựng Chính phủ số, xã hội số, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp để quản trị phát triển xã hội hiệu quả với khung pháp lý vững chắc.

Một số giải pháp tăng cường quản trị phát triển xã hội

Một là, từng bước xây dựng, hoàn thiện và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội bền vững. Hoàn thiện thể chế, chính sách theo hướng hiện đại, pháp quyền. Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, kỷ cương, nghiêm minh theo pháp luật, đồng thời bảo đảm an ninh con người, thu hẹp bất bình đẳng và phân hóa giàu nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, có cơ chế điều phối linh hoạt, thích ứng với các biến động lớn như thiên tai, dịch bệnh, tình huống thiên tai, thảm họa bất thường. Chú trọng xây dựng, hoàn thiện các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và các quy tắc đạo đức trong kỷ nguyên số và các quy định về kinh tế chia sẻ, tài sản số và trách nhiệm pháp lý trên không gian mạng.

Hai là, kết hợp hiệu quả nguồn lực nhà nước với nguồn lực xã hội theo hướng đa dạng hóa để quản lý phát triển xã hội, đáp ứng các nhu cầu cơ bản, thiết yếu của các tầng lớp dân cư, cộng đồng,

nhóm xã hội phù hợp với điều kiện phát triển trong giai đoạn mới. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh, đổi mới sáng tạo. Tăng cường hợp tác công - tư, cho phép tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ xã hội. Tích cực hội nhập quốc tế trong huy động, sử dụng các nguồn lực, hợp tác phát triển nâng cao năng lực, học hỏi kinh nghiệm và giải quyết vấn đề chung.

Ba là, xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ các đối tượng yếu thế, rủi ro. Với hướng phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn dân, toàn diện, tiệm cận thông lệ quốc tế với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro, bảo đảm trợ giúp kịp thời, hiệu quả cho các đối tượng yếu thế, người nghèo, người lao động khu vực phi chính thức, người dân ở vùng sâu, vùng xa. Tăng cường chất lượng các chính sách lao động, việc làm, nhà ở, y tế, giáo dục để cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Bốn là, chú trọng vấn đề quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số trong bối cảnh hiện nay. Cần tổ chức nghiên cứu, xây dựng, triển khai hoạt động quản trị phát triển xã hội trên nền tảng số trong việc phát triển sử dụng công nghệ số (AI, Big Data, IoT, iCloud...) để điều hành, tổ chức và giải quyết các vấn đề xã hội nhằm hướng tới sự công bằng, bền vững và nâng cao chất lượng sống của người dân, của cộng đồng, xã hội. Từng bước thúc đẩy việc kết nối liên thông giữa các bộ, ngành về cơ sở dữ liệu dân cư, đất đai, bảo hiểm... để phục vụ quản trị hiệu quả. Thực hiện những hoạt động này không chỉ là số hóa giấy tờ, mà chú trọng tới thay đổi phương thức vận hành xã hội, là việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, như cung cấp các tiện ích như y tế số (telemedicine), giáo dục số (e-learning) và hành chính công không tiếp xúc. Đồng thời, từng bước thực hiện quản trị dựa trên dữ liệu (Data-driven), như sử dụng dữ liệu lớn để dự báo xu hướng xã hội, từ biến động thị trường lao động đến nguy cơ dịch bệnh hoặc tệ nạn xã hội. Chú trọng phát triển an sinh xã hội thông minh, như hệ thống chi trả trợ cấp, quản lý bảo hiểm xã hội và nhận diện đối tượng yếu thế thông qua định danh điện tử (e-ID).



► Khu tái định cư Làng Nữ được quy hoạch và xây dựng trên đỉnh Đồi Sim, cách nơi xảy ra trận lũ quét và sạt lở đất thôn Làng Nữ cũ khoảng 2km.



► Cán bộ công an với công tác chuyển đổi số nơi vùng cao biên giới.

Từng bước chú trọng tới khoảng cách số (Digital Divide), như làm giảm đi sự bất bình đẳng giữa thành thị và nông thôn, giữa những người thuộc thế hệ trẻ thành thạo công nghệ thông tin và những người thuộc thế hệ lớn tuổi, người nghèo trong việc tiếp cận các dịch vụ số. Thực hiện việc đảm bảo internet tốc độ cao và smartphone đến vùng sâu, vùng xa; từng bước cụ thể hóa các quy định về an ninh mạng và quyền riêng tư, như nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân, lừa đảo trực tuyến và sự xâm nhập của các thông tin độc hại, tin giả hay những vấn đề về xung đột văn hóa và đạo đức, như về đạo đức AI, sự cô lập xã hội do quá phụ thuộc vào thế giới ảo và sự xói mòn các giá trị truyền thống. Hình thành các trung tâm điều hành thông minh nhằm tăng cường giám sát an ninh mạng, ứng cứu sự cố và ngăn chặn tin tặc, tin giả kịp thời hiệu quả.

Nhằm là, sự tham gia của người dân, của các chủ thể trong quản trị phát triển xã hội. Thúc đẩy mạnh mẽ, tạo điều kiện cho việc tạo ra các nền tảng số để người dân đóng góp ý kiến, giám sát hoạt động của chính quyền và tự quản lý cộng đồng trực tuyến. Chú trọng nâng cao năng lực số cho người dân, cá nhân, nhóm đối tượng, cộng đồng. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ quản trị viên số, nâng cao trình độ về tư duy phân tích dữ liệu và kỹ năng điều hành xã hội trên môi trường số nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, kỹ năng thực thi công vụ trong môi trường số có kết quả, hiệu quả cao. Đầu tư, phát triển hoạt động bình dân học vụ số, tổ chức các chương trình bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cộng đồng, giúp người dân, các nhóm đối tượng, cộng đồng xã hội biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến và bảo vệ cá nhân trên không gian mạng. 🇻🇳

Ghi chú:

- (1) Phạm Quang Minh (chủ biên), *Quản lý phát triển xã hội Việt Nam - Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách*, Nxb CTQG-ST, H.2019.
- (2) Nguyễn Tuấn Anh, Phạm Tất Thắng, Hoàng Anh Tuấn, Lâm Văn Đoàn, *Quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số*, Nxb CTQG-ST, H.2024.
- (3) Xem <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-du-thao-cac-van-kien-dai-hoi-xiv-cua-dang-119251015163630117.htm>.
- (4) Xem <https://tranvanthoi.camau.dcs.vn/linh-vuc-khac/mot-so-van-de-ve-phat-trien-xa-hoi-va-quan-ly-phat-trien-xa-hoi-trong-tinh-hinh-moi>.
- (5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.148.





► Hương sắc Việt.



► Tổng Bí thư Tô Lâm và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước tham dự Hội nghị Tổng kết công tác năm 2025, triển khai công tác 2026 của Chính phủ và chính quyền địa phương, ngày 08/01/2026.

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

THEO HƯỚNG QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG TỐT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY



PGS.TS. NGUYỄN TRỌNG BÌNH

Học viện Chính trị khu vực IV

Trước những hạn chế, bất cập của mô hình quản lý nhà nước truyền thống và sự thay đổi của môi trường xã hội (sự phát triển của khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa, sự phát triển của các tổ chức xã hội...), từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, tuy mức độ có sự khác nhau ở mỗi quốc gia, nhưng trên phạm vi toàn cầu đã diễn ra sự thay đổi về phương thức hoạt động của chính quyền và nhà nước từ quản lý nhà nước theo mô hình truyền thống sang mô hình quản trị quốc gia hiện đại lấy các yếu tố của quản trị công tốt (Good Public Governance) làm định hướng cơ bản. Trong bối cảnh này, việc chuyển từ quản lý của chính quyền địa phương (CQDP) ở mỗi quốc gia theo phương thức từ truyền thống sang quản trị địa phương tốt là tất yếu khách quan. Trong các văn bản chính trị và pháp lý của Việt Nam tuy chưa sử dụng phổ biến thuật ngữ quản trị địa phương tốt, nhưng nội dung và yêu cầu về đổi mới hoạt động của CQDP trong thời kỳ đổi mới đã thể hiện rất rõ các yêu cầu của quản trị địa phương tốt.

Các yếu tố cơ bản của quản trị địa phương tốt

Đã có nhiều nghiên cứu khác nhau ở phạm vi toàn cầu về quản trị tốt, quản trị công tốt, quản trị địa phương tốt. Ở nước ta, Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) với 08 trục nội dung cũng đã thể hiện nhiều đặc trưng của quản trị địa phương tốt. Tuy còn có nhiều quan điểm khác nhau, nhưng có thể thấy rằng, quản trị địa phương tốt chính là quá trình quản trị xã hội ở địa phương (mô hình 03 cấp trước đây và mô hình 02 cấp hiện nay) đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch, dân chủ, từ đó phục vụ Nhân dân tốt hơn và đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi ích công.

Các công trình nghiên cứu khoa học đã chỉ ra quản trị địa phương tốt gồm một số yếu tố cơ bản sau đây:

Thứ nhất, sự tham gia của công dân và sự hợp tác hiệu quả giữa chính quyền với doanh nghiệp và xã hội trong giải quyết các vấn đề công. Đây là một trong những yếu tố cơ bản thể hiện sự khác biệt giữa quản lý của CQĐP truyền thống với quản trị địa phương tốt. Sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và xã hội trong quản trị địa phương không chỉ nhằm thực hiện quyền công dân, mà còn là cơ chế phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong quản trị xã hội, góp phần bổ sung cho những giới hạn về nguồn lực của chính quyền, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong quản trị xã hội. Ở nước ta, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác đều nhấn mạnh việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để tăng cường sự tham gia của người dân. Bên cạnh đó, thông qua xã hội hóa tối đa để phát huy sự tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong quản trị xã hội cũng là chủ trương nhất quán của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới.

Thứ hai, minh bạch. “Minh bạch” được hiểu là tất cả công việc của CQĐP (trừ những vấn đề thuộc về bí mật quốc gia không được công khai theo luật định) đều phải công khai để đảm bảo “quyền được biết” của công dân và tiếp nhận sự giám sát của công dân. Minh bạch gắn với công khai thông tin chính sách, hoạt động và đa dạng kênh tiếp cận để người dân nắm bắt kịp thời, đầy đủ. Tiêu chí đánh giá gồm thực hiện quy định pháp luật về công khai, truyền thông chính sách, mức độ công khai trong hoạch định, quản lý và sự tiếp cận thông tin của người dân. Đến nay, Luật Tiếp cận thông tin và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác cũng đã quy định rõ về nội dung, hình thức, phạm vi công khai thông tin của chính quyền địa phương. Báo cáo Chỉ số PAPI hàng năm cũng đã có trục nội dung đánh giá về công khai minh bạch trong việc ra quyết định ở địa phương với bốn nội dung thành phần là tiếp cận thông tin; công khai danh sách hộ nghèo; công khai thu, chi ngân sách cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất.

Thứ ba, nguyên tắc pháp quyền. Pháp quyền là một trong những đặc trưng cốt lõi của quản trị địa phương tốt. Trong quản trị địa phương tốt, pháp quyền có nghĩa là mọi hoạt động của tổ chức, pháp nhân và cá nhân, nhất là hoạt động của hệ thống chính trị, của CQĐP, cán bộ, công chức và viên chức đều phải theo pháp luật; quyền công dân đều được tôn trọng và bảo đảm một cách đầy đủ; pháp luật là chuẩn mực cao nhất trong quản trị địa phương. Ở cấp độ địa phương, tiêu chí đánh giá nguyên tắc pháp quyền gồm: sự tuân thủ pháp luật của



► Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà lắng nghe ý kiến của người dân phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh về thực hiện thủ tục hành chính, ngày 28/02/2026.

các tổ chức trong hệ thống chính trị; sự hiểu biết và tôn trọng pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và công dân; vai trò của pháp luật trong thực tế đời sống chính trị; ý thức pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và công dân... Ở Việt Nam, một trong những nguyên tắc tổ chức và hoạt động của CQĐP được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương là: “Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”⁽¹⁾.

Thứ tư, trách nhiệm giải trình. Trách nhiệm giải trình với tư cách một trong những phương diện quan trọng của tính trách nhiệm là một nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo các cơ quan công quyền, cán bộ, công chức, viên chức và các đơn vị cung cấp dịch vụ công phải chịu trách nhiệm trước công dân và cơ quan giám sát về những quyết định, hành động và kết quả thực hiện hành vi của mình. Trong quản trị địa phương, trách nhiệm giải trình có ý nghĩa quan trọng đối với việc tăng cường tính minh bạch, chống tham nhũng và lạm quyền, nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ công và tăng cường niềm tin của người dân vào nhà nước. Quan điểm, chủ trương của Đảng và nhiều văn bản quy phạm pháp luật đều nhấn mạnh chính quyền các cấp cần thực hiện tốt trách nhiệm giải trình. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “quy định trách nhiệm và cơ chế giải trình của các cơ quan nhà nước”⁽²⁾. Báo cáo PAPI hàng năm cũng có 01 trục nội dung để đánh giá về trách nhiệm giải trình với người dân của CQĐP với 03 nội dung thành phần là mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền, giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân, tiếp cận dịch vụ tư pháp.

Thứ năm, định hướng đồng thuận. Trong xã hội có sự đa dạng về lợi ích và giá trị, quản trị địa phương tốt phải biết cân bằng các quan điểm và hướng đến lợi ích chung. Trong quản trị địa phương, định hướng đồng thuận là một nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo các quyết định được đưa ra, nhất là các quyết định ảnh hưởng đến lợi ích của nhiều người, nhiều nhóm khác nhau dựa trên sự tham gia, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhiều bên liên quan, từ đó đạt được sự đồng thuận cần thiết. Trong quản trị địa phương, định hướng đồng thuận có ý nghĩa quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng



► Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

chính sách, nâng cao tính khả thi trong thực thi chính sách và giảm thiểu xung đột xã hội. Đây chính là mục tiêu, yêu cầu quan trọng của phát huy dân chủ và công tác dân vận.

Thứ sáu, công bằng và bao trùm. Nội hàm cơ bản của công bằng và bao trùm chính là tất cả công dân - bất kể giới tính, dân tộc, tôn giáo hay địa vị xã hội - đều phải có hội bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội và hưởng lợi từ sự phát triển. Công bằng xã hội không chỉ là sự công bằng và hợp lý trong phân phối, mà còn bao gồm sự công bằng về cơ hội, thể hiện ở việc CQĐP và chủ thể liên quan đảm bảo việc thực hiện các quyền của công dân, như quyền tham gia, quyền tự do thể hiện ý kiến, quyền lao động, quyền nghỉ ngơi, quyền tài sản, quyền nhân thân... Công bằng xã hội còn thể hiện ở sự công bằng trong phân phối giá trị xã hội và trong hoạt động cung ứng dịch vụ công nhằm đảm bảo để mọi người dân đều có thể tham gia vào tiến trình phát triển và đều được thụ hưởng thành quả của phát triển, tức không để ai bị bỏ lại phía sau. Các chiến lược, chính sách về phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước ta đều nhấn mạnh một trong các quan điểm đó là: “Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp cận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau. Không để ai bị bỏ lại phía sau, tiếp cận những đối tượng khó tiếp cận nhất trước, bao gồm trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, đồng bào vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng biên giới, hải đảo và những đối tượng dễ tổn thương khác”⁽³⁾.

Thứ bảy, hiệu lực và hiệu quả. Hiệu lực và hiệu quả của quản trị địa phương thể hiện ở sự hợp lý trong tổ chức, vận hành thông suốt của bộ máy; sự rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức; trình độ chuyên môn, năng suất và chất lượng làm việc cao. Chính quyền địa phương phải bảo đảm chi phí phục vụ công thấp nhưng chất lượng tốt, thực hiện công bằng xã hội, hài hòa giữa công bằng và hiệu quả, coi trọng hiệu quả xã hội và phát triển bền vững, tránh ngắn hạn, gắn với quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Ở nước ta, nâng cao hiệu lực, hiệu quả CQĐP

là mục tiêu đổi mới, được PAPI đánh giá qua các nội dung như thủ tục hành chính công, cung ứng dịch vụ công và quản trị môi trường.

Thứ tám, tính đáp ứng. Đó là năng lực của CQĐP và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc kịp thời nắm bắt nhu cầu, ý kiến của công dân và tổ chức trước các vấn đề có liên quan, cũng như nhu cầu, nguyện vọng, lợi ích và nhu cầu của họ, từ đó kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả để giải quyết nhằm bảo vệ, duy trì quyền và lợi ích của công dân. Quản trị địa phương có tính đáp ứng yêu cầu CQĐP, đặc biệt là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương phải đặt mình vào lập trường của người dân để suy nghĩ vấn đề; chính quyền cần biết lắng nghe tiếng nói của người dân. Quan trọng hơn, CQĐP cần thực hiện tốt việc để hiểu rõ nhu cầu của người dân. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ: “Các cấp ủy đảng và chính quyền phải thường xuyên đối thoại, lắng nghe, học hỏi, tiếp thu ý kiến, giải quyết các khó khăn, vướng mắc và yêu cầu chính đáng của Nhân dân; tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để Nhân dân bày tỏ chính quyền, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân...”⁽⁴⁾.

Thứ chín, liêm chính và kiểm soát tham nhũng. Liêm chính và tham nhũng là hai phương thức hành vi đối lập nhau. Tham nhũng là yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định của xã hội, làm tăng chi phí giao dịch tạo ra sự lãng phí về nguồn lực xã hội; làm suy giảm niềm tin của người dân đối với CQĐP. Thời gian qua, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thực hành văn hóa liêm chính là chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Báo cáo chính trị tại Đại hội ĐBTQ lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh “Xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, có chế độ tiền lương và đãi ngộ phù hợp với cống hiến, tài năng để không muốn và không cần tham nhũng, tiêu cực”. Báo cáo PAPI hàng năm cũng đã có trực thành phần đánh giá về hiệu quả kiểm soát tham nhũng trong khu vực công với các nội dung thành phần, như: kiểm soát tham nhũng trong CQĐP, kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công, công bằng trong tuyển dụng vào khu vực công, quyết tâm chống tham nhũng của CQĐP.

Thực trạng và một số giải pháp thúc đẩy đổi mới quản trị địa phương theo mục tiêu quản trị địa phương tốt

Trên các mức độ khác nhau, việc đổi mới CQĐP theo các yếu tố của quản trị địa phương tốt là chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của CQĐP ở nước ta theo mục tiêu quản trị địa phương tốt đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Từ năm 2011 đến nay, Chỉ số PAPI về quản trị địa phương tốt đã có sự cải thiện, từ 34,5 điểm năm 2011 lên 36,4 điểm năm 2024; trong đó nhiều yếu tố có chuyển biến tích cực như liêm chính và kiểm soát tham nhũng (từ 5,76 điểm năm 2011 lên 7,02 điểm năm 2024), thủ tục hành chính (từ 6,88 điểm lên 7,21 điểm), cung ứng dịch vụ công (từ 6,75 điểm lên 7,60 điểm); trong khi một số chỉ số khác lại giảm nhẹ như sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở (từ 5,23 xuống 4,98 điểm), công khai, minh bạch (từ 5,47 xuống 5,30 điểm), và chỉ số trách nhiệm giải trình với người dân (từ 5,50 xuống 5,30 điểm)⁽⁵⁾.

Xuất phát từ yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị địa phương trong kỷ nguyên phát triển mới, việc đổi mới quản trị địa phương theo mục tiêu quản trị địa phương tốt, cần tiếp tục quan tâm thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới tư duy, quan niệm về quản trị địa phương theo hướng quản trị địa phương tốt. Có thể khẳng định, quản trị địa phương tốt là mô hình hiệu quả để CQĐP phục vụ tốt Nhân dân, bảo đảm lấy Nhân dân làm trung tâm. Vì vậy, cùng với tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về quản trị địa phương tốt, cần coi trọng việc đưa các nội dung về quản trị địa phương tốt vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, từ đó góp phần đổi mới nhận thức, tư duy của đội ngũ này về quản trị địa phương.

Thứ hai, tổ chức thực hiện tốt Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, bám sát thực tiễn để không ngừng đổi mới, hoàn thiện thể chế. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc tổ chức và hoạt động CQĐP 02 cấp ở nước ta, đồng thời, tạo tiền đề quan trọng để đổi mới CQĐP theo mục tiêu, yêu cầu của quản trị địa phương tốt. Cùng với thể chế quy định về tổ chức và hoạt động của CQĐP, cần tiếp tục rà soát để hoàn thiện thể chế theo các khía cạnh của quản trị địa phương tốt, như thể chế về sự tham gia của người dân ở cơ sở; thể chế về công khai, minh bạch; thể chế về trách nhiệm giải trình với người dân; thể chế về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội; thể chế về xã hội hóa, hợp tác giữa CQĐP với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội...

Thứ ba, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng. Cấp ủy đảng ở địa phương tiếp tục bám sát chỉ đạo của Trung ương về đổi mới tổ chức và hoạt động của CQĐP để lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả ở địa phương; thực hiện tốt việc đưa ra các nhiệm vụ về đổi mới hoạt động của CQĐP theo yêu cầu của quản trị địa phương tốt; thường xuyên kiểm tra, giám sát và nắm bắt tình hình để kịp thời nhận diện các vấn đề đặt ra trong thực tiễn; lấy mức độ thực hiện các yếu tố của quản trị địa phương tốt làm một trong những tiêu chí cơ bản để đánh giá, sử dụng cán bộ.

Thứ tư, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu quản trị địa phương tốt. Mức độ thể hiện quản trị địa phương tốt cũng như hiệu lực, hiệu quả hoạt động của CQĐP phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố cốt lõi, quan trọng là chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực thực thi thể chế để xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tư duy quản trị hiện đại, năng lực quản trị tốt, tinh thông nghiệp vụ và thực hiện tốt đạo đức công vụ; đồng thời cũng cần lồng ghép các yếu tố cốt lõi của quản trị địa phương tốt vào hệ chuẩn mực về đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời có cơ chế giám sát hiệu quả việc thực hiện của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào hoạt động của CQĐP, đẩy nhanh việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số

của CQĐP có hiệu quả sẽ thúc đẩy sự tham gia của người dân, tăng cường công khai, minh bạch, tăng cường tính đáp ứng, nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ, kiểm soát tốt tham nhũng... Do đó, để thúc đẩy quản trị địa phương tốt, cần tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn để đẩy nhanh việc xây dựng chính quyền số.

Thứ sáu, CQĐP và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cần thực hiện tốt trách nhiệm của mình nhằm thúc đẩy quản trị địa phương tốt. Trên thực tế, thể chế liên quan đến các yếu tố của quản trị địa phương tốt ở nước ta tương đối đầy đủ, nhưng khâu yếu vẫn là việc thực hiện thể chế. Vì vậy, CQĐP và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp chính quyền địa phương cần thực hiện tốt trách nhiệm của mình, thực hiện tốt việc hợp tác, phối hợp với các tổ chức và doanh nghiệp trong thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công. 🐦



► Công chức tại Điểm tiếp nhận, phục vụ hành chính công phường Kim Liên, thành phố Hà Nội hướng dẫn người dân lấy số thực hiện thủ tục hành chính.

Ghi chú:

- (1) Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-luat-so-72-2025-qh15-to-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-119250618161434371.htm>.
- (2), (4) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần II (Đại hội X, XI, XII), Nxb CTQG-ST, H. 2019, tr.707, tr.694.
- (3) Chính phủ, Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 về phát triển bền vững, H.2020, tr.3.
- (5) CECODES, VFF - CRT, RTA & UNDP, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2011, 2024, H. 2012, 2025, <https://papi.org.vn/baocao>.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ, Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 về phát triển bền vững.
2. CECODES, VFF - CRT, RTA & UNDP, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2011, H.2012, <https://papi.org.vn/baocao>.
3. CECODES, VFF - CRT, RTA & UNDP, Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2024, H.2025, <https://papi.org.vn/baocao>.
4. Quốc hội, Luật số 72/2025/QH15 Tổ chức chính quyền địa phương, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-luat-so-72-2025-qh15-to-chuc-chinh-quyen-dia-phuong-119250618161434371.htm>.

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN TỐT QUY CHẾ PHỐI HỢP CÔNG TÁC GIỮA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN



TS. LÊ THỊ MINH HÀ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh



► Tổng Bí thư Tô Lâm làm việc với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương và trao quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, ngày 23/6/2025.

Việc xây dựng và thực hiện hiệu quả quy chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Do đó, cần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các chủ thể trong hệ thống chính trị, coi phối hợp công tác là nhiệm vụ thường xuyên để bảo đảm tiếng nói của Nhân dân được lắng nghe kịp thời. Đồng thời, hoàn thiện quy chế phối hợp theo hướng rõ ràng, đồng bộ, sát thực tiễn, xác định cụ thể trách nhiệm và cơ chế phối hợp. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đổi mới phương thức phối hợp, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mở rộng giám sát và phản biện xã hội, chú trọng sơ kết, tổng kết, đánh giá để kịp thời rút kinh nghiệm, hoàn thiện cơ chế phối hợp, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện ngày càng hiệu quả.

Những yêu cầu thực tiễn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Trong hệ thống chính trị nước ta, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết, phát huy sức mạnh của Nhân dân, đồng thời là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Để thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, một trong những yêu cầu đặt ra là phải xây dựng và triển khai có hiệu quả quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước.

Trong những năm qua, công tác phối hợp giữa MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan nhà nước đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần khẳng định và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Hoạt động phối hợp ngày càng đi vào nền nếp, thể hiện rõ qua việc tham gia xây dựng pháp luật, phản biện xã hội, giám sát việc thực thi chính sách, cũng như trong việc nắm bắt, tổng hợp và phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền. Nhiều cơ chế phối hợp được ban hành và từng bước hoàn thiện, tạo điều kiện để mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị vận hành đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và củng cố niềm tin của Nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình phối hợp vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần được nhìn nhận một



► Đại hội Đại biểu lần thứ I Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, nhiệm kỳ 2025 - 2030, ngày 22 - 23/9/2025.

cách thẳng thắn. Một số quy chế phối hợp còn chung chung, chưa xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và quy trình phối hợp; việc triển khai nhiều khi mang tính hình thức, chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ, thường xuyên. Cơ chế trao đổi thông tin giữa các bên chưa thực sự kịp thời, thiếu tính hai chiều; phản hồi của cơ quan nhà nước đối với kiến nghị của Nhân dân đôi khi còn chậm, chưa đầy đủ, làm giảm tính thuyết phục. Hoạt động giám sát, phản biện xã hội tuy có bước tiến nhưng chưa đồng đều, hiệu quả chưa cao, chưa thực sự trở thành kênh thông tin quan trọng để hoạch định và điều chỉnh chính sách. Điều đó đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và nâng cao chất lượng thực hiện quy chế phối hợp.

Việc xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác không chỉ là yêu cầu khách quan để bảo đảm dân chủ, kỷ cương trong hoạt động của cả hệ thống chính trị, nhất là khi chuyển sang mô hình hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước 03 cấp, mà còn là điều kiện quan trọng để huy động trí tuệ, sức mạnh và sự đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước. Đây cũng là một trong những phương thức cụ thể để bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân theo đúng tinh thần Hiến pháp và pháp luật.

Giải pháp xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan nhà nước trong xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác nhằm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Theo hướng này, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cần nâng cao nhận thức về vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Thông qua các hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tiếp nhận ý kiến và kiến nghị của cử tri, các tổ chức này phải bảo đảm tiếng nói của Nhân dân được lắng nghe, được phản ánh khách quan, kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền. Điều đó đòi hỏi sự đổi mới trong phương thức hoạt động, chú trọng tính thiết thực, hiệu quả thay cho hình thức. Đồng thời, các cơ quan nhà nước cần thể hiện rõ trách nhiệm trong tiếp thu, phản hồi và chuyển hóa ý chí, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của Nhân dân thành chính sách, pháp luật. Việc thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành mà còn tạo dựng niềm tin xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, hoàn thiện quy chế phối hợp công tác giữa MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước nhằm thực hiện tốt hơn nữa quyền làm chủ của Nhân dân.

Trước hết, quy chế phối hợp cần được xây dựng theo hướng rõ ràng, cụ thể và khả thi, trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn, phương thức và quy trình phối hợp giữa các bên. Quy chế không chỉ dừng lại ở những nguyên tắc chung, mà phải làm rõ “ai làm gì, làm như thế nào và chịu trách nhiệm đến đâu”. Chỉ khi có sự phân định rành mạch, việc phối hợp mới tránh được tình trạng chồng chéo, né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Đây cũng là cơ sở để đánh giá, giám sát và kiểm soát quyền lực, góp phần nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, tổ chức.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên, minh bạch và hai chiều. Thông tin từ phía Nhân dân do MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tập hợp phải được truyền đạt kịp thời đến các cơ quan nhà nước. Ngược lại, những phản hồi từ phía Nhà nước về việc tiếp thu, giải quyết, hoặc lý do chưa tiếp thu, giải quyết cũng phải được công khai, rõ ràng. Đây là yếu tố cốt lõi để bảo đảm sự tương tác thực chất, tránh tình trạng hình thức trong tiếp nhận ý kiến của Nhân dân. Việc này có thể được thực hiện thông qua các hệ thống cơ sở dữ liệu chung, các hội nghị định kỳ, hay các kênh trực tuyến, bảo đảm mọi ý kiến đều có địa chỉ tiếp nhận và phản hồi.

Thứ ba, quy chế phối hợp phải gắn với chế độ báo cáo và trách nhiệm phản hồi cụ thể. Cơ quan nhà nước sau khi tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của Nhân dân thông qua MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội, cần có trách nhiệm báo cáo kết quả xử lý trong thời hạn nhất định. Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc cũng cần báo cáo định kỳ về mức độ hài lòng của Nhân dân đối với việc giải quyết của các cơ quan công quyền. Cơ chế này vừa tăng tính minh bạch, vừa tạo động lực cải thiện chất lượng quản lý nhà nước.

Thứ tư, để quy chế phối hợp đi vào thực chất, cần có cơ chế giám sát việc thực hiện.



► Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy MTTQ, các đoàn thể Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam Bùi Thị Minh Hoài tiếp xúc cử tri xã Lương Sơn, tỉnh Phú Thọ, ngày 06/3/2026.

Việc giám sát không chỉ dừng lại ở kiểm tra trên văn bản, mà phải dựa vào kết quả cụ thể: ý kiến Nhân dân có được giải quyết kịp thời không, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân có được bảo đảm không, niềm tin xã hội có được củng cố hay không.

Như vậy, hoàn thiện quy chế phối hợp công tác không chỉ là yêu cầu kỹ thuật trong quản lý, mà còn là giải pháp mang tính chiến lược để khẳng định bản chất dân chủ của Nhà nước. Khi trách nhiệm, quyền hạn và quy trình phối hợp được minh định, khi cơ chế thông tin - báo cáo - phản hồi được thực thi nghiêm túc, quyền làm chủ của Nhân dân sẽ thực sự trở thành động lực phát triển đất nước bền vững, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới.

Ba là, xây dựng quy chế mẫu về phối hợp công tác giữa MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước nhằm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Để bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân được thực thi thực chất, cần tổng kết, đánh giá việc thực hiện các quy chế phối hợp đang có để xem xét, ban hành một quy chế mẫu về phối hợp công tác giữa MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan nhà nước. Quy chế này phải xác định rõ nguyên tắc phối hợp dựa trên Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội, đặt quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân làm trung tâm. Nội dung phối hợp tập trung vào giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và chính quyền; xây dựng chính sách, pháp luật, chăm lo đời sống của Nhân dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, cũng như tổ chức quản lý xã hội. Phương thức phối hợp cần đa dạng, từ trao đổi thông tin, hội nghị định kỳ, diễn đàn Nhân dân đến thiết lập cơ chế phản hồi chính thức và công khai.

Ở cấp Trung ương, quy chế cần cụ thể hóa trách nhiệm phối hợp giữa MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với từng cơ quan trọng yếu. Với Quốc hội, đó là phối hợp tổng hợp ý kiến cử tri, góp ý vào dự án luật, giám sát việc thi hành pháp luật. Với Chính phủ, đó là tham gia vào quá trình hoạch định, điều chỉnh chính sách phát triển kinh tế - xã hội, giám sát việc thực thi chính

sách dân sinh, kiến nghị giải pháp khắc phục bất cập từ thực tiễn. Với Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có thể tham gia giám sát hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm công bằng, công lý, quyền con người.

Ở cấp địa phương, quy chế phối hợp tập trung vào mối quan hệ giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với HĐND và UBND. Với HĐND, sự phối hợp thể hiện ở hoạt động tiếp xúc cử tri, tham gia giám sát quá trình ban hành và thực hiện nghị quyết, bảo đảm tiếng nói của Nhân dân được phản ánh đúng đắn, kịp thời. Với UBND, sự phối hợp hướng đến việc triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách an sinh, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đồng thời giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách thủ tục hành chính.

Bốn là, đổi mới phương thức phối hợp công tác giữa MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước nhằm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Yêu cầu đổi mới phương pháp và hình thức phối hợp công tác giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước trong bối cảnh mới đang ngày càng trở nên cấp thiết, nhằm phát huy thực chất quyền làm chủ của Nhân dân. Nếu trước đây hoạt động phối hợp chủ yếu diễn ra dưới dạng hội nghị, văn bản hành chính và các cuộc giám sát theo kế hoạch thì nay cần hướng tới sự đa dạng, linh hoạt, gắn chặt với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu của người dân.

Trước hết, về phương pháp phối hợp, cần chuyển từ cơ chế hành chính nặng về hình thức sang cơ chế phối hợp dựa trên minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực chất. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần chủ động tham gia vào quá trình hoạch định chính sách ngay từ giai đoạn khởi thảo, thay vì chỉ phản biện khi văn bản đã gần hoàn chỉnh. Đồng thời, phương pháp đối thoại, tham vấn trực tiếp cần được tăng cường, giúp cơ quan nhà nước tiếp nhận ý kiến đa chiều, còn người dân cảm nhận được quyền làm chủ của mình được tôn trọng. Ngoài ra, phương pháp giám sát xã hội cần đổi mới theo hướng dựa trên các chỉ số định lượng rõ ràng, gắn với mức độ hài lòng của người dân, thay cho những báo cáo chung chung, thiếu tính thuyết phục.

Thứ hai, về hình thức phối hợp, cần phát huy tối đa ứng dụng công nghệ thông tin. Việc xây dựng cổng thông tin điện tử, hệ thống phản ánh - kiến nghị trực tuyến, hay các nền tảng tương tác số sẽ tạo điều kiện dễ dàng cho người dân, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội gửi ý kiến nhanh chóng, đồng thời cơ quan nhà nước có trách nhiệm phản hồi kịp thời, công khai. Bên cạnh đó, các hình thức mới như “diễn đàn nhân dân trực tuyến”, “phiên giải trình công khai”, hay “hội nghị đối thoại định kỳ” giữa lãnh đạo cơ quan nhà nước với các tổ chức đại diện cho Nhân dân cần được quy định cụ thể, coi đó là hoạt động bắt buộc, không chỉ dừng ở tính tự nguyện.

Thứ ba, việc đổi mới cũng đòi hỏi gắn kết chặt chẽ hơn giữa Trung ương và địa phương trong phối hợp. Ở cấp Trung ương, sự phối hợp phải được thiết kế theo quy trình chuẩn, có quy chế mẫu để bảo đảm tính thống nhất. Ở địa phương, hình thức phối hợp cần

linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng địa bàn, nhưng vẫn dựa trên nguyên tắc chung: lắng nghe dân, tôn trọng dân và giải quyết kịp thời quyền lợi chính đáng của dân, đặc biệt là việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và từng tổ chức thành viên có hình thức triển khai “Tháng nghe dân nói” theo chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm. Đặc biệt, cần khuyến khích hình thức phối hợp “từ cơ sở” thông qua các tổ tự quản, Ban Công tác mặt trận ở khu dân cư, để các kiến nghị, nguyện vọng của Nhân dân được chuyển tải trực tiếp, không bị bỏ sót.

Như vậy, đổi mới phương pháp và hình thức phối hợp công tác yêu cầu chính trị, bảo đảm tính dân chủ, minh bạch và hiệu quả trong quản lý xã hội. Khi phối hợp được đổi mới theo hướng hiện đại, công khai và gắn với trách nhiệm giải trình, quyền làm chủ của Nhân dân sẽ được phát huy đầy đủ, trở thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị.

Năm là, sơ kết, tổng kết đánh giá về kết quả, rút kinh nghiệm trong phối hợp công tác giữa MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước nhằm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Từ thực tiễn phối hợp công tác giữa MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước nhằm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân thời gian qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm quan trọng. *Trước hết*, phối hợp công tác phải đặt lợi ích, nguyện vọng chính đáng và hợp pháp của Nhân dân làm mục tiêu cao nhất, mọi hoạt động cần được đánh giá bằng mức độ hài lòng của Nhân dân; *Thứ hai*, quy chế phối hợp phải rõ ràng, cụ thể, xác định “ai làm gì, làm như thế nào, chịu trách nhiệm ra sao”, để tránh chồng chéo, né tránh hoặc đùn đẩy trách nhiệm; *Thứ ba*, phương thức phối hợp cần đa dạng, linh hoạt, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm sự tương tác nhanh chóng, minh bạch, công khai giữa cơ quan nhà nước, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; *Thứ tư*, cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tham gia phối hợp, bởi con người là nhân tố quyết định sự thành công của cơ chế phối hợp. *Thứ năm*, công tác phối hợp giữa MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước đã tạo được nền tảng quan trọng trong việc phát huy dân chủ, thực hiện



► Lực lượng đoàn viên, thanh niên, sinh viên ra quân hỗ trợ người dân làm thủ tục online, tham gia chuẩn bị bầu cử.

quyền làm chủ của Nhân dân, nhưng để đạt hiệu quả thực chất, lâu dài, cần tiếp tục hoàn thiện về cơ chế, phương pháp và hình thức phối hợp. Đây là yêu cầu tất yếu trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời là động lực để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa đất nước phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác giữa MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội với cơ quan nhà nước không chỉ là yêu cầu mang tính pháp lý, mà còn là đòi hỏi tất yếu của quá trình xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả sẽ tạo cơ chế đồng bộ để Nhân dân thực sự phát huy quyền làm chủ, đóng góp trí tuệ và sức mạnh vào mọi quyết sách quan trọng của đất nước; đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và phát triển, việc hoàn thiện cơ chế phối hợp càng có ý nghĩa thiết thực: giúp hệ thống chính trị vận hành hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm tiếng nói của Nhân dân được lắng nghe và tôn trọng; đồng thời tăng cường niềm tin xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây chính là động lực để đất nước ta phát triển bền vững, vươn lên mạnh mẽ trong thời kỳ mới. Với tinh thần trách nhiệm, sự đồng lòng và quyết tâm đổi mới, tin tưởng rằng việc triển khai quy chế phối hợp sẽ ngày càng đi vào thực chất, trở thành kênh quan trọng để hiện thực hóa khẩu hiệu: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, góp phần xây dựng thành công xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, Nhân dân ấm no, hạnh phúc. 🌸

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 26/10/2022 của Ban Bí thư về phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội.
3. Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”.
4. Quyết định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư quy định về “Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên”.
5. Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/2/2019 của Bộ Chính trị về “Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân”.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021.
7. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
8. Tổng Bí thư Tô Lâm, Bài phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.



► Biểu quyết thông qua Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi), tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, ngày 16/6/2025.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHÍNH QUYỀN SỐ

KHI VẬN DỤNG VÀO QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG Ở ĐÔ THỊ



PGS.TS. LÊ MINH THÔNG

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội

Chính quyền số không chỉ là tin học hóa quy trình cũ mà còn đổi mới mô hình hoạt động, qua đó bộ máy chính quyền được tinh gọn, phối hợp liên thông hơn nhờ công nghệ. Các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo, họp trực tuyến, giám sát IoT... được đưa vào thử nghiệm và ứng dụng để nâng cao chất lượng quản trị địa phương ở đô thị. Bài viết nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chính quyền số, đề xuất những nội dung cần vận dụng vào quản trị địa phương ở đô thị tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Yêu cầu xây dựng chính quyền số trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Từ ngày 01/7/2025, mô hình chính quyền địa phương (CQĐP) 02 cấp chính thức đi vào hoạt động; được xây dựng, vận hành trên cơ sở kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, bỏ mô hình thành phố, thị xã thuộc tỉnh và sáp nhập các ĐVHC cấp tỉnh, cấp xã. Theo đó, hiện nay cả nước có 34 ĐVHC cấp tỉnh và 3.231 ĐVHC cấp xã. Việc xây dựng và vận hành mô hình CQĐP 02 cấp dựa trên căn cứ chính trị, pháp luật, các điều kiện đảm bảo, có căn cứ lý luận và thực tiễn, trong đó chính quyền số là cơ sở đặc biệt quan trọng, đóng vai trò then chốt và có ý nghĩa quyết định cho việc tổ chức và vận hành thành công mô hình CQĐP 02 cấp.



► Các đại biểu bấm nút khai trương các ứng dụng chuyển đổi số dùng chung ba cấp trong các cơ quan Đảng, Chính quyền, Đoàn thể thành phố Hà Nội, ngày 03/3/2025.

Để xây dựng và vận hành CQĐP số, cần thống nhất về nhận thức và quán triệt các yêu cầu sau:

Thứ nhất, xây dựng hạ tầng số và nền tảng dùng chung liên thông: các tỉnh/thành phố phải triển khai hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) đồng bộ tới tất cả cơ quan, ĐVHC từ cấp tỉnh xuống cấp xã. Hệ thống mạng, đường truyền dữ liệu và các phần mềm quản lý phải kết nối liên thông 02 cấp, bảo đảm hoạt động thông suốt, không gián đoạn khi không còn cấp trung gian. Điều này đòi hỏi đầu tư nâng cấp mạng diện rộng, trung tâm dữ liệu, nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) để cấp tỉnh và cấp cơ sở trao đổi thông tin kịp thời.

Thứ hai, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và quy trình điện tử nội bộ: khi thực hiện phân cấp mạnh hơn cho cấp cơ sở, nhiều thủ tục hành chính (TTHC) được chuyển giao cho phường/xã. Do đó, danh mục TTHC áp dụng trên địa bàn cấp tỉnh phải được công bố đầy đủ, các quy trình nội bộ và quy trình điện tử tương ứng cần được rà soát, điều chỉnh kịp thời để áp dụng ngay.

Thứ ba, trang bị công cụ số và chữ ký số cho đội ngũ cán bộ: bộ máy CQĐP 02 cấp dẫn đến khối lượng công việc tại cấp cơ sở tăng lên, nên cán bộ, công chức (CBCC) cấp xã phải được trang bị kiến thức, kỹ năng về công nghệ. Yêu cầu đặt ra là mỗi CBCC đều phải có chứng thư chữ ký số chuyên dùng, được phân quyền truy cập các hệ thống thông tin liên quan để xử lý công việc trên môi trường mạng. Bên cạnh đó, cần khẩn trương tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ CBCC.

Thứ tư, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin: việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cấp chính quyền và các ngành sẽ tăng mạnh trong mô hình CQĐP 02 cấp. Do vậy, cần triển khai đầy đủ các giải pháp bảo mật đường truyền, bảo mật dữ liệu, cung cấp thiết bị bảo mật tới cấp cơ sở, đảm bảo an toàn thông tin mạng và an ninh dữ liệu khi kết nối liên thông nhiều hệ thống. Đây là điều kiện bắt buộc để chính quyền số vận hành ổn định, tránh nguy cơ lộ, lọt thông tin hoặc tê liệt hệ thống do bị tấn công mạng, nhất là khi toàn bộ hoạt động của chính quyền đều triển khai thực hiện trên môi trường số.

Thứ năm, sự phối hợp liên ngành và chỉ đạo quyết liệt: xây dựng chính quyền số cho mô hình mới không chỉ là trách nhiệm của ngành CNTT mà đòi hỏi sự vào cuộc của các cơ quan, đơn vị liên quan. Chính quyền số chỉ có thể vận hành hiệu quả và các quyết định quản trị địa phương được thông qua khi hệ thống kết nối các cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp được liên thông và đồng bộ. Vì vậy, sự phối hợp đa ngành, liên ngành là điều kiện tiên quyết cho việc đồng bộ hóa các cơ sở dữ liệu. Chính quyền các tỉnh, thành phố, đặc biệt là người đứng đầu phải

thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra để đảm bảo các ngành, các bộ phận tập trung cao độ, giao nhiệm vụ cụ thể đến từng cá nhân, đơn vị; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai.

Tình hình xây dựng và vận hành chính quyền địa phương số thời gian qua

Từ năm 2020 đến nay, công cuộc xây dựng chính quyền số ở Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trên phạm vi toàn quốc. Chính phủ ban hành nhiều chiến lược, chương trình để triển khai, cụ thể là Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực vào cuộc triển khai, đạt được nhiều kết quả khả quan, thể hiện ở cả chỉ số xếp hạng quốc tế lẫn thực tiễn cung cấp dịch vụ số cho người dân.

Báo cáo khảo sát Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc năm 2024 ghi nhận: Việt Nam lần đầu tiên thuộc nhóm cao về phát triển Chính phủ số, với Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) đạt 0,7709 (vượt mức trung bình châu Á là 0,6990). Việt Nam xếp hạng 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022 và cao nhất từ trước đến nay. Liên hợp quốc đánh giá cao nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến của Việt Nam, coi đây là yếu tố then chốt giúp Việt Nam vươn lên nhóm quốc gia dẫn đầu mới nổi về chính phủ số. Kết quả này cho thấy, sự chỉ đạo



► Hue-S là điển hình phát triển ứng dụng cho thành phố thông minh.



► Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng trao chứng nhận cho các đơn vị đồng hành cùng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội.

quyết liệt của Chính phủ và sự vào cuộc đồng bộ của các địa phương trong việc đẩy mạnh chính quyền số đã đem lại chuyển biến rõ nét. Một thước đo quan trọng là tỷ lệ TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ cao. Tính đến cuối năm 2020, trung bình cả nước có 48,27% Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (cho phép người dân thực hiện hoàn toàn qua mạng), tăng gấp 4,5 lần so với năm 2019.

Trong giai đoạn 2021 - 2023, Chính phủ đã vận hành thành công hàng loạt cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm, đất đai... đồng thời kết nối với hệ thống của các địa phương. Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06), ứng dụng dữ liệu dân cư đã được triển khai quyết liệt trên toàn quốc, giúp đồng bộ dữ liệu định danh người dân vào dịch vụ công; nhiều TTHC phổ biến (cấp giấy tờ tùy thân, đăng ký cư trú, tiêm chủng...) đã bỏ được yêu cầu nộp bản giấy hoặc xác nhận cư trú, thay bằng tra cứu dữ liệu số. Chính phủ điện tử, chính quyền số được đẩy mạnh gắn với cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước. Chính phủ số được đẩy mạnh, cải cách hành chính hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước và thúc đẩy hiện đại hóa các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Điều này cho thấy chính quyền số đã thực sự trở thành động lực thay đổi phương thức làm việc của cơ quan nhà nước theo hướng dữ liệu số và dịch vụ số.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng và triển khai CQĐP số, Việt Nam cũng đang gặp không ít khó khăn, bất cập. Bước vào giai đoạn tổ chức lại ĐVHC và vận hành mô hình CQĐP 02 cấp, “khoảng cách thực thi” càng bộc lộ rõ các vấn đề về khung pháp lý đang thay đổi mạnh; dữ liệu còn phân tán, dịch vụ trực tuyến chưa “toàn trình”; an ninh mạng chịu áp lực lớn, nhân lực mỏng, chênh lệch vùng miền kéo dài, và quy trình mua sắm CNTT còn nhiều vướng mắc. Về thể chế và chuẩn mực dữ liệu, Việt Nam đang đi qua “điểm giao thời”

giữa cũ và mới. Luật Dữ liệu có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 đặt ra nguyên tắc quản trị dữ liệu hiện đại, thiết lập Trung tâm Dữ liệu quốc gia; quy định rõ quyền và trách nhiệm chia sẻ, khai thác dữ liệu trong khu vực công. Đây là bước ngoặt nhưng cũng là phép thử với cấp cơ sở, nếu quy trình, biểu mẫu, tiêu chuẩn dữ liệu chưa kịp chuẩn hóa thì địa phương rất dễ “ngập” trong các yêu cầu liên thông, tích hợp, bảo đảm an toàn, dẫn đến chậm trễ và sợ trách nhiệm. Mặt khác, dữ liệu và quy trình số hóa còn nhiều bất cập, không đồng bộ khiến liên thông chưa như kỳ vọng. Ví dụ, ở thượng tầng, 100% danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được ban hành; nhưng ở hạ tầng quy trình, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến “toàn trình” bình quân cả nước cuối năm 2024 mới đạt 45%, trong đó khối địa phương chỉ khoảng 18%.

Định danh - xác thực số vẫn đang là “nút thắt” của mọi quy trình số. Triển khai VNeID cho thấy quy mô người dùng đã rất lớn (trên 55 triệu tài khoản kích hoạt vào đầu năm 2025), nhưng để chuyển từ “có tài khoản” sang “dùng thường xuyên” trong các thủ tục then chốt, địa phương cần tổ chức lại năng lực hỗ trợ tại bộ phận một cửa, gắn KPI kích hoạt VNeID mức 2, chữ ký số với chỉ tiêu cải cách hành chính. Đặc biệt, trong năm 2024, cơ quan chức năng xử lý hơn 4.000 sự cố tấn công mạng; riêng từng tháng ghi nhận hàng trăm lỗ hổng, cảnh báo giả mạo tên miền cơ quan nhà nước. Khi chính quyền số mở rộng, tuyến phòng thủ ở cấp cơ sở - nơi vận hành các hệ thống “một cửa”, cổng thông tin - vẫn là mắt xích yếu nếu thiếu quy trình sao lưu, khôi phục, giám sát tài sản số bên ngoài (EASM).

Việc sáp nhập ĐVHC cấp xã, không tổ chức cấp huyện làm thay đổi cơ cấu CBCCC ở tất cả các địa phương; trong đó việc tinh giản biên chế, giải quyết chế độ, chính sách cho những CBCCC tự nguyện xin nghỉ việc cũng tạo ra những xáo trộn nhất định, đặc biệt là cấp cơ sở. Nhiệm vụ, trách nhiệm của đội ngũ CBCCC tăng mạnh, đặc biệt tại cấp cơ sở với 1.065 nhiệm vụ được chuyển giao từ cấp huyện trước đây cho cấp xã, đòi hỏi nguồn nhân lực tại cấp cơ sở phải có chuyên môn, kinh nghiệm. Thực tiễn cho thấy, số lượng CBCCC bổ sung chưa được xác định, làm cho cấp cơ sở đang quá tải về công việc, đặc biệt các nhân sự có trình độ và kỹ năng tin học để thúc đẩy quá trình số hóa trong tất cả lĩnh vực hoạt động của chính quyền cơ sở. Bên cạnh đó, sự chênh lệch giữa các vùng, miền về đầu tư cơ sở hạ tầng dữ liệu; thiếu nguồn tài chính để đầu tư CNTT đồng bộ cho các cơ quan, đơn vị, nhất là cấp cơ sở...

Nhìn chung, để xây dựng CQĐP số hiệu lực, hiệu quả đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ ba trụ cột căn bản: 1) Hoàn tất thể chế - dữ liệu - an toàn thông tin theo Luật Dữ liệu; 2) Chuyển trọng tâm từ “đưa dịch vụ lên mạng” sang “dùng toàn trình” với thước đo là tỷ lệ hồ sơ toàn trình, thời gian xử lý thực tế, mức độ hài lòng; 3) Vận hành thông suốt mô hình CQĐP 02 cấp, hợp nhất hệ thống và tránh gián đoạn dịch vụ. Các địa phương đi đầu đã chứng minh, nơi nào có lãnh đạo trực tiếp “cầm trịch” dữ liệu, quy trình và an toàn thông tin, nơi đó các chỉ số dịch vụ trực tuyến, thanh toán số và DTI đều bứt phá. Bài học rút ra là phải “khoán kết quả” tới người đứng đầu, đo bằng đầu ra là sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, không dừng ở số lượng hệ thống đã triển khai.

Chặng đường phía trước còn nhiều thách thức nhưng cũng không thiếu đòn bẩy. Cụ thể, về thể chế đã và đang được hoàn thiện; Trung tâm Dữ liệu quốc gia đang triển khai, Cổng Dịch vụ công Quốc gia trở thành “một cửa sổ” duy nhất, mạng lưới VNeID đã phổ cập tới đa số công dân. Nếu cấp cơ sở siết chặt kỷ luật kỹ thuật - quy trình, xử lý dứt điểm “điểm nghẽn cuối cùng” của mỗi thủ tục và tổ chức lại nhân lực hợp lý, thì chính quyền số sẽ thực sự trở thành động cơ tăng trưởng mới của quản trị đô thị một cách linh hoạt, minh bạch, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Vận dụng mô hình chính quyền số vào quản trị đô thị trong giai đoạn hiện nay

Một là, xây dựng và vận hành chính quyền số tạo ra các nền tảng quản lý đô thị thông minh dựa trên dữ liệu số.

Các thành phố trực thuộc Trung ương như Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng đã xây dựng Trung tâm Điều hành đô thị thông minh (IOC) - nơi tích hợp dữ liệu từ nhiều lĩnh vực (giao thông, an ninh, y tế, giáo dục, môi trường...) để chính quyền theo dõi, ra quyết định nhanh chóng. Ví dụ, thành phố Đà Nẵng đã hình thành các cơ sở dữ liệu nền (dân cư, doanh nghiệp, đất đai, cán bộ...) và hơn 560 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, triển khai phần mềm quản lý ở tất cả sở ngành, quận, huyện (trước đây). Nhờ đó, lãnh đạo thành phố có cái nhìn “toàn cảnh số” về hoạt động đô thị, hỗ trợ đắc lực cho công tác quy hoạch, quản lý trật tự đô thị, phòng chống tệ nạn. Đặc biệt, thành phố Đà Nẵng đã kết nối hệ thống camera thông minh giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn, giúp xử lý vi phạm và điều phối giao thông hiệu quả. Theo bảng xếp hạng chuyển đổi số năm 2021, Đà Nẵng là thành phố dẫn đầu cả nước về chính quyền số - minh chứng sinh động cho lợi ích của việc ứng dụng dữ liệu số trong quản trị đô thị.

Nhiều đô thị khác cũng đang tăng tốc xây dựng hạ tầng “đô thị số”. Điển hình là Thành phố Hồ Chí Minh đặt mục tiêu đến năm 2030 trở thành “đô thị thông minh” với bộ máy chính quyền vận hành trên



► Phường Láng, thành phố Hà Nội ra mắt Ứng dụng Zalo thông minh phục vụ quản lý nhà nước, ngày 10/02/2026.

dữ liệu số và AI. Từ năm 2022, thành phố Hà Nội đã vận hành Trung tâm IOC, triển khai 2.000 camera giám sát tại nội đô để quản lý giao thông, an ninh trật tự. Mặt khác, các địa phương trên cả nước đều xây dựng cổng dữ liệu mở phục vụ phân tích đô thị và cung cấp thông tin quy hoạch cho người dân, doanh nghiệp. Nền tảng dữ liệu thông minh được coi là điều kiện bắt buộc để phát triển đô thị bền vững, giúp chính quyền ra quyết định dựa trên bằng chứng và tối ưu hóa nguồn lực (ví dụ, dùng dữ liệu quan trắc để điều chỉnh lịch tưới cây, chiếu sáng đô thị tiết kiệm hơn).

Hai là, xây dựng, vận hành chính quyền số nâng cao hiệu quả dịch vụ công và tương tác với người dân trong đô thị.

Tại các đô thị lớn, áp lực giải quyết hồ sơ TTHC cho hàng triệu người dân rất cao. Nhờ chính quyền số, các đô thị đã đa dạng hóa kênh cung cấp dịch vụ công, giảm tải cho bộ phận trực tiếp. Ngoài các cổng dịch vụ công trực tuyến 24/7, nhiều nơi phát triển ứng dụng di động để người dân đô thị dễ dàng đăng ký dịch vụ và phản ánh kiến nghị. Ví dụ, thành phố Huế có ứng dụng “Hue-S” giúp người dân gửi phản ánh hiện trường (về trật tự đô thị, sự cố hạ tầng...) lên chính quyền nhanh chóng để chính quyền phản hồi, thông báo công khai kết quả xử lý, giải quyết trên mạng. Tỉnh Quảng Nam triển khai ứng dụng “Bắc Trà My Smart” tại địa phương miền núi, cho phép người dân kết nối với chính quyền mọi lúc ngay trên điện thoại. Kết quả là chính quyền nắm bắt kịp thời nhu cầu, bức xúc từ cơ sở và giải quyết hiệu quả hơn, đồng thời người dân hài lòng vì thấy mình được tham gia quản lý đô thị. Bên cạnh đó, chất lượng cung cấp dịch vụ công ở đô thị được cải thiện rõ rệt, như thời gian xử lý TTHC rút ngắn, tình trạng xếp hàng chờ đợi giảm khi tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tăng cao.

Ba là, xây dựng và vận hành chính quyền số hỗ trợ đắc lực trong quản lý các dịch vụ thiết yếu và ứng phó khẩn cấp ở đô thị.

Nhiều đô thị đã ứng dụng công nghệ số để quản lý giao thông (hệ thống đèn tín hiệu thông minh, bảng chỉ dẫn giao thông điện tử), quản lý chiếu sáng, cấp nước, thu gom rác... theo mô hình đô thị thông minh. Chẳng hạn, việc thành phố Hội An (trước đây) lắp đặt mạng lưới camera thông minh không chỉ bảo đảm an ninh mà còn cảnh báo lũ lụt tại các khu vực thấp trũng giúp chính quyền kịp thời sơ tán dân trong mùa mưa bão. Nhờ kết nối số, các trung tâm chỉ huy có thể phản ứng nhanh trong tình huống khẩn cấp, đây cũng là ưu thế nổi bật được ghi nhận của mô hình CQĐP 02 cấp tại đô thị là trao quyền cho cấp cơ sở (phường, xã) cùng với công cụ số giúp chủ động xử lý sự vụ ngay tại chỗ. Có thể nói, khả năng phối hợp liên thông qua nền tảng số giúp chính quyền đô thị ứng phó linh hoạt với các vấn đề như thiên tai, dịch bệnh, tai nạn... trên địa bàn rộng.

Bốn là, xây dựng và vận hành chính quyền số góp phần xây dựng đô thị thông minh lấy người dân làm trung tâm.

Mục tiêu cốt lõi của quản trị đô thị là nâng cao chất lượng sống cho người dân. Chính quyền số tạo cơ hội để người dân tham gia đóng góp vào quản lý đô thị dễ dàng hơn, qua các kênh phản ánh trực tuyến, tham vấn ý kiến cộng đồng trên mạng. Các chiến lược đô thị thông minh hiện nay đều nhấn mạnh yếu tố “hướng tới người dân” - người dân được thụ hưởng tiện ích số và cũng là chủ thể cùng



► Hội thảo khoa học "Tuần thủ luật bảo vệ dữ liệu cá nhân - Những thách thức, rủi ro và giải pháp công nghệ".

xây dựng đô thị. Nhiều địa phương tổ chức lấy ý kiến người dân qua môi trường số đối với các dự án quy hoạch, đổi mới phương thức họp tổ dân phố qua ứng dụng chat nhóm... Nhờ đó, khoảng cách giữa chính quyền và cư dân đô thị được thu hẹp, tạo nên quản trị đô thị dân chủ, gần dân hơn. Đây cũng chính là tinh thần của mô hình CQĐP 02 cấp - cấp xã là gần dân nhất, khi được trang bị công nghệ và phân quyền đầy đủ sẽ “nắm bắt nhanh nhu cầu, nguyện vọng và phản hồi trực tiếp” với người dân, và chính quyền số là yếu tố rất quan trọng làm cho mối liên hệ này trở nên mật thiết.

Có thể thấy, việc vận dụng chính quyền số vào quản trị đô thị đang đem lại những chuyển biến tích cực trên nhiều mặt, hiệu quả hơn trong quản lý, minh bạch hơn trong cung cấp dịch vụ và gắn kết hơn với cộng đồng dân cư. Tuy quá trình này còn mới và nhiều thách thức (đặc biệt về hạ tầng và nhân lực), nhưng kết quả tại các địa phương nêu trên đã cho thấy tiềm năng to lớn của chính quyền số trong việc giải quyết các bài toán đô thị. Đứng trước tốc độ đô thị



► Cán bộ phường Bình Hưng Hòa hướng dẫn người dân làm thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

hóa nhanh, chính quyền số không còn là lựa chọn mà là điều kiện bắt buộc để xây dựng các đô thị đáng sống, thông minh và bền vững ở Việt Nam.

Xây dựng chính quyền số và vận dụng vào quản trị đô thị là xu hướng tất yếu trong tiến trình hiện đại hóa quản lý nhà nước. Trong mô hình CQĐP 02 cấp được triển khai từ ngày 01/7/2025 đến nay, chính quyền số càng khẳng định vai trò nền tảng, giúp bộ máy tinh gọn vận hành hiệu quả và phục vụ người dân tốt hơn. Để tiếp tục phát triển bứt phá trong kỷ nguyên mới, các cấp chính quyền cần xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị, do đó cần giữ vững cam kết “chuyển đổi số toàn diện”, hoàn thiện thể chế, đầu tư nguồn lực cho hạ tầng và con người, đồng thời chú trọng an ninh mạng. Với quyết tâm từ Trung ương đến địa phương, mục tiêu xây dựng CQĐP số thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, gần dân hơn sẽ sớm trở thành hiện thực, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị địa phương ở đô thị trên cả nước. 🌟

► Trụ sở chính của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel), thành phố Hà Nội.





► Tỉnh Quảng Ninh đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa.

MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN THÔNG MINH TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ THỰC TIỄN Ở TỈNH QUẢNG NINH



PGS.TS. NGUYỄN BÁ CHIẾN

Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công

Tỉnh Quảng Ninh được xem là địa phương tiên phong trong đổi mới mô hình quản trị công tại Việt Nam. Với chiến lược chuyển đổi số toàn diện, Quảng Ninh liên tục nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về Chỉ số Chuyển đổi số (DTI), 07 năm liên tiếp (từ năm 2017 - 2023, năm 2024 xếp thứ 2) dẫn đầu về Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); nhiều năm liên dẫn đầu cả nước về Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)... Đó là những minh chứng rõ nét cho quyết tâm và tầm nhìn của tỉnh Quảng Ninh trong việc xây dựng chính quyền phục vụ người dân, doanh nghiệp.



► Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình cùng đoàn công tác của Chính phủ làm việc với tỉnh Quảng Ninh, ngày 20/12/2025.



► Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Trần Văn Sơn trao đổi với lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh và lãnh đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh, ngày 13/11/2025.



► Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ninh.

Cơ sở lý luận về mô hình chính quyền thông minh

Khái niệm và bản chất của chính quyền thông minh

Khái niệm chính quyền thông minh (smart governance) xuất hiện từ đầu thập niên 2010, gắn với tiến trình phát triển chính phủ điện tử và chính phủ số. Theo quan niệm của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) thì chính quyền thông minh là “hệ thống quản trị công dựa trên công nghệ số, dữ liệu và sự tham gia của các bên liên quan nhằm nâng cao năng lực ra quyết định và cung cấp dịch vụ công hiệu quả hơn”. Chính quyền thông minh là giai đoạn phát triển cao nhất, nơi chính quyền không chỉ phản ứng với các yêu cầu của người dân mà còn có khả năng hành động chủ động và dự báo. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), chính quyền thông minh sử dụng công nghệ một cách chiến lược để thúc đẩy quản trị mở và đổi mới, xây dựng quan hệ đối tác, cung cấp các dịch vụ công lấy người dân làm trung tâm.

Về bản chất, sự “thông minh” của chính quyền nằm ở năng lực khai thác sức mạnh của các công nghệ đột phá như dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT) để hỗ trợ ra quyết định dựa trên bằng chứng, dự báo các xu hướng kinh tế - xã hội, tối ưu hóa nguồn lực và kiến tạo các giá trị mới.

Các thành tố cấu thành mô hình chính quyền thông minh

Dựa trên khung khái niệm của OECD (2020), Liên hợp quốc (2022) và Ngân hàng Thế giới (2021), có thể xác định 05 thành tố cốt lõi của mô hình chính quyền thông minh như sau:

Thành tố	Nội dung trọng tâm	Mục tiêu hướng đến
Dữ liệu và hạ tầng số	Hạ tầng dữ liệu mở, nền tảng tích hợp	Tạo nền tảng cho ra quyết định dựa trên dữ liệu.
Thể chế và khung pháp lý	Chính sách quản trị dữ liệu, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư.	Bảo đảm tính minh bạch, an toàn và hợp pháp.
Con người và năng lực số	Năng lực sử dụng, phân tích, phản hồi dữ liệu của cán bộ và công dân.	Xây dựng công chức số và công dân số.
Quản trị và ra quyết định thông minh	Ứng dụng AI, phân tích dữ liệu lớn, dự báo chính sách.	Hỗ trợ ra quyết định nhanh, chính xác, dựa trên bằng chứng.
Niềm tin và sự tham gia của công dân	Tương tác hai chiều, đồng sáng tạo chính sách, phản hồi trực tuyến.	Tăng cường lòng tin, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch.

Theo Komninos, yếu tố tạo nên sự “thông minh” của chính quyền không chỉ đến từ công nghệ, mà nằm ở năng lực kết nối và học hỏi giữa các hệ thống, tổ chức và cộng đồng. Do đó, chính quyền thông minh được xem là một hệ sinh thái quản trị mở, nơi dữ liệu, công nghệ, con người và thể chế vận hành tương hỗ để tạo ra giá trị công mới.

Khung đánh giá và chỉ số đo lường chính quyền thông minh

Hiện nay, có ba bộ chỉ số quốc tế được sử dụng phổ biến để đánh giá năng lực của chính quyền thông minh. Một là, Chỉ số phát triển chính phủ điện tử (EGDI) gồm ba thành phần: dịch vụ trực tuyến; hạ tầng viễn thông; nguồn nhân lực. Việt Nam xếp hạng 86/193 quốc gia (năm 2022) và tăng lên 71/193 (năm 2024)⁽¹⁾. Hai là, Chỉ số Chính phủ số (DGI) do OECD đánh giá lần đầu vào năm 2014. Chỉ số DGI đo mức độ trưởng thành của chính phủ số theo sáu chiều cạnh: kỹ thuật số theo thiết kế; khu vực công dựa trên dữ liệu; tính chủ động; hướng đến người dùng; mở theo mặc định; Chính phủ như một nền tảng. Ba là, đánh giá năng lực của các quốc gia trong việc thiết kế và triển khai chính phủ số. Tại Việt Nam, trong báo cáo đánh giá năm 2019 đề cập đến các nội dung: lãnh đạo và quản trị; tập trung vào người dùng; thay đổi quy trình kinh doanh; năng lực, văn hóa và kỹ năng; cơ sở hạ tầng được chia sẻ; định hướng dữ liệu; an ninh mạng, quyền riêng tư và khả năng phục hồi⁽²⁾. Những nghiên cứu lý luận về mô hình chính quyền thông minh cho thấy đây không chỉ là xu hướng công nghệ, mà là sự chuyển đổi mô hình quản trị công toàn diện - từ hành chính sang quản trị thông minh, từ ra quyết định theo kinh nghiệm sang ra quyết định dựa trên dữ liệu và từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển, kiến tạo, phục vụ.



► Hội Sách - Báo Xuân Quảng Ninh được thiết kế theo hướng mở, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa báo chí truyền thống và công nghệ số, ngày 12/02/2026.

Kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới

Tại Estonia

Estonia được xem là hình mẫu điển hình nhất về chính phủ số với hơn 99% dịch vụ công trực tuyến. Chính phủ Estonia triển khai hệ thống X-Road - nền tảng tích hợp dữ liệu công quốc gia cho phép 900 tổ chức công và tư trao đổi dữ liệu an toàn, tiết kiệm 844 năm công lao động mỗi năm (e-Estonia, 2023). Năm 2024, theo Liên hợp quốc, Estonia đứng thứ 2 toàn cầu về chỉ số EGDI. Thành công của Estonia không nằm ở công nghệ tối tân mà ở một triết lý quản trị đột phá và khung pháp lý đồng bộ. Đặc trưng của Estonia là Chính phủ dựa trên thể chế số hóa, với các chính sách: công dân toàn cầu có thể đăng ký doanh nghiệp online tại Estonia; mọi công dân có ID điện tử, truy cập hồ sơ y tế, tài chính, giáo dục, bỏ phiếu... tích hợp Blockchain vào hạ tầng chính phủ để đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu, an ninh mạng.

Tại Singapore

Singapore là quốc gia đi đầu trong việc phát triển quốc gia thông minh (Smart Nation). Smart Nation được Thủ tướng Lý Hiển Long khởi xướng từ năm 2014 với nhiều dự án và sáng kiến nhằm xây dựng một môi trường sống và làm việc thông minh hơn, tiêu biểu như: 1) Nền tảng myinfo - cho phép người dân truy cập thông tin cá nhân từ nhiều cơ quan chính phủ trên một nền tảng duy nhất; 2) Smart Health: triển khai các giải pháp y tế số để cải thiện quản lý và chăm sóc bệnh nhân; 3) Cảng thông minh - Smart Port: sử dụng công nghệ tự động và phân tích dữ liệu để quản lý, vận hành cảng biển⁽³⁾. Cách tiếp cận của Singapore là do Chính phủ dẫn dắt, có tầm nhìn dài hạn, quyết tâm chính trị cao và sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân để tạo ra các dịch vụ công vượt trội, liền mạch.

Tại Hàn Quốc

Năm 2024, Hàn Quốc là quốc gia đứng thứ tư trên thế giới trong bảng xếp hạng Chỉ số EGDI và dẫn đầu thế giới về Chỉ số tham gia điện tử (EPI) trong giai đoạn 2010 - 2020. Hàn Quốc xây dựng chiến



► Đại diện Tập đoàn FPT nhận chứng nhận đăng ký đầu tư dự án xây dựng Khu Công nghệ số tập trung và khu phụ trợ tại tỉnh Quảng Ninh, ngày 24/11/2025.

lược với từng giai đoạn có lộ trình 10 năm/giai đoạn (từ 1980 tin học hóa; từ năm 2000 Chính phủ điện tử; từ năm 2010 Chính phủ di động; từ năm 2020 đến nay, Chính phủ số/chính phủ thông minh. Với chiến lược đầu tư bài bản, rõ ràng, Hàn Quốc đã đạt được thành tựu nổi bật khi cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn diện thông qua cổng thông tin điện tử chính phủ và ứng dụng di động, ứng dụng công nghệ tiên tiến; nâng cao hiệu quả hoạt động của chính phủ, tăng cường sự tham gia của người dân...

Tại Trung Quốc

Trung Quốc triển khai mô hình “Smart Government”, gắn liền với chiến lược quốc gia Digital China và Internet Plus Government Services.

Các đô thị như Hàng Châu, Thâm Quyển, Quảng Châu trở thành trung tâm thử nghiệm quản trị thông minh dựa trên Big Data, Cloud và AI. Có bốn điểm nổi bật: 1) Nền tảng dữ liệu chính phủ: liên kết dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để phục vụ cho quản lý, điều hành; 2) Sử dụng AI trong ra quyết định hành chính: ứng dụng phân tích dữ liệu dự báo chính sách và quản lý giao thông, môi trường, y tế, kiểm soát...; 3) Cổng dịch vụ thống nhất quốc gia được tích hợp sâu rộng vào các siêu ứng dụng như Alipay và WeChat, cho phép người dân, doanh nghiệp truy cập dịch vụ một cách thuận tiện nhất; 4) Các doanh nghiệp lớn như Alibaba, Tencent, Huawei phối hợp chặt chẽ với Chính phủ trong việc cung cấp hạ tầng công nghệ (cloud, AI) và nền tảng người dùng (Alipay, WeChat) để triển khai xây dựng chính quyền thông minh.

Thực trạng xây dựng chính quyền thông minh tại tỉnh Quảng Ninh

Trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hiện có 5.203 trạm thu, phát sóng di động; tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng 4G đạt 100%. Toàn tỉnh có 1.767.462 thuê bao điện thoại di động (đạt tỷ lệ 128,5% thuê bao/100 dân), trong đó 1.665.363 thuê bao sử dụng điện thoại thông minh⁽⁴⁾. Từ năm 2014, tỉnh đã đưa vào vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu

tỉnh Quảng Ninh, đây là nơi tập trung các máy chủ, tích hợp kho dữ liệu, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và các dịch vụ công nghệ thông tin truyền thông của toàn tỉnh... Nhờ đó, tất cả các ứng dụng về dịch vụ công sẽ được lưu trữ để phục vụ cho người dân, doanh nghiệp. Từ sau ngày 01/7/2025, tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành và đưa vào vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đảm bảo duy trì kho dữ liệu văn bản điện tử dùng chung đáp ứng hoạt động theo mô hình chính quyền mới, phục vụ công việc được thông suốt, không bị gián đoạn; 100% hệ thống mạng WAN, mạng truyền số liệu dùng chung cấp tỉnh và cấp xã đáp ứng yêu cầu phục vụ hội nghị trực tuyến và hệ thống chính quyền điện tử.

Ứng dụng và dịch vụ số ở Quảng Ninh ngày càng phổ biến. Từ năm 2021, tỉnh đã thực hiện số hóa giấy tờ TTHC ngay từ bước tiếp nhận đầu vào hồ sơ. Trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã số hóa 55.939 hồ sơ đầu vào; trả 51.639 kết quả bản điện tử. Nhờ đó tỷ lệ khai thác, tái sử dụng thông tin dữ liệu đạt 87,76%. Tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến ngày càng tăng cao, năm 2021 là 44,5% thì đến hết 2024 là 88,1%. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn trên hệ thống một cửa điện tử tỉnh trong 06 tháng đầu năm 2025 đạt tỷ lệ 73,9%. Tính đến hết tháng 7/2025, tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình của Tỉnh đã tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 1.534 thủ tục, đạt tỷ lệ 100%⁽⁵⁾. Ứng dụng di động “Smart Quang Ninh” đã cung cấp dịch vụ tiện ích về du lịch, phản ánh hiện trường, thông tin thời tiết, giao thông...

Đầu tư vào xây dựng cơ sở dữ liệu, từ ngày 28/8/2019, Trung tâm Điều hành thông minh của tỉnh Quảng Ninh chính thức đi vào hoạt động và là một trong những IOC quy mô lớn và hiện đại nhất Việt Nam thời điểm đó. Từ đầu năm 2022, tỉnh Quảng Ninh chính thức đưa vào vận hành trang zalo “Chuyển đổi số Quảng Ninh”; xây dựng 8 bộ tài liệu, 3 bộ flashcard (90 flashcard) tuyên truyền về chuyển đổi số. Trung tâm Truyền thông tỉnh thực hiện 45 chuyên mục hỏi - đáp về chuyển đổi số trên sóng phát thanh Quảng Ninh, với thời lượng từ 5 đến 7 phút/chuyên mục. Hoạt động chuyển đổi số còn được đăng tải trên các loại hình báo chí và cổng thông tin điện tử, các mạng xã hội zalo, facebook... Các sở, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội tích cực tổ chức nhiều hội nghị bồi dưỡng, tập huấn, cuộc thi về chuyển đổi số trên địa bàn⁽⁶⁾.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận, quá trình xây dựng chính quyền số tại tỉnh Quảng Ninh vẫn đối mặt với những thách thức mang tính cấu trúc, trong đó dữ liệu vẫn là “điểm nghẽn” lớn nhất. Dù đã có nhiều cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nhưng vẫn còn phân tán, chưa được chuẩn hóa và kết nối, chia sẻ thông suốt. Việc thiếu một nền tảng dữ liệu dùng chung khiến việc phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định tổng thể còn hạn chế. Công tác khai thác dữ liệu phục vụ phân tích dự báo còn hạn chế, mới dừng ở khâu hỗ trợ điều hành tác nghiệp

hơn là ra quyết định chiến lược. Một số hệ thống thông tin được đầu tư ở các giai đoạn khác nhau, dẫn đến tình trạng manh mún, thiếu tích hợp sâu; nguy cơ về an toàn, an ninh mạng ngày càng gia tăng trong khi nguồn lực bảo vệ còn mỏng.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh vẫn đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt đội ngũ chuyên gia về khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng; năng lực số của một bộ phận cán bộ, công chức và người dân chưa đồng đều, tạo ra “khoảng cách số” giữa khu vực đô thị và nông thôn, miền núi. Bên cạnh đó, tư duy quản lý theo lối cũ, dựa trên giấy tờ và quy trình thủ công vẫn còn ở một số cơ quan, đơn vị. Thiếu các cơ chế, chính sách đột phá để thúc đẩy chia sẻ dữ liệu và thu hút doanh nghiệp công nghệ tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

Từ thực tiễn của các quốc gia tiên phong trong xây dựng mô hình chính quyền thông minh nêu trên và của tỉnh Quảng Ninh, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cốt lõi, đó là:

Thứ nhất, lãnh đạo chiến lược và thể chế nhất quán: chuyển đổi số không phải là một dự án công nghệ mà là một cuộc cách mạng thực chất về tư duy và thể chế, đòi hỏi sự chỉ đạo quyết liệt, nhất quán và xuyên suốt. Các vấn đề về định danh điện tử, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân phải được luật hóa rõ ràng để tạo dựng niềm tin số. Các mô hình thành công đều có cam kết chính trị mạnh mẽ ở cấp cao nhất và một thể chế điều phối tập trung.

Thứ hai, dữ liệu là nền tảng cốt lõi: tỉnh Quảng Ninh cần chuẩn hóa, liên thông và khai thác dữ liệu hiệu quả - đặc biệt là dữ liệu về kinh tế, du lịch, tài nguyên, môi trường và dân cư - để phục vụ hoạch định chính sách dự báo và ra quyết định kịp thời. Cùng với đó, việc an toàn, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu là yếu tố quyết định; cần có chiến lược bảo vệ các hệ thống thông tin và tài nguyên dữ liệu quan trọng một cách nghiêm ngặt.

Thứ ba, mọi công nghệ và chính sách phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm: sự thành công của chính quyền thông minh được đo lường bằng mức độ hài lòng và trải nghiệm của người dùng. Do đó, các ứng dụng công nghệ thường xuyên cải tiến dựa trên nhu cầu, cảm xúc, mong muốn của người dùng và sự phù hợp với điều kiện thực tiễn.



► Công an tỉnh Quảng Ninh dồn lực trong chiến dịch cao điểm 90 ngày đêm số hóa hồ sơ nghiệp vụ.

Thứ tư, đổi mới sáng tạo trong khu vực công: từ kinh nghiệm các quốc gia như Singapore và Hàn Quốc khuyến khích các cơ quan nhà nước thử nghiệm mô hình mới thông qua cơ chế “regulatory sandbox”. Tỉnh Quảng Ninh có thể áp dụng mô hình này cho các lĩnh vực như chính quyền số cấp cơ sở, dịch vụ công AI, hay phân tích dữ liệu du lịch thông minh, nhằm tạo không gian thử nghiệm chính sách linh hoạt.

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực số và văn hóa số: thành công của chuyển đổi số phụ thuộc vào năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức và của toàn xã hội. Tỉnh Quảng Ninh cần xem xét, triển khai chiến lược “công chức số”, gồm các chương trình đào tạo kỹ năng dữ liệu, tư duy thiết kế, và quản trị số cho cán bộ, công chức, kết hợp với đào tạo công dân số trong cộng đồng.

Thứ sáu, nhận diện rõ những hạn chế, bất cập và có giải pháp cụ thể: trên cơ sở nhận diện rõ các nhân tố của chính quyền thông minh: dữ liệu, hạ tầng số, nguồn nhân lực, thể chế và văn hóa quản trị sẽ giúp tỉnh Quảng Ninh xác định chính xác các “điểm nghẽn” và nguyên nhân cốt lõi. Trên cơ sở đó, các giải pháp cần được thiết kế phù hợp với nguồn lực, khả thi, có lộ trình rõ ràng, bảo đảm tính đồng bộ giữa công nghệ, thể chế và con người, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Giải pháp xây dựng mô hình chính quyền thông minh trong kỷ nguyên số của tỉnh Quảng Ninh

Một là, hoàn thiện thể chế và khung pháp lý: cần xây dựng kiến trúc tổng thể chính quyền thông minh; ban hành một khung kiến trúc tổng thể, trong đó xác định rõ lộ trình, mô hình tham chiếu, các tiêu chuẩn kỹ thuật và nền tảng dùng chung cho toàn tỉnh. Cần nghiên cứu thí điểm mô hình giám đốc thông tin (CIO) cấp tỉnh để điều phối, tổ chức thực hiện các hoạt động chuyển đổi số một cách chuyên nghiệp; xây dựng quy chế quản lý, chia sẻ, sử dụng dữ liệu số giữa các sở, ngành, địa phương; tăng cường hợp tác công - tư trong cung cấp dịch vụ công thông minh, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, giao thông, y tế và môi trường.

Hai là, tăng cường năng lực dữ liệu và phân tích dự báo: hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ninh, phát triển nền tảng phân tích dữ liệu tổng hợp hỗ trợ ra quyết định điều hành. Kết nối liên thông cơ sở dữ liệu địa phương với cơ sở dữ liệu quốc gia, đặc biệt trong các lĩnh vực dân cư, đất đai và đăng ký kinh doanh; triển khai thí điểm mô hình phân tích dự báo chính sách bằng AI và học máy, phục vụ quy hoạch, dự báo nhu cầu dịch vụ công, an ninh và đô thị.

Ba là, nâng cao chất lượng dịch vụ công và trải nghiệm của người dân: cần chuẩn hóa, tích hợp 100% TTHC trên



► Tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Tập đoàn FPT đưa sinh viên về xã, phường hỗ trợ triển khai một số nhiệm vụ về công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Cổng Dịch vụ công tỉnh Quảng Ninh và Cổng Dịch vụ công quốc gia; phát triển nền tảng “One Quang Ninh Platform” - thống nhất các ứng dụng phản ánh, thanh toán, giám sát, tra cứu, và đánh giá dịch vụ công; ứng dụng AI Chatbot và phân tích ngữ nghĩa (NLP) để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tra cứu thủ tục nhanh chóng, minh bạch.

Bốn là, phát triển nhân lực số và văn hóa tổ chức số: hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu đào tạo chuyên sâu về phân tích dữ liệu, an ninh mạng và quản trị đổi mới số; xây dựng hệ thống đánh giá năng lực số công chức, gắn với công tác thi đua, khen thưởng; thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo trong khu vực công, khuyến khích cán bộ đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình, sử dụng AI và dữ liệu mở.

Năm là, bảo đảm an toàn thông tin, an toàn dữ liệu: cần triển khai đồng bộ hệ thống quản lý an toàn thông tin cấp tỉnh (SOC); tăng cường truyền thông, giáo dục cộng đồng về an ninh mạng và quyền riêng tư dữ liệu; xây dựng khung đạo đức sử dụng trí tuệ nhân tạo, bảo đảm công bằng, minh bạch và quyền công dân số.

Xây dựng chính quyền thông minh không còn là một lựa chọn, mà là một nhiệm vụ từ thực tiễn phát triển, đặc biệt là khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, với khối lượng công việc nhiều hơn, đầu mối quản lý trực tiếp tăng lên. Đây là một hành trình dài, đòi hỏi sự chuyển đổi toàn diện từ tư duy, thể chế đến công nghệ và con người. Với chiến lược phát triển toàn diện cùng định hướng cụ thể, tỉnh Quảng Ninh có đủ cơ sở và tiềm năng hướng đến mục tiêu xây dựng thành công mô hình chính quyền thông minh kiểu mẫu - thực sự kiến tạo phát triển, hoạt động hiệu quả, minh bạch, phục vụ ngày càng tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp trong kỷ nguyên mới. 🌸

Ghi chú:

- (1) Việt Nam tăng 15 bậc về Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Vietnam+ (VietnamPlus).
- (2) Theo <https://documents1.worldbank.org>.
- (3) Theo <https://ocd.vn/singapore-di-dau-xu-huong-smart-nation/> truy cập ngày 04/10/2025.
- (4),(5) Xem <https://baoquangninh.vn/day-manh-cung-cap-dich-vu-cong-truc-tuyen-3373058.html>, truy cập ngày 04/10/2025.
- (6) Xem <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

YẾU TỐ THEN CHỐT ĐỂ VẬN HÀNH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



PGS.TS. VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Quảng Nam



► Thành phố Đà Nẵng trên đường đổi mới và hội nhập và phát triển.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV về sáp nhập tỉnh Quảng Nam với thành phố Đà Nẵng đã đặt thành phố Đà Nẵng (mới) trước nhiều cơ hội và thách thức. Với kinh nghiệm đã có trong thời gian triển khai thí điểm chính quyền đô thị, cùng tiềm năng từ việc mở rộng không gian phát triển, thành phố Đà Nẵng đang tập trung xây dựng đội ngũ nhân lực - yếu tố “then chốt” hướng tới một nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả và gần dân theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Cơ hội và thách thức cho sự phát triển bền vững

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV về sáp nhập tỉnh Quảng Nam với thành phố Đà Nẵng không chỉ nhằm điều chỉnh địa giới hành chính, mà còn là chiến lược tầm vĩ mô nhằm nâng cao năng lực quản trị vùng, kết hợp sức mạnh của một đô thị hiện đại với tiềm năng, văn hóa phong phú kết hợp hài hòa giữa nông thôn và miền núi. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là “chìa khóa” để mô hình chính quyền địa phương 02 cấp của thành phố Đà Nẵng hoạt động thông suốt và hiệu quả.

Thực tiễn hơn 04 năm triển khai thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 tại thành phố Đà Nẵng đã cho thấy những ưu điểm vượt trội của bộ máy mới. Cơ cấu gọn nhẹ, cơ chế r



► Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú trao các quyết định cho Đảng bộ thành phố Đà Nẵng tại Lễ công bố nghị quyết, quyết định của Trung ương và địa phương về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện; thành lập tổ chức đảng, chỉ định cấp ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố, xã, phường, đặc khu, ngày 30/6/2025.

quyết định nhanh chóng, cùng những bước tiến đáng kể trong chuyển đổi số đã tạo nên dấu ấn riêng của thành phố trong quá trình hiện đại hóa nền hành chính công. Đặc biệt, việc tỉnh Quảng Nam được sáp nhập đã mang đến cơ hội vàng cho Đà Nẵng với diện tích rộng, quỹ đất công nghiệp lớn, không gian phát triển tiềm năng...

Ngay từ ngày 01/7/2025, Kỳ họp thứ nhất của HĐND thành phố Đà Nẵng đã phê chuẩn nhiều quyết định quan trọng, trong đó Nghị quyết của HĐND thành phố về biên chế năm 2025 đã đặt nền móng cho việc tổ chức và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, với địa bàn của thành phố Đà Nẵng (mới) trải dài từ đồng bằng ven biển, trung du, miền núi đến biên giới và hải đảo, mỗi khu vực có những đặc thù riêng về kinh tế - xã hội và nhu cầu dịch vụ công khác nhau. Khu vực đồng bằng và đô thị đòi hỏi hạ tầng giao thông hiện đại, dịch vụ công trực tuyến nhanh chóng và chất lượng cao. Ngược lại, vùng miền núi lại đặt nặng yêu cầu về an sinh xã hội, y tế cơ sở và phổ cập giáo dục. Riêng các xã đảo còn có nhu cầu đặc thù về bảo đảm quốc phòng - an ninh gắn liền với phát triển sinh kế cho ngư dân. Sự khác biệt này, nếu không được điều tiết bằng cơ chế phân bổ nguồn lực công bằng và hợp lý, rất dễ dẫn đến tình trạng mất cân đối trong đầu tư và phát triển.

Trong bối cảnh đó, vai trò của cấp xã trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, bởi đây là cấp gần dân nhất, khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì cấp xã vừa phải đảm nhiệm chức năng truyền thống của mình, vừa phải thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của cấp huyện chuyển giao về và trực tiếp giải quyết các công việc hàng ngày của nhân dân. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải cơ cấu lại tổ chức bộ máy cấp xã một cách khoa học và hiệu quả, đồng thời nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để đáp ứng với những đòi hỏi mới. Khi các xã, phường được mở rộng thì đội ngũ cán bộ phải đáp ứng cả về số lượng và chất lượng. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức trong quá trình vận hành bộ máy chính quyền 02 cấp ở thành phố Đà Nẵng.

Theo quan điểm của các chuyên gia quản lý hành chính công, một trong những vấn đề cốt lõi khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là phải thay đổi tư duy về quản trị nhân sự. Và đến thời điểm này, để vận hành có hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thành phố Đà Nẵng đang tập trung triển khai thực hiện một số nội dung sau:

Một là, cùng với việc từng bước xóa bỏ rào cản trong tuyển dụng và bổ nhiệm, thành phố tập trung tổ chức sắp xếp lại bộ máy theo hướng tăng cường cán bộ, công chức chuyên môn từ cấp thành phố về làm việc tại cấp xã. Việc này không đơn thuần là di chuyển nhân sự mà là chiến lược gắn kết chặt chẽ giữa 02 cấp chính quyền, giúp truyền tải nhanh chóng các chính sách, đồng thời phản ánh kịp thời tình hình thực tế từ cơ sở lên cấp ra quyết định.

Hai là, bên cạnh vấn đề tổ chức và nhân sự, điều kiện làm việc của cán bộ, công chức cấp xã cũng được đầu tư, nâng cấp và cải thiện một cách toàn diện. Trong kỷ nguyên số, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý và phục vụ người dân không còn là lựa chọn mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc. Để cán bộ, công chức cấp cơ sở có thể sử dụng thành thạo các công nghệ khoa học, kỹ thuật và thông tin hiện đại, thành phố ưu tiên cải tiến, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của cấp xã. Đặc biệt, trong bối cảnh người dân hiện nay đã từng bước làm quen với việc sử dụng các tính năng của chính quyền điện tử, nộp hồ sơ giao dịch một cửa trực tuyến, thì việc đầu tư vào hạ tầng số không chỉ giúp cán bộ làm việc hiệu quả hơn, mà còn nâng cao sự hài lòng của người dân.

Ba là, nhanh chóng đồng bộ hóa hệ thống chính quyền điện tử và chính quyền số từ cấp thành phố đến các phường, xã, bảo đảm kết nối thống nhất cũng như dữ liệu thông suốt, nhất là ở khu vực tỉnh Quảng Nam trước đây để tránh tình trạng nghẽn trong cung cấp dịch vụ công, làm gián đoạn việc phục vụ người dân và doanh nghiệp. Vì vậy, ngay từ những ngày đầu, thành phố đã xác định việc xây dựng hạ tầng số đồng bộ là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực cốt lõi của vấn đề

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chất lượng cao không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà còn là chiến lược dài hạn, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình xây dựng chính quyền đô thị hiện đại tại thành phố Đà Nẵng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, thành phố cần có đội ngũ cán bộ không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn có tầm nhìn chiến lược, khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường kinh tế - xã hội và có tinh thần tận tụy phục vụ Nhân dân.



► Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà thăm, kiểm tra Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ngày 18/11/2025.

Vấn đề cốt lõi là phải đào tạo được một đội ngũ cán bộ đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nhiệm vụ và vị trí công việc mới. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải được thiết kế khoa học, bảo đảm trang bị đủ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ theo yêu cầu mới, đáp ứng tiêu chuẩn cho từng đối tượng, từng vị trí công tác cụ thể. Điều này giúp cán bộ có đủ năng lực giải quyết tốt các vấn đề mới phát sinh trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đặc biệt, các chương trình đào tạo cần tập trung vào những kỹ năng then chốt như quản lý, ứng dụng công nghệ số trong quản lý hành chính, kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề, cũng như khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa - một yếu tố quan trọng khi thành phố mới có sự đa dạng về địa lý và văn hóa, xã hội.

Việc hợp nhất các cơ quan chuyên môn cũng đặt ra yêu cầu rà soát, sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ một cách cẩn trọng để tránh chồng chéo, đồng thời bố trí và điều chuyển cán bộ bảo đảm công bằng, minh bạch. Quá trình này không chỉ đơn thuần là việc sắp xếp lại tổ chức mà còn liên quan đến việc hợp nhất hệ thống dữ liệu và thủ tục hành chính giữa tỉnh Quảng Nam trước đây và thành phố Đà Nẵng. Đây là khâu quan trọng, quyết định sự thành công của mô hình chính quyền mới. Áp lực càng trở nên lớn hơn khi phải đảm bảo sự kết nối và tương thích giữa các hệ thống đã và đang vận hành, trong khi vẫn phải duy trì việc cung cấp dịch vụ công liên tục cho người dân và doanh nghiệp.

Với tư duy đột phá, coi đầu tư cho con người là nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững, thành phố Đà Nẵng tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong cải cách hành chính bằng việc xây dựng chính sách mới về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Nghị quyết của HĐND thành phố về vấn đề này có ba điểm đột phá lớn: Thiết kế chính sách mang tính nhân văn và công bằng vùng miền; khuyến khích mạnh mẽ tinh thần tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ; Đảm bảo tính khả thi, đồng bộ với cơ chế tự chủ tài chính hiện hành.

Khác với các quy định trước đây vốn chỉ tập trung vào hình thức “cử đi học”, Nghị quyết lần này sẽ mở rộng sang cơ chế khuyến khích tự học, tự đào tạo, tạo điều kiện cho mỗi cán bộ, công chức chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng mới mà không cần chờ phân bổ chỉ tiêu. Cụ thể là, những người tự túc học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) và hoàn thành chương trình được công nhận sẽ nhận mức hỗ trợ một lần từ 15 triệu đồng đối với thạc sĩ và

40 triệu đồng đối với tiến sĩ. Đối với các khóa ngắn hạn về công nghệ thông tin, kỹ năng số, quản trị đổi mới sáng tạo, nếu học viên tự học và được cấp chứng chỉ, thành phố sẽ hỗ trợ 50% học phí thực tế. Nhìn dưới góc độ quản trị nguồn nhân lực, chính sách này không chỉ tiết kiệm ngân sách nhà nước mà còn tạo ra động lực phát triển nội sinh trong từng cán bộ, viên chức. Khi mỗi cá nhân chủ động học tập, cơ quan quản lý nhà nước sẽ hình thành văn hóa học tập, nơi mọi người đều nhận thức rằng tri thức là công cụ quan trọng nhất để hoàn thành nhiệm vụ trong thời kỳ chuyển đổi số.

Đằng sau các con số và quy định cụ thể là một triết lý phát triển rõ ràng “xây dựng nền công vụ học tập suốt đời”. Khi nền hành chính chuyển mình theo hướng số hóa, kiến thức và kỹ năng trở nên lỗi thời rất nhanh, việc duy trì năng lực học tập liên tục là yêu cầu bắt buộc. Thành phố Đà Nẵng đã nhận thức sâu sắc điều đó, thay cho đào tạo “một lần cho cả đời” bằng việc hướng tới mô hình đào tạo tuần hoàn, trong đó mỗi cán bộ đều có kế hoạch học tập định kỳ 3 - 5 năm, cập nhật kỹ năng mới, công nghệ mới và phương pháp làm việc hiện đại. Tính đến giữa năm 2025, Đà Nẵng là địa phương có tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo lại và bồi dưỡng hàng năm cao nhất khu vực miền Trung (khoảng 65%). Điều này phản ánh không chỉ sự quan tâm của chính quyền, mà còn là kết quả của việc xây dựng văn hóa học tập trong khu vực công của mỗi cán bộ, công chức và người lao động ở thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng quy định rõ trách nhiệm của các sở, ngành trong việc lập kế hoạch đào tạo, đảm bảo tránh trùng lặp, phân bổ hợp lý và đúng người, đúng nhu cầu. Đây là cơ chế “hai chiều”: nhà nước hỗ trợ, nhưng người thụ hưởng phải có trách nhiệm học tập và ứng dụng hiệu quả.

Sau sáp nhập, Đà Nẵng đang đứng trước một chặng đường mới, nhiều thử thách song cũng tràn đầy cơ hội. Với diện tích mở rộng, dân số tăng lên và tiềm năng phát triển được nhân lên nhiều lần, thành phố có đủ điều kiện để trở thành một trung tâm kinh tế - xã hội năng động của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.



► Cán bộ trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính.

Tuy nhiên, để biến tiềm năng thành hiện thực, yếu tố con người - nguồn nhân lực chất lượng cao - sẽ là chìa khóa quyết định sự thành công. Không có đội ngũ cán bộ, công chức giỏi, tận tụy, có năng lực và tâm nhin, mọi kế hoạch phát triển, dù tham vọng đến đâu cũng khó có thể thành hiện thực.

Để giải quyết những thách thức này, thành phố Đà Nẵng cần tiếp tục sát sao, chủ động triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp, cụ thể là:

Thứ nhất, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các chủ trương, quy định của Đảng và Nhà nước, thực hiện tốt công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, trong hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong Nhân dân về chủ trương sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy. Hoạt động này là nền tảng quan trọng để đảm bảo hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Thứ hai, UBND thành phố chủ động thành lập, tổ chức và sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị trực thuộc, quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức. Việc chỉ đạo kiện toàn và ổn định tổ chức bộ máy chính quyền cấp xã cần được tiếp tục đẩy mạnh, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở địa phương. Đây là những bước đi cụ thể, thiết thực, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững của thành phố trong giai đoạn tới.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra và đôn đốc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cũng được đặc biệt chú trọng bởi thanh tra, kiểm tra chính là công cụ quan trọng để phát hiện kịp thời những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai, từ đó có biện pháp điều chỉnh phù hợp. Hoạt động thanh tra, kiểm tra không chỉ tập trung vào việc phát hiện sai phạm mà còn hướng đến việc tư vấn, hỗ trợ các đơn vị cơ sở thực hiện tốt các quy định, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn bộ bộ máy.

Thứ tư, việc đầu tư vào cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cần được đẩy mạnh một cách đồng bộ và toàn diện. Đây không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật mà còn là điều kiện cần thiết để

xây dựng một chính quyền minh bạch, hiệu quả, gần dân. Khi mọi dịch vụ công đều có thể được thực hiện trực tuyến, khi mọi thông tin đều được công khai, minh bạch, niềm tin của người dân vào chính quyền sẽ được củng cố và nâng cao.

Kinh nghiệm cho thấy, những thành phố phát triển trên thế giới cũng như trong khu vực đều là những nơi đầu tư mạnh mẽ vào yếu tố “con người”. Trong kỷ nguyên của kinh tế tri thức, sức mạnh cạnh tranh không chỉ đến từ cơ sở hạ tầng hay nguồn vốn, mà chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quản lý có vai trò quan trọng nhất. Thành phố Đà Nẵng với truyền thống văn hiến cùng tinh thần đổi mới, sáng tạo đã được “minh chứng” qua nhiều năm cùng sự quyết tâm, thông qua những kế hoạch chi tiết, khoa học, đúng đắn, lộ trình cụ thể, trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức... Nguồn nhân lực chất lượng cao không chỉ là nền tảng cho sự thành công của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, mà còn là động lực quan trọng giúp thành phố tiếp tục khẳng định vị thế của Đà Nẵng - một trong những đô thị hiện đại, văn minh, đáng sống, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. 🇻🇳



► Để Việt Nam có thể tăng tốc phát triển trong giai đoạn tới, một trong những yêu cầu bức thiết là phải nhanh chóng cải thiện chất lượng nguồn nhân lực.

Tài liệu tham khảo:

1. Quốc hội, *Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về “Sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh”*.
2. Quốc hội, *Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về “Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng”*.
3. Nghị quyết của HĐND thành phố Đà Nẵng về “*Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động năm 2025*”.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH



TS. ĐOÀN VĂN DŨNG

Văn phòng Bộ Nội vụ



► Tổng Bí thư Tô Lâm đến thăm, kiểm tra hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp tại xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội, ngày 01/7/2025.

Tại Việt Nam, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương (CQĐP) 02 cấp từ ngày 01/7/2025 đã tạo ra những thay đổi căn bản trong cấu trúc tổ chức và phương thức hoạt động của CQĐP. Sau sắp xếp, hiện nay cả nước có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh (bao gồm 28 tỉnh và 06 thành phố trực thuộc Trung ương), đang đảm nhận vai trò quan trọng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Sự thay đổi này không chỉ đơn thuần về tổ chức đơn vị hành chính mà còn tác động đến nền tảng tổ chức quốc gia, tạo tiền đề đổi mới căn bản về tư duy quản trị, từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị địa phương hiện đại, lấy người dân làm trung tâm.

Khái niệm quản trị địa phương

Khái niệm “quản trị địa phương” là một thuật ngữ liên quan đến nhiều lĩnh vực từ pháp luật, hành chính đến kinh tế - xã hội, nhấn mạnh sự tham gia của các chủ thể ngoài nhà nước vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đưa ra khái niệm về quản trị là: “Quản trị địa phương gồm nhiều vấn đề, nhiều chủ thể có khả năng chi phối, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, hoạch định chính sách phát triển và ban hành quyết định ở cấp địa phương”⁽¹⁾. Một số nhà nghiên cứu cho rằng: “Quản trị địa phương là mô hình hoạch định, quản lý phát triển kinh tế - xã hội ở cấp

địa phương với sự tham gia của nhiều chủ thể, được vận hành theo nguyên tắc phi tập trung hóa”⁽²⁾; “Quản trị địa phương là quá trình thực hiện các chính sách gắn với cơ chế tự quản, kiến tạo môi trường, tận dụng nguồn lực trong từng đơn vị hành chính với trụ cột cốt lõi là chính quyền địa phương, có sự đồng thuận, tham gia, phối hợp trực tiếp và đóng góp nguồn lực của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội và phục vụ Nhân dân một cách tốt nhất”⁽³⁾.

Về tổng thể, quản trị địa phương ở đơn vị hành chính cấp tỉnh là quá trình CQĐP và các chủ thể có liên quan theo vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tham gia tổ chức, điều hành, phối hợp các nguồn lực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường nhằm giải quyết các vấn đề chung của địa phương, phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững, bảo đảm quyền lợi của người dân trên địa bàn tỉnh. Do đó, quản trị địa phương cấp tỉnh có những đặc điểm nổi bật sau:

Tính đa chủ thể: quản trị địa phương không phải là trách nhiệm riêng có của chính quyền địa phương. Thay vào đó, là một mạng lưới các mối quan hệ tương tác giữa CQĐP, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp và người dân. Mỗi chủ thể có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của địa phương đó.

Vai trò trung tâm của CQĐP: mặc dù có sự tham gia của nhiều chủ thể, tuy nhiên, cơ cấu của CQĐP (bao gồm HĐND và UBND) vẫn giữ vai trò trung tâm, có chức năng điều phối, kiến tạo và dẫn dắt quá trình quản trị. Chính quyền là nơi hội tụ các lợi ích, giải quyết các xung đột và đảm bảo các quyết định được thực thi vì lợi ích chung.

Trách nhiệm giải trình kép: chính quyền cấp tỉnh phải chịu trách nhiệm giải trình theo cả chiều dọc và chiều ngang. Về chiều dọc, chính quyền cấp tỉnh chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra của chính quyền Trung ương. Về chiều ngang, phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, cử tri và cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương về các quyết sách và hiệu quả hoạt động của mình.

Mục tiêu cốt lõi là phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: mọi hoạt động quản trị đều hướng tới mục tiêu cuối cùng là khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện chất lượng dịch vụ công và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Thực tiễn quản trị địa phương tại đơn vị hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam

Quản trị địa phương ở Việt Nam có những bước phát triển quan trọng với những kết quả nổi bật. Các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) cho thấy sự tham gia của người dân ngày càng được tăng cường, trách nhiệm giải trình của CQĐP với người dân được bảo đảm. Các hình thức đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo cấp tỉnh (Bí thư tỉnh ủy, thành ủy và Chủ tịch UBND cùng cấp) với người dân và doanh nghiệp ngày càng phổ biến, giúp giải quyết các bức xúc ngay từ cơ sở. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát, phản biện xã hội ngày càng được phát huy, đặc biệt trong các dự án có ảnh hưởng đến đời sống của người dân.

Trong giai đoạn hiện nay, quá trình sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình CQĐP 02 cấp đã tạo nên sự thay đổi quan trọng trong quản trị địa phương ở đơn vị hành chính cấp tỉnh. Với việc không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện đã tái cấu trúc tổ chức quyền lực và nhiệm vụ lớn. Phần lớn các nhiệm vụ quản lý nhà nước trước đây thuộc thẩm quyền của cấp huyện (như quản lý đất đai, xây dựng, giáo dục, y tế ở quy mô nhỏ hơn cấp tỉnh) được chuyển giao cho chính quyền cấp xã. Điều này, đòi hỏi phải nâng cao năng lực toàn diện cho chính quyền cấp cơ sở. Trong khi đó, chính quyền cấp tỉnh sẽ được giải phóng khỏi nhiều công việc sự vụ, có điều kiện tập trung hơn vào các vấn đề mang tính chiến lược vĩ mô như quy hoạch vùng, xây dựng chính sách lớn, quản lý các dự án hạ tầng liên xã và điều phối phát triển chung.

Thực tiễn cho thấy quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay đang đối mặt với một số thách thức như:



► Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Duy Ngọc và Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Khắc Định cùng các lãnh đạo thành phố Hà Nội thực hiện nghi thức khai trương nền tảng điều hành tập trung 02 cấp, ngày 17/3/2026.

Thứ nhất, cơ chế phối hợp của các chủ thể trong quản trị địa phương còn nhiều vướng mắc, bất cập: “Đảng bộ địa phương, với cơ quan thường trực là cấp ủy, ban thường vụ, là cơ quan lãnh đạo chính quyền, giữ vai trò quyết định đối với năng lực, hiệu quả quản trị địa phương, song sự phối hợp giữa cấp ủy và các chủ thể tham gia quản trị khác chưa được chặt chẽ”; “Chất lượng ban hành nghị quyết, kỳ họp và giám sát của hội đồng nhân dân còn hạn chế, có mặt chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn”⁽⁴⁾.

Thứ hai, thách thức về năng lực thể chế, sự mở rộng không gian trong thực hiện tổ chức CQĐP 02 cấp tạo ra áp lực lớn cho chính quyền cấp tỉnh trong quản lý nhà nước, tổ chức đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương. Việc chuyển đổi sang mô hình CQĐP 02 cấp đặt ra những thách thức chưa từng có về năng lực thể chế đối với chính quyền cấp tỉnh. Khi không tổ chức cấp huyện (khâu trung gian), thì các sở, ban, ngành cấp tỉnh sẽ phải đối mặt với sự gia tăng đột biến về khối lượng công việc điều phối, giám sát, và hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp cho hàng trăm đơn vị cấp xã. Tuy nhiên, những thách thức lớn nhất không nằm ở việc sắp xếp lại bộ máy một cách cơ học, mà là ở việc xây dựng một “hệ điều hành” quản trị hoàn toàn mới. Mô hình CQĐP trước ngày 01/7/2025 vận hành theo 03 cấp (tỉnh - huyện - xã), trong khi mô hình CQĐP 02 cấp mới đòi hỏi phải vận hành theo dạng mạng lưới từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong một cấu trúc mạng lưới, phương thức quản lý theo kiểu mệnh lệnh vi mô sẽ nhanh chóng thất bại vì quá tải. Cấp tỉnh buộc phải chuyển sang các công cụ quản trị hiện đại hơn, đặt ra các tiêu chuẩn đầu ra và chỉ số đo lường hiệu quả cho cấp xã, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và phân bổ nguồn lực dựa trên hiệu quả, đồng thời tăng cường giám sát vĩ mô thay vì can thiệp vào từng vụ việc cụ thể.

Thứ ba, quản trị địa phương trong điều kiện tổ chức mô hình CQĐP 02 cấp vẫn là mới mẻ, chưa có tiền lệ đối với cán bộ, công chức. Việc tổ chức CQĐP 02 cấp tạo ra những thay đổi toàn diện về quy trình, tổ chức công việc, quản lý, điều hành, cơ chế kiểm tra, giám sát. Tư duy quản lý, kiến thức pháp lý hiện có của đội ngũ cán bộ, công chức là một thách thức lớn để quản trị hiệu quả. Quản trị địa phương trong bối cảnh mới nhưng được vận hành bởi những con người cũ, phương thức làm việc cũ của quản trị địa phương trước đây... đó là một khoảng cách cần được thu hẹp.



► Lễ Công bố Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) năm 2024, ngày 15/4/2025.

Thứ tư, khung khổ pháp lý cho quản trị địa phương theo mô hình CQĐP 02 cấp vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện. Trước hết là ở cấp xã, việc thiết lập CQĐP 02 cấp được coi là bước ngoặt, nhưng hiện chưa có quy định rõ ràng về cơ chế tổ chức bộ máy, phân bổ nguồn lực và bảo đảm tính kết nối giữa cấp tỉnh và cấp xã. Khoảng trống này đòi hỏi phải có hướng dẫn chi tiết bằng nghị định, thông tư, nhưng hiện nay vẫn còn thiếu. Các quy định pháp lý khung cơ bản định hình nhưng sự vận hành cụ thể lại đang thiếu các quy định để tổ chức thực hiện.

Thứ năm, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn tâm lý “ngại thay đổi” đang là trở ngại lớn trong việc vận hành thông suốt, hiệu quả của mô hình CQĐP 02 cấp hiện nay. Kết quả đánh giá Chỉ số PAPI năm 2024 nhấn mạnh: “Thủ tục hành chính công là lĩnh vực duy nhất không có sự cải thiện rõ rệt”. Hơn nữa, những thách thức trong việc triển khai chính phủ điện tử và chuyển đổi số còn nhiều bất cập như phần mềm bị lỗi và thiếu hỗ trợ kỹ thuật kịp thời, đang cản trở hiệu quả hoạt động ở cấp xã. Tốc độ hiện đại hóa hành chính chậm chạp có thể gây thất vọng cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời hạn chế tác động của các cải cách lớn hơn. Bên cạnh đó, năng lực, mức độ sẵn sàng, sự chủ động tham gia quản trị địa phương của các chủ thể từ khu vực thị trường, xã hội và người dân địa phương vẫn còn những hạn chế cần khắc phục. Vì vậy, các thách thức được xác định không phải là những vấn đề riêng lẻ mà có mối liên hệ sâu sắc với nhau. Năng lực của đội ngũ công chức là một nguyên nhân, ảnh hưởng trực tiếp đến khoảng cách trong thực thi chính sách. Những vấn đề này có thể tìm hãm quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam.

Giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở Việt Nam

Một là, xây dựng mô hình quản trị địa phương ở đơn vị hành chính cấp tỉnh với vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng, vai trò điều hành năng động của CQĐP, sự tham gia có trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Cần xác định rõ cơ chế trách nhiệm của mỗi chủ thể trong quản trị địa phương ở đơn vị hành chính tỉnh để bảo đảm mỗi chủ thể thực hiện tốt nhất, hiệu quả nhất vai trò của mình.

Hai là, có cơ chế, chính sách cụ thể, rõ ràng, thống nhất để các địa phương có điều kiện trong mở rộng không gian, nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh phát triển mới, quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh không thể chỉ dừng lại ở việc điều hành theo khuôn khổ hành chính - lãnh thổ truyền thống, mà cần được định hướng bởi một tầm nhìn chiến lược phù hợp với tầm nhìn quản trị quốc gia. “Không gian mới” ở đây không chỉ giới hạn trong phạm vi địa lý với sự mở rộng đô thị, khu công nghiệp, hay hệ thống hạ tầng mà còn bao gồm không gian số, không gian văn hóa - xã hội, cũng như không gian hợp tác.

Đồng thời, “nguồn lực mở rộng” cho phát triển địa phương không còn bó hẹp trong ngân sách nhà nước, mà cần được hiểu là tổng hòa của các yếu tố như: nguồn vốn xã hội hóa, hợp tác công - tư, nguồn vốn và tri thức trong nước và quốc tế, nguồn nhân lực chất lượng cao, cũng như dữ liệu và công nghệ số. Trên cơ sở đó, quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh cần kiến tạo tầm nhìn phát triển dựa trên việc xác định rõ bản sắc, lợi thế cạnh tranh cốt lõi, gắn với chiến lược phát triển quốc gia và các xu thế toàn cầu như kinh tế số, chuyển đổi xanh, đô thị thông minh và phát triển bền vững. Việc kiến tạo tầm nhìn này vừa là yêu cầu tất yếu của quản trị địa phương hiện đại, vừa là thách thức đòi hỏi sự đổi mới mạnh mẽ về tư duy, năng lực quản lý và cơ chế huy động, phân bổ nguồn lực một cách minh bạch, hiệu quả.



► Talkshow "Chính quyền địa phương 02 cấp, làm sao để gần dân hơn, hiệu quả hơn", ngày 05/7/2025.

Ba là, nâng cao năng lực quản trị địa phương. Việc nâng cao năng lực quản trị địa phương cần đặt ra với các chủ thể liên quan từ CQĐP đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Với chính quyền ở xã, phường, việc tập trung một khối lượng lớn nhiệm vụ mới, phức tạp hơn từ cấp huyện trước đây cho cấp xã đang đặt ra một vấn đề về năng lực của chính quyền cơ sở. Thực tế, cấp xã hiện nay ở nhiều nơi vẫn còn hạn chế về chất lượng đội ngũ cán bộ, nguồn lực tài chính và hạ tầng công nghệ. Nếu không có một kế hoạch tổng thể và đầu tư tương xứng từ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đến tăng cường nguồn lực cho cấp xã... sẽ có nguy cơ xảy ra tình trạng quá tải, tắc nghẽn trong giải quyết công việc, ảnh hưởng trực tiếp đến người dân.

Bốn là, chú trọng công tác tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, chia sẻ các giá trị chung của địa phương. Quá trình tổ chức lại đơn vị hành chính ở các tỉnh, thành phố có sáp nhập tỉnh là sự sáp nhập

của các tiểu văn hóa cụ thể đã được định hình qua nhiều giai đoạn. Tâm thức về không gian văn hóa, lịch sử của người dân được hình thành, vì vậy quản trị địa phương cần có kết để tạo nên sự gắn bó, khắc phục mọi rào cản trong nhận thức để những nét riêng về văn hóa không trở thành rào cản cho sự hòa hợp, thống nhất. Quản trị địa phương cần tạo ra sự kết nối văn hóa, chia sẻ giá trị, tạo ra sự gắn kết của tổng thể địa phương.

Năm là, xây dựng liên kết vùng trong điều kiện mới. Với không gian cấp tỉnh được mở rộng, việc liên kết vùng cũng cần có tư duy mới trong quản trị địa phương. Đồng thời cần có sự tham gia của khu vực thị trường, xã hội và người dân trong quản trị địa phương tại các đơn vị hành chính cấp tỉnh. Để tham gia có hiệu quả vào quản trị địa phương thì khu vực thị trường, xã hội, người dân cần được tiếp tục nâng cao kiến thức, tri thức pháp lý, quy trình vận hành của quản trị địa phương trong điều kiện mới. Điều này đòi hỏi khu vực thị trường, xã hội và người dân phải thực sự cần làm mới mình, tạo lập tư duy mới về vai trò, trách nhiệm trong quản trị địa phương. 🌱

Ghi chú:

- (1) United Nations Development Programme: "Local Governance and Decentralization: Programme Experiences and Views from the Field" (Quản trị địa phương và phân quyền: Kinh nghiệm chương trình và những cách nhìn), UNDP, 2009, tr.18.
- (2), (4) Nguyễn Văn Thôi, *Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 30/11/2023.
- (3) Trần Anh Tuấn, *Quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu quả trong tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay*, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động điện tử, ngày 31/8/2025.

► Di tích lịch sử, cột cờ thành cổ Sơn Tây, thành phố Hà Nội.



KHUNG TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ THAM MƯU CHIẾN LƯỢC

TẠI CÁC BAN, CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ



GS.TS. NGND TRẦN VĂN PHÒNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Bài viết phân tích những nội dung về khung tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược tại các ban, cơ quan đảng Trung ương và những yếu tố ảnh hưởng tới việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ này. Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.



Đặt vấn đề

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ tham mưu có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của các cơ quan, tổ chức. Đó là người tư vấn, giúp cán bộ lãnh đạo nắm được tình hình để có những quyết sách đúng đắn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của mình. Tham mưu là đưa ra sáng kiến, ý tưởng độc đáo có tính sáng tạo và có cơ sở khoa học nhằm mục đích gợi ý, đề xuất cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phương hướng tối ưu, giải pháp hữu hiệu nhất để dựa vào đó đưa ra quyết định lãnh đạo, quản lý.

Trong điều kiện thực tiễn có nhiều biến đổi nhanh chóng, khoa học và công nghệ phát triển nhanh, tình hình quốc tế có nhiều biến đổi khó lường, khó dự báo, tình hình trong nước có nhiều thay đổi; cơ đồ, vị thế, uy tín đất nước ngày càng được khẳng định và cả nước đang thực hiện công cuộc chuyển đổi số thì công tác tham mưu chiến lược ngày càng quan trọng, và hơn bao giờ hết, cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt, tham mưu là: “1. Góp ý kiến, giúp người chỉ huy trong đặt ra và tổ chức thực hiện các kế hoạch quân sự; 2. Góp ý về chủ trương, kế hoạch và biện pháp cho một người hay một tổ chức”⁽¹⁾; “tham mưu là việc góp ý kiến, đề xuất, kiến nghị về chủ trương, kế hoạch, nội dung, lĩnh vực, công đoạn theo mục tiêu, yêu cầu cần tham mưu”⁽²⁾. Vai trò của công tác tham mưu là cầu nối quan trọng giữa thực tiễn với quá trình hoạch định chính sách, giúp cấp trên đưa ra các quyết định sáng suốt, kịp thời, phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Vì vậy, cán bộ tham mưu là người tư vấn và giúp cho cán bộ lãnh đạo,

quản lý nắm được đúng tình hình để đưa ra những quyết định đúng đắn trong hoạt động lãnh đạo, quản lý của mình. Để xây dựng được đội ngũ cán bộ tham mưu, nhất là tham mưu chiến lược ở các ban, cơ quan đảng Trung ương đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cần phải xác định được khung tiêu chuẩn; tiêu chí đánh giá cũng như các nhân tố tác động.

Nội dung khung tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược tại các ban, cơ quan đảng Trung ương

Về khung tiêu chuẩn

Quy định số 365-QĐ/TW ngày 30/8/2025 quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý và khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị; áp dụng đối với cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân có thẩm quyền trong công tác cán bộ đã quy định cụ thể 10 nội dung về tiêu chuẩn đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan tham mưu, giúp việc và 03 nội dung về năng lực lãnh đạo, điều hành, quản lý. Đối với cán bộ tham mưu chiến lược, ngoài những tiêu chuẩn chung tại Quy định số 365-QĐ/TW, còn phải có những tiêu chuẩn riêng như sau:

Một là, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân.

Cán bộ tham mưu chiến lược ở các ban, cơ quan đảng Trung ương có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, do vậy việc tham mưu của đội ngũ này phải xuất phát từ tư tưởng, ý thức trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân; kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng. Đồng thời phải có tinh thần bảo mật, giữ gìn kỷ luật Đảng nghiêm minh.

Hai là, có trình độ chuyên môn sâu, am hiểu lĩnh vực tham mưu, có hiểu biết sâu sắc về chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cán bộ tham mưu chiến lược lĩnh vực nào thì phải am hiểu sâu chuyên môn lĩnh vực mà mình phụ trách. Đặc biệt, phải am hiểu sâu sắc về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tham mưu. Cụ thể là: “a) Am hiểu về hệ thống tổ chức của Đảng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nắm chắc các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực công tác”⁽³⁾; “b) Có năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu, sơ kết, tổng kết, đề xuất, ban hành các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp của cấp ủy về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và nhiệm vụ chính trị theo lĩnh vực, chuyên môn được giao”;



► Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì Lễ công bố Quyết định của Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ về công tác cán bộ, ngày 03/3/2026.

c) Có năng lực nghiên cứu, tham mưu về chủ trương, chính sách công tác đảng, công tác chính trị - tư tưởng, dân vận, tổ chức - cán bộ, kiểm tra, giám sát, nội chính, văn phòng cấp ủy theo lĩnh vực được phân công; d) “Có năng lực hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát kịp thời, có hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được giao”⁽⁴⁾. Nếu không có trình độ chuyên môn sâu, ít am hiểu lĩnh vực tham mưu, không hiểu biết sâu sắc về chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực tham mưu thì không thể tham mưu tốt được.

Ba là, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và phản biện.

Tư duy độc lập là không phụ thuộc vào lối mòn, thói quen tư duy, có chính kiến riêng. Tư duy sáng tạo là không rập khuôn, không sao chép ý kiến đã có mà luôn tìm kiếm cách tiếp cận mới, dám nghĩ khác, trên cơ sở thực tiễn. Tư duy phản biện là luôn lập luận có chứng cứ, căn cứ lý luận, cơ sở khoa học và logic để bác bỏ hoặc ủng hộ một quan điểm, ý kiến hoặc tuyên bố nào đó. Tư duy phản biện liên quan đến việc cung cấp lý do và bằng chứng để chứng minh rằng một quan điểm nào đó là sai hoặc không hợp lý. Có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo và tư duy phản biện thì cán bộ tham mưu chiến lược mới: “đ) Có năng lực thẩm định, thẩm tra các nghị quyết, đề tài, đề án, chính sách, giải pháp của cấp ủy về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và các nhiệm vụ chính trị được giao; có năng lực thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, cải cách hành chính, chế độ công chức, công vụ”; e) Có năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá và tham mưu cấp ủy ban hành các văn bản theo lĩnh vực công tác; g) Có năng lực soạn thảo, biên tập, phát biểu, báo cáo thuyết minh đề án, đề tài, tổ chức các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, sử dụng thành thạo hệ thống quản lý văn bản điều hành, chuyển đổi số trong công tác đảng; h) Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc tập thể phục vụ công tác; i) Có sáng kiến, mô hình, cách làm mới hiệu quả trong công tác xây dựng Đảng được cấp có thẩm quyền ghi nhận, đánh giá cao; k) “Có năng lực phát hiện, đề xuất các giải pháp đổi mới, tổng kết thực tiễn phù hợp với đường lối, quan điểm của Đảng và tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị”⁽⁵⁾.

Bốn là, có tư duy, tầm nhìn chiến lược.

Cán bộ tham mưu chiến lược phải có tư duy về bức tranh toàn cảnh, phác thảo định hướng con đường để đạt mục tiêu trong tương lai về lĩnh vực mà



► Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú, Trưởng ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng chủ trì Hội nghị, ngày 29/12/2025.

minh tham mưu. Tham mưu phải có tầm nhìn xa, trông rộng về đối tượng, về lĩnh vực được giao chủ trì tham mưu. Xa và rộng bao hàm cả không gian và thời gian vận động, phát triển của sự vật, của thực tiễn. Tầm nhìn xa của tư duy tham mưu thể hiện sự bao quát đúng quá khứ của sự vật, hiện tượng, thực tiễn, “hiểu đúng” được quy luật vận động hiện tại của sự vật, hiện tượng và trên cơ sở đó đưa ra dự báo đúng, trúng về xu hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng, của thực tiễn trong tương lai gần và tương lai xa. Trên cơ sở đó tham mưu cho lãnh đạo những quyết sách có tầm nhìn chiến lược.

Năm là, có năng lực tư duy biện chứng.

Trước hết, năng lực tư duy biện chứng đòi hỏi phải nắm vững mối liên hệ phổ biến trong việc tham mưu cho lãnh đạo các cấp về xây dựng các chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện nhưng không dàn đều, bình quân chủ nghĩa; mà phải có trọng tâm, trọng điểm, có trước mắt, có lâu dài, có bước ngắn hạn, trung hạn và dài hạn... Đồng thời, có năng lực gắn kết các lĩnh vực tham mưu để giúp lãnh đạo có cái nhìn tổng thể về bức tranh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, con người, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế... Muốn vậy, cán bộ tham mưu chiến lược phải có kiến thức tổng hợp, am hiểu địa bàn phụ trách và am hiểu công việc.

Sáu là, am hiểu công nghệ số và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ vào quy trình, mà còn tái cấu trúc, đổi mới và tối ưu hóa hoạt động, mô hình kinh doanh để nâng cao hiệu quả, trải nghiệm khách hàng và tạo ra giá trị mới. Tại Việt Nam, chuyển đổi số được ứng dụng nhiều nhất vào các lĩnh vực y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải, logistic, năng lượng, tài nguyên môi trường, sản xuất công nghiệp, quản trị... Vì vậy, đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược phải có kiến thức về công nghệ số và am hiểu quá trình chuyển đổi số để tham mưu cho lãnh đạo các cấp có các quyết sách phù hợp trong quá trình chuyển đổi số.

Tiêu chí đánh giá

Để đánh giá hiệu quả, chất lượng công tác tham mưu của cán bộ tham mưu, có thể sử dụng nhiều tiêu chí, trong đó có một số tiêu chí cơ bản sau:

Một là, tham mưu đúng, trúng, sát thực tế, phù hợp thực tiễn.

Muốn tham mưu đúng thì phải am hiểu lĩnh vực chuyên môn, hiểu tình thực thực tiễn, nắm bắt được nhu cầu của cuộc sống, yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân; dự báo đúng xu hướng vận động của thực tiễn, của thời đại. Nếu không am hiểu công việc sẽ tham mưu không đúng và không trúng. Nếu không nắm bắt được tình hình thực tế cơ quan, ban, ngành, địa phương thì tham mưu sẽ giáo điều, lý thuyết suông. Nếu không nắm vững thực tiễn sẽ tham mưu cho đủ chứ không trúng và không hiệu quả, vì không có cơ sở thực tiễn để thực hiện các quyết định do tham mưu đề xuất.

Hai là, tham mưu có căn cứ pháp lý - quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp thực tiễn và phong tục tập quán địa phương.

Điều này có nghĩa là các kết quả tham mưu phải đúng theo quy định của Đảng, đúng Điều lệ Đảng cũng như các quy định, quyết định, chủ trương, đường lối của Đảng. Đồng thời, các kết quả tham mưu phải có căn cứ pháp lý, không trái với Hiến pháp, pháp luật, các quy định của Nhà nước. Các kết quả tham mưu liên quan tới đối ngoại, hội nhập quốc tế phải bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế, luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước đối tác. Đồng thời, các kết quả tham mưu phải phù hợp thực tiễn và phong tục tập quán địa phương.

Ba là, tham mưu có đạo lý, phù hợp với văn hóa, thuần phong, mỹ tục, nhân văn, vì người dân.

Mục tiêu của Đảng ta là phục vụ Nhân dân, do vậy, các kết quả tham mưu luôn phải bảo đảm “đạo lý” vì Nhân dân phục vụ, vì lợi ích chính đáng, hợp lý của Nhân dân. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội XIII của Đảng lại rút ra bài học kinh nghiệm quý báu: “mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”(6). Hơn nữa, những kết quả tham mưu phải phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như của nhân loại.

Các tiêu chí này liên hệ, bổ sung cho nhau, cùng nhau tạo nên hệ tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu.

Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược

Một là, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về cán bộ nói chung, cán bộ tham mưu chiến lược nói riêng.

Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về cán bộ nói chung, cán bộ tham mưu chiến lược nói riêng có tác động trực tiếp tới công tác xây dựng cán bộ nói chung, cán bộ

tham mưu chiến lược nói riêng. Những quy định này ảnh hưởng đến tất cả các khâu trong công tác xây dựng, phát triển cán bộ từ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sử dụng, đãi ngộ. Trong 40 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng ta luôn coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới, nhất là từ Đại hội VIII đến nay, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặc biệt coi trọng nhiệm vụ này và đề ra Nghị quyết về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển của dân tộc, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược. Nếu tuyển chọn cán bộ làm công tác tham mưu một cách chặt chẽ, khoa học, thí điểm thực hiện tổ chức thi tuyển cán bộ làm công tác tham mưu; có cơ chế và chính sách đủ mạnh để thu hút cán bộ có phẩm chất, năng lực tham mưu về làm việc trong các cơ quan tham mưu của Đảng thì chắc chắn công tác xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược sẽ hiệu quả, thiết thực.

Hai là, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ cơ quan tham mưu.

Nếu tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ cơ quan tham mưu được phân định chức năng rõ ràng, không chồng chéo, để tăng cường, minh bạch trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, nhất là người đứng đầu thì việc xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược sẽ có chất lượng, hiệu quả. Chất lượng xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược phụ thuộc vào nhiều yếu tố: không chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc; tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, hiệu quả; sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan tham mưu, chất lượng cán bộ tham mưu... Đặc biệt, nếu thu hút được đội ngũ cán bộ tham mưu có đức, có tài, trong đó đức là gốc; có năng lực, bản lĩnh, trí tuệ, năng động, nhạy bén là cơ sở, điều kiện để xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược. Cán bộ, công chức cơ quan tham mưu phải là những chuyên gia trên những lĩnh vực đó, có kiến thức tổng hợp, am hiểu địa bàn, vững vàng về chính trị, tư duy sáng tạo. Tất cả những yếu tố này đều ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược.

Ba là, các điều kiện bảo đảm công tác của đội ngũ cán bộ tham mưu.

Để công tác tham mưu hoạt động có hiệu quả thì cần có những điều kiện nhất định. Đó là cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và nhà ở công vụ. Nhà ở công vụ do Nhà nước đầu tư xây dựng để cán bộ, công chức được điều động, luân chuyển, biệt phái thuê trong thời gian đảm nhiệm công tác. Khi hết thời hạn điều động, luân chuyển, biệt phái thì cán bộ, công chức trả lại nhà ở công vụ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý. Nhà nước bảo đảm trang thiết bị làm việc trong công sở để phục vụ công tác đồng thời chú trọng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, hướng tới nâng cao hiệu quả công tác tham mưu. Ngoài ra, Nhà nước bố trí phương tiện đi lại cho cán bộ tham mưu để thi hành công vụ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; trường hợp không bố trí được thì cán bộ, công chức được thanh toán chi phí đi lại theo quy định

của Chính phủ. Những điều kiện vật chất, kỹ thuật rất quan trọng để tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Bốn là, tính tích cực, chủ động, sáng tạo, chuyên nghiệp của cán bộ tham mưu chiến lược.

Nếu cán bộ tham mưu là người tích cực, chủ động, sáng tạo, chuyên nghiệp trong công việc lại gương mẫu về đạo đức, lối sống, trung thực, công tâm, trong sạch, tận tụy với công việc, chủ động, tích cực, sáng tạo chắc chắn sẽ là những “mưu sĩ” xuất sắc cho Đảng. Chính họ là những người quyết định chất lượng, hiệu quả xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ tham mưu chiến lược. Do yêu cầu công tác nên đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác, bởi lẽ tri thức là cơ sở quan trọng để hình thành phong cách làm việc khoa học, là “chìa khóa” để cán bộ tham mưu thích ứng với sự tiến bộ của khoa học và công nghệ hiện đại. Đồng thời, cán bộ tham mưu phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức cách mạng.

Những nhân tố trên liên hệ, ảnh hưởng, tác động lẫn nhau cùng nhau tạo nên những điều kiện để đội ngũ cán bộ tham mưu thực thi nhiệm vụ công vụ hiệu quả nhất. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng đắn các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá, chúng ta mới từng bước xây dựng được đội ngũ cán bộ tham mưu đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. 🌸



► Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy MTTQ, các đoàn thể Trung ương, Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam Bùi Thị Minh Hoài trao Cờ dẫn đầu phong trào thi đua năm 2025 cho Văn phòng Đảng ủy MTTQ, các đoàn thể Trung ương, ngày 30/01/2026.

Ghi chú:

- (1) United Nations Development Programme: “Local Governance and Decentralization: Programme Experiences and Views from the Field” (Quản trị địa phương và phân quyền: Kinh nghiệm chương trình và những cách nhìn), UNDP, 2009, tr.18.
- (2), (4) Nguyễn Văn Thôi, *Thực trạng và giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả quản trị địa phương ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 30/11/2023.
- (3) Trần Anh Tuấn, *Quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu quả trong tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay*, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động điện tử, ngày 31/8/2025.

THỨC ĐẨY VIỆC LÀM THỎA ĐÁNG THÍCH ỨNG XU HƯỚNG KINH TẾ XANH, KINH TẾ SỐ VÀ KINH TẾ CHĂM SÓC



TS. PHẠM MINH HUÂN

Nguyên Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng, chính sách việc làm của Việt Nam đang bước sang giai đoạn mới, không chỉ tập trung vào số lượng việc làm, mà còn hướng đến chất lượng, tính bền vững và khả năng thích ứng trước các xu hướng kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế chăm sóc. Do đó, cần nhận diện đầy đủ cơ hội và thách thức đối với nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện tại và trong tương lai, đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực để đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới, đó cũng chính là quá trình thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực việc làm tiềm năng.

Việc làm và giải quyết việc làm

Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm, là một trong những quyền cơ bản của con người. Quyền được làm việc có thu nhập được ghi nhận trong Công ước của Liên hợp quốc, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), nhiều văn kiện của Đảng và hệ thống pháp luật quốc gia như Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm... Việc làm không đơn thuần chỉ là hoạt động kinh tế mà còn là hoạt động mang tính xã hội, có ảnh hưởng đến sự phát triển của một đất nước. Trên bình diện chung, chính sách việc làm được xem là một chính sách xã hội quan trọng trong hệ thống chính sách kinh tế - xã hội, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội, an ninh, chính trị và sự phát triển ổn định, bền vững của một quốc gia.

Chính sách việc làm trước hết phải hướng tới mục tiêu an sinh xã hội, tạo việc làm cho người dân không chỉ giúp họ có thu nhập để trang trải cuộc sống mà còn góp phần giảm thiểu các vấn đề xã hội như nghèo đói, tệ nạn, bất ổn xã hội. Vì vậy, chính sách việc làm được coi là một trong những chính sách cơ bản trong hệ thống chính sách xã hội nói chung. Trong quá trình phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo vấn đề việc làm, ban hành chính sách việc làm phù hợp với sự phát triển kinh tế -



► Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và các đại biểu phát động Chương trình Học từ làm việc thực tế, tại Diễn đàn Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số lần thứ III, ngày 20/12/2025.

xã hội của từng giai đoạn. Nội dung chính sách việc làm thường bao gồm các mục tiêu cần phải đạt được; chương trình tín dụng hỗ trợ tạo việc làm; phát triển thị trường lao động; đào tạo nghề; bảo hiểm thất nghiệp, các chỉ tiêu tạo việc làm mới, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ lao động qua đào tạo... nhằm bảo đảm an sinh xã hội cho người dân. Chính sách việc làm đúng, phù hợp với thực tiễn sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngược lại, tăng trưởng kinh tế là cơ sở để giải quyết nhiều việc làm, việc làm bền vững, việc làm thỏa đáng, giảm bất bình đẳng, tăng cường sự gắn kết cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động nói riêng và người dân nói chung, bảo đảm công bằng xã hội. Giải quyết việc làm là trách nhiệm chung của Nhà nước, người sử dụng lao động và toàn xã hội, trong đó Nhà nước giữ vai trò định hướng, xây dựng chính sách và hỗ trợ. Người sử dụng lao động tạo việc làm và xã hội tham gia vào quá trình này.

Chính sách việc làm ở Việt Nam được hình thành từ sớm ngay từ khi thành lập nước và phát triển gắn liền với quá trình phát triển. Trải qua nhiều giai đoạn với những chính sách và giải pháp khác nhau, có thể khái quát thành ba giai đoạn như sau: Trước năm 1980, việc làm gắn với nhiệm vụ thời chiến, huy động sức người phục vụ



► Đại biểu thực hiện nghi thức khởi công Nhà máy chế biến thực phẩm sạch TH Bình Dương, ngày 09/03/2025.

quốc phòng, an ninh và bảo đảm đời sống nhân dân, chưa có chính sách kinh tế riêng về lao động - việc làm. Giai đoạn 1980 - 1990, Nhà nước thực hiện chế độ bao cấp việc làm trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Lao động chủ yếu trong nông nghiệp, ít ngành nghề, thiếu việc làm, hiệu quả thấp. Từ năm 1990 đến nay, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách việc làm mở rộng và năng động hơn; khuyến khích phát triển kinh tế đa thành phần, thu hút đầu tư, đào tạo nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài, từng bước hướng tới tạo việc làm bền vững và chất lượng.

Giải quyết việc làm không chỉ dừng lại ở việc tạo ra việc làm mới mà còn hướng đến nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập và cải thiện điều kiện làm việc. Thị trường lao động được hình thành và trở thành động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản được hình thành tạo điều kiện cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chủ động khắc phục các rủi ro do mất hoặc giảm giờ làm việc, tai nạn lao động, mất sức lao động, nghỉ hưu. Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp, về lao động, việc làm được ban hành và hoàn thiện tạo hành lang pháp lý cho việc tạo và giải quyết việc làm. Tiêu biểu trong số đó phải kể đến là Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động...

Mặc dù thị trường lao động đã có những phát triển nhất định, thể chế thị trường lao động ngày càng hoàn thiện. Hệ thống thông tin thị trường từng bước đáp ứng được yêu cầu. Quan hệ lao động được thiết lập hài hòa, ổn định và tiến bộ; thiết chế về an sinh xã hội đã được thiết lập và đi vào hoạt động. Tuy nhiên, vấn đề lao động, việc làm đang gặp thách thức như chất lượng lao động chưa cao, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của một bộ phận người lao động còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường, nhất là những ngành nghề mũi nhọn như khoa học công nghệ, chuyển đổi số, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến nay chỉ mới đạt 28,8%)... Thị trường lao động chưa theo kịp được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chưa thích ứng đầy đủ với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; thể chế phát triển thị trường

lao động còn bất cập; chưa có cơ chế, chính sách chính sách đầy đủ về giao dịch việc làm, quản lý chất lượng thị trường, các quy định về tiêu chuẩn lao động và quan hệ lao động; cân đối cung - cầu lao động chưa thật hiệu quả.

Hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm chưa thực sự hoàn chỉnh; kết nối thị trường lao động trong nước và quốc tế còn yếu; độ bao phủ của mạng lưới an sinh xã hội còn hạn chế, chưa đạt hiệu quả cao; công tác thống kê, phân tích dữ liệu và dự báo thị trường còn hạn chế; phân bố lao động còn mất cân đối giữa các vùng, các ngành nghề; tính mùa vụ trong nông nghiệp còn lớn dẫn đến thiếu việc làm theo mùa vụ ở



► UBND tỉnh Nghệ An tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh với chủ đề "Kinh tế xanh ở Nghệ An - Giải pháp phát triển bền vững và an toàn trong bối cảnh mới", ngày 26/11/2025.



► Việt Nam quyết tâm thực hiện mục tiêu giảm lượng phát thải ròng về 0 vào năm 2050.

khu vực nông thôn; tỷ lệ lao động thất nghiệp còn cao, trong 10 năm từ 2015 đến nay (khoảng 2,3%); tình trạng dịch chuyển lao động đến các khu công nghiệp tập trung, các đô thị phát triển, di cư tự do từ nông thôn ra thành thị gây áp lực cho việc giải quyết việc làm, giải quyết mối quan hệ cung cầu trong thị trường lao động và cơ sở hạ tầng ở các đô thị.

Ưu tiên thúc đẩy việc làm thỏa đáng

Thúc đẩy việc làm thỏa đáng được hiểu là cần tập trung vào các hoạt động ưu tiên như tạo cơ hội việc làm chất lượng, đảm bảo quyền lợi, điều kiện làm việc và thu nhập xứng đáng cho người lao động, đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cụ thể là:

Thứ nhất, tạo cơ hội việc làm chất lượng. Cần phát triển kinh tế theo hướng bền vững, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghệ cao, dịch vụ chất lượng nhằm tạo ra nhiều việc làm ổn định và có thu nhập cao. Hỗ trợ khởi nghiệp, nhất là với thanh niên, sinh viên, giúp hình thành những mô hình sản xuất mới, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác. Đồng thời, phát triển thị trường lao động hiện đại, minh bạch kết nối cung cầu lao động và đa dạng hóa các hình thức việc làm phù hợp với xu thế số hóa.

Thứ hai, nâng cao kỹ năng lao động. Cần đầu tư phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường và xu hướng chuyển đổi số. Bên cạnh đào tạo nghề, cần chú trọng bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và đào tạo lại để thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ ba, cải thiện điều kiện làm việc. Cần thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, giảm thiểu rủi ro tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, đồng thời, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiện đại, thoải mái, khuyến khích sáng tạo và nâng cao năng suất. Cần đảm bảo thương lượng về tiền lương, phúc lợi công bằng, giúp người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với công việc.

Thứ tư, đảm bảo quyền lợi của người lao động. Nhà nước và doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật lao động, nhất là tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm;

giám sát việc thực hiện pháp luật lao động, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động. Đồng thời, phát huy cơ chế đối thoại, thương lượng tập thể nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động.

Thứ năm, tăng cường quản lý nhà nước về lao động. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách lao động việc làm đồng bộ, phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về lao động, đảm bảo thực thi hiệu quả các quy định của pháp luật. Tăng cường hợp tác quốc tế để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực lao động, hợp tác để giải quyết các vấn đề lao động xuyên quốc gia.

Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với mục tiêu phát triển bền vững, việc thúc đẩy việc làm thỏa đáng không chỉ dừng lại ở việc mở rộng quy mô hay nâng cao chất lượng việc làm truyền thống, mà cần được định hướng vào các lĩnh vực kinh tế mới, có giá trị gia tăng cao và tác động xã hội tích cực. Đặc biệt, kinh tế xanh, kinh tế số và kinh tế chăm sóc đang nổi lên như những trụ cột quan trọng của nền kinh tế hiện đại, vừa tạo ra nhiều cơ hội việc làm chất lượng, vừa góp phần giải quyết các thách thức về môi trường, công nghệ và phúc lợi xã hội. Đây là ba hướng ưu tiên chiến lược, vừa tạo việc làm chất lượng, vừa góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng bao trùm và thích ứng với xu thế chuyển đổi mô hình kinh tế.

Việc làm xanh được hiểu là việc làm liên quan đến các hoạt động kinh tế, sản xuất, dịch vụ, quản lý, giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và hướng tới sự phát triển bền vững. Việc làm xanh là một cấu phần quan trọng trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu giảm ít nhất 15% phát thải khí nhà kính vào năm 2030 và 30% vào năm 2050. Việc làm xanh bao gồm các vị trí như kỹ sư môi trường, chuyên gia năng lượng tái tạo, tư vấn viên phát triển bền vững, nhân viên thu gom và xử lý rác thải, và nhiều vị trí khác trong các ngành như sản xuất, nông nghiệp, năng lượng và xây dựng. Xu hướng này đang lan rộng tại Việt Nam khi các doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến yếu tố phát triển bền vững. Nhu cầu về kỹ năng xanh (green skills) cũng đang gia tăng, yêu cầu người lao động phải có kiến thức và kỹ năng liên quan đến bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Việc làm số (digital jobs) liên quan đến công nghệ thông tin, bao gồm các công việc phát triển phần mềm, quản trị hệ thống an ninh mạng, phân tích dữ liệu, thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan đến công nghệ số. Tại Việt Nam, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, với kinh tế số đóng góp lớn vào GDP. Điều này mở ra nhu cầu rất lớn về nhân lực kỹ thuật số như lập trình viên, chuyên viên an ninh mạng, chuyên viên marketing số và quản lý dự án công nghệ.

Việc làm chăm sóc sức khỏe liên quan đến việc đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam đang tăng cao do dân số già hóa và nhận thức về sức khỏe của người dân ngày càng được nâng cao. Già hóa dân số là một vấn đề đáng lo ngại ở Việt Nam, với tốc độ nhanh hơn so với nhiều quốc gia khác. Điều này đặt ra nhiều thách thức về kinh tế, xã hội và y tế. Năm 2019, nhóm người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số và dự kiến sẽ tăng lên hơn 25% vào năm 2050. Già hóa dân số tạo ra thách thức cho hệ thống an sinh xã hội, nhưng đồng thời mở rộng thị trường việc làm trong y tế và chăm sóc xã hội - từ bác sĩ, y tá, dược sĩ đến chuyên viên dinh dưỡng, phục hồi chức năng và tư vấn sức khỏe. Để đáp ứng xu hướng này, cần đầu tư cho đào tạo kỹ năng chăm sóc chuyên nghiệp, gắn với tiêu chuẩn quốc tế và mở rộng hợp tác trong xuất khẩu lao động chăm sóc sang các nước phát triển - nơi mà sự thiếu hụt nhân lực chăm sóc người cao tuổi ngày càng rõ.

Một số giải pháp góp phần phát triển bền vững và tiến bộ xã hội

Để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững “cắt cánh” trong kỷ nguyên mới, Đảng ta đã ban hành “Bộ tứ chiến lược”, đó là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68- NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong lĩnh vực lao động việc làm, cần quán triệt sâu sắc chủ trương của Trung ương trong các Nghị quyết nêu trên, nhận diện cơ hội và thách thức đối với nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện tại và trong tương lai để đưa ra các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực trong thời kỳ “dân số vàng” đưa đất nước phát triển trong kỷ nguyên mới, đó cũng chính là quá trình thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong các lĩnh vực, đặc biệt là việc làm tiềm năng và cần triển khai một số giải pháp căn bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức về cơ hội và thách thức đối với thị trường lao động hiện nay khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết nêu trên. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật đồng bộ, thống nhất để thị trường lao động phát triển theo hướng linh hoạt,



► Du lịch nông thôn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, bền vững.

hiện đại, hiệu quả, hội nhập quốc tế, nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, tập trung phát triển lao động có kỹ năng, thúc đẩy tạo việc làm bền vững, có thu nhập cao. Tiếp tục luật hóa và quy định cụ thể các tiêu chuẩn lao động phù hợp với điều kiện của Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế.

Hai là, tập trung phát triển nguồn nhân lực cho các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm đang là ưu tiên hiện nay như khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi xanh, ứng phó biến đổi khí hậu, dịch vụ chăm sóc sức khỏe... Tập trung xây dựng hệ thống quản trị thị trường lao động hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho người lao động, doanh nghiệp tham gia các hoạt động giao dịch việc làm, tiếp cận thông tin về thị trường lao động việc làm. Đẩy mạnh đầu tư số hóa quản trị lao động việc làm kết nối với số hóa quản lý dân cư.

Ba là, chú trọng xây dựng hệ thống thông tin và dự báo thị trường lao động. Chính sách việc làm phải được xây dựng trên cơ sở dữ liệu hiện tại và nguyên tắc có tính dự báo, tầm nhìn chiến lược. Đa dạng hóa các nguồn tín dụng để thúc đẩy tạo việc làm mới, việc làm sáng tạo, chất lượng cao, việc làm bền vững, việc làm xanh, phục vụ phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, ứng phó với biến đổi khí hậu, việc làm cho đối tượng yếu thế, vùng sâu, vùng xa.

Bốn là, quan tâm tới việc dịch chuyển lao động, việc làm theo địa lý, địa bàn, đảm bảo có cơ cấu phân bố lao động việc làm hợp lý trên phạm vi toàn quốc; đẩy mạnh liên kết thị trường việc làm giữa các vùng trong cả nước, hình thành cơ chế kết nối cung cầu tự động giữa thị trường trong và ngoài nước. Tạo việc làm ở khu vực nông thôn, miền núi để người dân có thể làm việc tại quê hương với mức thu nhập ổn định, hạn chế phải xa quê hương. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực lao động và việc làm.

Năm là, đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tận dụng thời cơ dân số vàng, phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ngoại ngữ, tính kỷ luật, kỷ cương... để hội nhập với thị trường lao động thế giới. Đồng thời, tiếp tục rà soát, đánh giá sắp xếp tổ chức, đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng, đề xuất mô hình liên kết vùng, xây dựng các trung tâm đào tạo vùng, trung tâm đào tạo quốc gia theo vùng kinh tế trọng điểm. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong kết nối giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; xây dựng chính sách ưu đãi cho học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đánh giá công nhận trình độ kỹ năng cho người lao động. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bổ sung, đào tạo tại doanh nghiệp để thu hút hiệu quả lao động tại chỗ nhằm giải quyết triệt để vấn đề thiếu hụt nhân lực cục bộ, vấn đề đứt gãy lao động phục vụ phục hồi nhanh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội. 🌱

ĐẢM BẢO AN NINH CON NGƯỜI Ở VÙNG TÂY NAM BỘ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP



PGS.TS. NGUYỄN XUÂN PHONG

Phó Giám đốc Học viện Chính trị khu vực IV



► Thượng tướng Phạm Thế Tùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an chủ trì Hội nghị Công tác bảo đảm an ninh nội địa vùng Tây Nam Bộ, tổ chức tại thành phố Cần Thơ, ngày 20/3/2026.

Bảo đảm an ninh con người là vấn đề mới, song đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Bài viết phân tích vấn đề an ninh con người ở vùng Tây Nam Bộ - vùng có vị trí chiến lược ở cực Nam của nước ta; trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường công tác an ninh con người trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay.

Những vấn đề chung về an ninh con người

Quan niệm chung

Khái niệm an ninh con người

Khái niệm về an ninh con người được đề cập lần đầu tiên trong Báo cáo Phát triển con người do Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) ấn hành năm 1994, theo đó, an ninh con người là an toàn thoát khỏi các mối đe dọa về nghèo đói, bệnh tật, tội phạm.

An ninh con người cũng có nghĩa là bảo vệ con người khỏi sự đe dọa có hại và bất ngờ trong đời sống hàng ngày (ở gia đình, nơi làm việc, cộng đồng...). Sau này, khái niệm an ninh con người được UNDP mở rộng đến cả việc bảo vệ cho các nạn nhân của di cư, tị nạn do xung đột, cải thiện các điều kiện sống để vượt đói nghèo, được chăm sóc y tế và được tiếp nhận kiến thức⁽¹⁾.

Với cách tiếp cận của UNDP, an ninh con người được cấu thành gồm bảy yếu tố cơ bản: *thứ nhất*, an ninh kinh tế, trong đó cần bảo đảm có thu nhập đủ sống, giảm phân hóa giàu nghèo và có cơ hội việc làm; *thứ hai*, an ninh lương thực với các nội dung tiếp cận được nguồn lương thực; *thứ ba*, an ninh y tế, như tránh được dịch, bệnh, tiếp cận hệ thống y tế; *thứ tư*, an ninh môi trường, tiếp cận tới nguồn nước, không khí hợp vệ sinh; *thứ năm*, an ninh cá nhân, trong đó tránh được những hành vi bạo lực và đe dọa; *thứ sáu*, an ninh cộng đồng, cần giữ gìn được bản sắc văn hóa, trật tự, an toàn xã hội; *thứ bảy*, an ninh chính trị với các nội dung bảo đảm các quyền con người một cách cơ bản, minh bạch...



► Bác sĩ quân hàm xanh khám, chữa bệnh cho người dân.

Từ quan niệm của UNDP có thể khái quát cách hiểu chung nhất về an ninh con người là việc bảo đảm an toàn cho con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đáp ứng đầy đủ những nhu cầu tối thiểu về vật chất và tinh thần để con người có thể sống, phát triển trong điều kiện bình thường.

Khái niệm an ninh con người ở vùng Tây Nam Bộ

An ninh con người ở vùng Tây Nam Bộ là việc bảo đảm an toàn cho con người trong khu vực này trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đáp ứng đầy đủ những nhu cầu tối thiểu về vật chất và tinh thần để con người có thể sống, phát triển trong điều kiện bình thường ở vùng Tây Nam Bộ hiện nay trước sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và các vấn đề chính trị - xã hội.

Quan niệm của Đảng và Nhà nước ta

Ở Việt Nam, thuật ngữ an ninh con người lần đầu tiên được đề cập trong Văn kiện Đại hội XII của Đảng (năm 2016). Mặc dù đến Đại hội XII, Đảng ta mới đề cập đến vấn đề an ninh con người, nhưng trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, vấn đề an ninh con người và bảo đảm an ninh con người luôn được Đảng ta quan tâm và thực hiện. Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định: “Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người”⁽²⁾.

Đến Đại hội XIII (năm 2021), xuyên suốt nhiều nội dung trong Văn kiện Đại hội, Đảng ta đã đề cập đến vấn đề an ninh con người. Có 02 trong 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 đã đề cập đến nội dung này, trong đó định hướng thứ 5 và thứ 7 xác định: “Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người”; “Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương”⁽³⁾. Về phần nhiệm vụ, giải pháp phát triển đất nước 5 năm (2021 - 2025), Văn kiện Đại hội chỉ rõ: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”⁽⁴⁾. Nội dung

về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cũng được Văn kiện Đại hội nhấn mạnh: “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người”⁽⁵⁾. Trong sáu nhiệm vụ trọng tâm có nhiệm vụ đề cập đến vấn đề an ninh con người: “thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người”⁽⁶⁾.

Thực trạng đảm bảo an ninh con người ở vùng Tây Nam Bộ

Đặc điểm vùng Tây Nam Bộ

Tây Nam Bộ (trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025) là một trong sáu vùng kinh tế - xã hội của Việt Nam, gồm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; có diện tích tự nhiên 40,6 nghìn km², chiếm 12% diện tích tự nhiên của cả nước; dân số năm 2019 là trên 17,2 triệu người, chiếm khoảng 18% dân số cả nước⁽⁷⁾. Tây Nam Bộ là vùng quần cư của 4 tộc người chủ yếu: Kinh, Hoa, Chăm và Khmer. Mỗi tộc người có những đặc thù về lối sống, văn hóa, tôn giáo cùng tín ngưỡng khác nhau.

Tây Nam Bộ nằm ở cực Nam của nước ta, có vị trí địa chính trị, địa kinh tế và địa quân sự hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của cả nước. Đồng thời là vùng kinh tế trọng điểm, trung tâm sản xuất lớn nhất cả nước về nông nghiệp và kinh tế biển, đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa, 95% lượng gạo xuất khẩu, gần 65% sản lượng nuôi trồng thủy sản, 60% lượng cá xuất khẩu và gần 70% các loại trái cây của cả nước⁽⁸⁾, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Những thành tựu đạt được

An ninh kinh tế: sau khi Trung ương ban hành các Nghị quyết đặc thù cho vùng Tây Nam Bộ, thu nhập bình quân đầu người đã có sự gia tăng liên tục, với tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2023 đạt 6,37%, đứng thứ 2/6 vùng trong cả nước về kinh tế, cao gấp gần 1,3 lần so bình quân chung cả nước; GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 72,32 triệu đồng/người, tăng 10,1% so với năm 2022 (65,69 triệu đồng/người)⁽⁹⁾. Tốc độ tăng trưởng này là một tín hiệu đáng mừng, cho thấy cuộc sống của người dân trong vùng ngày càng được bảo đảm. Bên cạnh việc gia tăng thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trong vùng cũng giảm còn 4,15%, thấp hơn mức bình quân chung cả nước (5,71%).



► Tàu 526 thuộc Vùng 5 Hải quân cấp nước cho người dân đảo Hòn Chuối, Cà Mau.

An ninh lương thực: Tây Nam Bộ được biết đến là vùng đất giàu tiềm năng, có 2.575,2 nghìn ha đất sản xuất nông nghiệp, chiếm 62,9% tổng diện tích đất tự nhiên của cả vùng⁽¹⁰⁾; đóng góp 56% sản lượng lúa gạo (24,5 triệu tấn), 98% sản lượng cá tra (1,41 triệu tấn) và 60% các loại trái cây cả nước (4,3 triệu tấn), 95% lượng gạo xuất khẩu và 60% lượng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Nhờ đặc điểm này mà vấn đề an ninh lương thực của vùng luôn được bảo đảm, không chỉ vậy, còn góp phần nâng cao sản lượng lúa, gạo dự trữ và xuất khẩu của quốc gia.

An ninh y tế: hệ thống y tế trong Vùng cũng ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân. Chỉ số sức khỏe của người dân cũng được nâng cao. Đội ngũ y, bác sĩ và cán bộ quản lý y tế phát triển nhanh về số lượng, trình độ chuyên môn cao, có năng lực, ý thức tốt, có khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong khám và điều trị bệnh.

An ninh môi trường: trong những năm qua, việc bảo tồn, phát triển và khai thác các nguồn tài nguyên từ các hệ sinh thái luôn được các địa phương trong Vùng quan tâm và triển khai thực hiện tốt, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng.

An ninh cá nhân và an ninh cộng đồng: các địa phương trong Vùng tăng cường triển khai đồng bộ các biện pháp và đẩy mạnh việc thực hiện phương án, kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả, không để tội phạm hoạt động phức tạp gây bức xúc dư luận. Cùng với đó, các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số được quan tâm, giữ gìn và phát huy, với nhiều lễ hội của đồng bào dân tộc như: Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam (huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang cũ), lễ hội Kỷ niệm Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực (thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cũ), lễ hội Nghinh Ông (tỉnh Cà Mau)...; đặc biệt là những lễ hội với dấu ấn đặc sắc về văn hóa của các dân tộc sinh sống trong vùng, như: Lễ hội Ok Om Bok, lễ Sen Dolta, hội đua bò Bảy Núi của người Khmer; Lễ Ramadan, Lễ hội Roya của người Chăm; Lễ cúng Bà Thiên Hậu của người Hoa.

An ninh chính trị: tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Vùng cơ bản được ổn định. Công tác xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bàn xung yếu, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các địa phương trong Vùng đã chủ động nắm chắc tình hình, tổ chức phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hiệu quả hoạt động chống

phá của các thế lực thù địch xâm phạm an ninh quốc gia tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia và tuyến biển Tây Nam; ngăn chặn âm mưu kích động biểu tình, gây rối của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ sự an toàn cuộc sống của người dân.

Những hạn chế

An ninh kinh tế: mặc dù thu nhập bình quân đầu người có sự gia tăng qua các năm, nhưng nhìn chung tỷ lệ thất nghiệp của Vùng vẫn nằm ở nhóm cao so với các vùng khác. Trong năm 2022, tỷ lệ thất nghiệp là 2,76%, chỉ đứng sau Đông Nam Bộ (2,88%); tỷ lệ thiếu việc làm là 3,61%. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm cao, đặc biệt tại nông thôn, trong độ tuổi 15 - 24 cũng là nguyên nhân của tình trạng di cư lao động trong Vùng⁽¹¹⁾.

An ninh y tế: Tây Nam Bộ vẫn là “vùng trũng” của cả nước về y tế. Cả Vùng hiện nay vẫn chỉ có 01 bệnh viện đa khoa tuyến cuối ở Cần Thơ. Khoảng cách trung bình từ các tỉnh trong Vùng đến Bệnh viện Đa khoa Trung ương ở Cần Thơ mất khoảng hơn 2h. Việc di chuyển quá lâu sẽ gây khó khăn cho việc cấp cứu những bệnh nhân nặng và nguy kịch. Nhiều trạm y tế cơ sở thiếu trang thiết bị vật chất phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

Về an ninh lương thực, an ninh môi trường: biến đổi khí hậu có xu hướng ngày càng tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề bảo đảm an ninh con người của vùng. Mặc dù Vùng vốn được xem là vựa lúa của cả nước và đang đóng góp khoảng 95% sản lượng gạo xuất khẩu, tuy nhiên theo dự báo của Tổ chức Oxfam, đến năm 2030, khả năng nước biển dâng có thể làm khoảng 45% diện tích đất của Vùng bị nhiễm mặn hoàn toàn⁽¹²⁾.

Về an ninh cá nhân, an ninh cộng đồng, an ninh chính trị: trong Vùng hiện nay còn tồn tại vấn đề dân tộc và tôn giáo có nguy cơ ảnh hưởng đến việc bảo đảm an ninh cá nhân và an ninh cộng đồng. Tây Nam Bộ là vùng đất sinh sống lâu đời của bốn dân tộc Kinh, Khmer, Hoa và Chăm. Đây cũng là địa bàn có đông số lượng đồng bào dân tộc Khmer nhất cả nước, với hơn 1,14 triệu người, chiếm 6,6% dân số của vùng. Mặc dù Đảng, Nhà nước và các địa phương trong Vùng đã có nhiều chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng về cơ bản đời sống của đồng bào, nhất là đồng bào Khmer vẫn còn nhiều khó khăn.



► Trong những năm qua, tình hình tôn giáo ở vùng Tây Nam Bộ cơ bản ổn định, các sinh hoạt tôn giáo đều diễn ra theo đúng quy định pháp luật.



► Lãnh đạo tỉnh Tây Ninh, Hội Bảo trợ người khuyết tật, người nghèo và bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Tây Ninh cùng đại diện Ban Điều hành hệ thống chùa Núi Bà Tây Ninh trao quà Tết cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại xã Mỹ Quý, tỉnh Tây Ninh.

Về tôn giáo: trong Vùng hiện có 13 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân và một số tổ chức tôn giáo chưa được công nhận tư cách pháp nhân vẫn đang hoạt động. Trong những năm qua, tình hình tôn giáo cơ bản ổn định, các sinh hoạt tôn giáo đều diễn ra theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề nảy sinh trong đồng bào tôn giáo tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, đe dọa đến việc bảo đảm an ninh cá nhân, an ninh cộng đồng và an ninh chính trị trong Vùng.

Một số giải pháp tăng cường công tác bảo đảm an ninh con người ở vùng Tây Nam Bộ

Thứ nhất, tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương và người dân trong Vùng về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc bảo đảm an ninh con người trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, cần xây dựng kế hoạch tuyên truyền với nội dung, hình thức phù hợp với từng đối tượng; đa dạng hóa các loại hình truyền thông, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để công tác truyền thông đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giải quyết việc làm giúp cải thiện hơn nữa thu nhập của người dân trong Vùng, như có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm giải quyết việc làm tại chỗ cho người dân. Cùng với đó, cần tăng cường công tác hỗ trợ, đào tạo nghề nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động. Xây dựng và thực hiện tốt các đề án, chương trình hỗ trợ vay vốn đúng người, đúng địa điểm, tránh tình trạng dàn trải kém hiệu quả.

Thứ ba, nghiên cứu, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi và tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu nhằm bảo đảm an ninh lương thực. Các chuyên gia, nhà khoa học trong Vùng cần tăng cường nghiên cứu, lai tạo, phát hiện ra những giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay của Vùng. Tăng cường nghiên cứu, đầu tư sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh góp phần cải thiện chất lượng đất trồng.

Thứ tư, bảo đảm an ninh nguồn nước trong Vùng như nghiên cứu, xây dựng các hồ chứa nước bảo đảm nhu cầu sử dụng nước trong mùa khô, hạn chế tình trạng người dân thiếu nước sinh hoạt và sản xuất trong những đợt cao điểm. Đồng thời, các địa phương trong Vùng cần khuyến khích sự tham gia của người dân trong quản trị nguồn nước, tăng cường bảo tồn nguồn nước, chia sẻ rộng rãi thông tin nguồn nước, thường xuyên theo dõi các vấn đề nguồn nước xuyên biên giới trên lưu vực, tăng cường pháp chế liên quan đến kiểm soát nguồn nước...

Thứ năm, phát triển hệ thống mạng lưới y tế từ Trung ương đến cơ sở nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân trong Vùng. Trong đó, việc hiện đại hóa Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh và các tuyến cơ sở trong Vùng là việc hết sức cần thiết. Để làm được việc này, các địa phương trong Vùng cần có chính sách đầu tư thích đáng các trang, thiết bị, vật tư y tế hiện đại cho ngành, không ngừng khuyến khích, thu hút đội ngũ y bác sĩ có tay nghề, chuyên môn cao về địa phương công tác, nhất là đối với hệ thống y tế tuyến tỉnh để có thể đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh tại chỗ cho người dân, khắc phục tình trạng bệnh nhân nặng phải di chuyển xa trong quá trình cấp cứu.

Thứ sáu, tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội hướng đến sự ổn định trong Vùng nói chung và cuộc sống của người dân nói riêng. Trong đó, trọng tâm làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo trong Vùng; các địa phương cần tiếp tục tăng cường, chủ động trong phòng ngừa, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm sự bình yên cuộc sống của người dân. 🌿

Ghi chú:

- (1) Vũ Thị Phương Hậu, *Bảo đảm an ninh con người ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 2 (183), tr.40-45.
- (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XII*, Nxb. CTQG-ST, H.2016, tr.135.
- (3), (4), (5), (6) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb. CTQG-ST, H.2021, tr.116-117, tr.147-148, tr.156, tr.202.
- (7) Ban Kinh tế Trung ương, *Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010; Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011 - 2020*, H.2022, tr.3.
- (8) Ban Kinh tế Trung ương, *Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010; Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2011 - 2020*, H.2022, tr.2-3.
- (9) An Nhi, *Kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt nhiều kết quả khả quan*, <https://kinhtevdubao.vn/kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bang-song-cuu-long-dat-nhieu-ket-qua-kha-quan-29107.html> cập nhật ngày 01/7/2024.
- (10) Xem <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/08/dong-bang-song-cuu-long-phat-huy-loi-the-vua-lua-so-mot-ca-nuoc/>.
- (11) VCCI, *Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb.Đại học Cần Thơ, H.2023, tr.32.
- (12) Xem <https://dangcongsan.vn/xay-dung-xa-hoi-an-toan-truoc-thien-tai/nuhung-nguy-co-dong-bang-song-cuu-long-phai-doi-mat-do-bien-doi-khi-hau-592672.html>.

► Cầu Mỹ Thuận 1 và Mỹ Thuận 2 bắc qua sông Tiền, nối liền tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long.



► Hội Đua bò Bảy Núi là lễ hội truyền thống độc đáo của đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh An Giang.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. CTQG-ST, H.2016.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. CTQG-ST, H.2021.
3. Hà Thị Thùy Dương, *Đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào Khmer ở khu vực Tây Nam Bộ*, trong Kỷ yếu Hội thảo “Nhận diện, đấu tranh với những quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề dân tộc, tôn giáo và lịch sử vùng đất Tây Nam Bộ”, do Học viện Chính trị khu vực IV tổ chức, tháng 10/2021.
4. Vũ Thị Phương Hậu, *Bảo đảm an ninh con người ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Sinh hoạt Lý luận, số 2 (183).
5. Hoàng Thị Lan, *Hoạt động lợi dụng tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 12/2020.



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, LÃNH TỤ THIÊN TÀI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TẤM GƯƠNG TIÊU BIỂU, MẪU MỰC NHẤT VỀ TINH THẦN NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, DÁM NGHĨ, DÁM LÀM, DÁM CHỊU TRÁCH NHIỆM VÌ LỢI ÍCH CHUNG



TS. TRẦN NGHỊ

Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, Bộ Nội vụ



TS. PHẠM THỊ HỒNG

Ban Dân chủ, giám sát và phản biện xã hội
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam



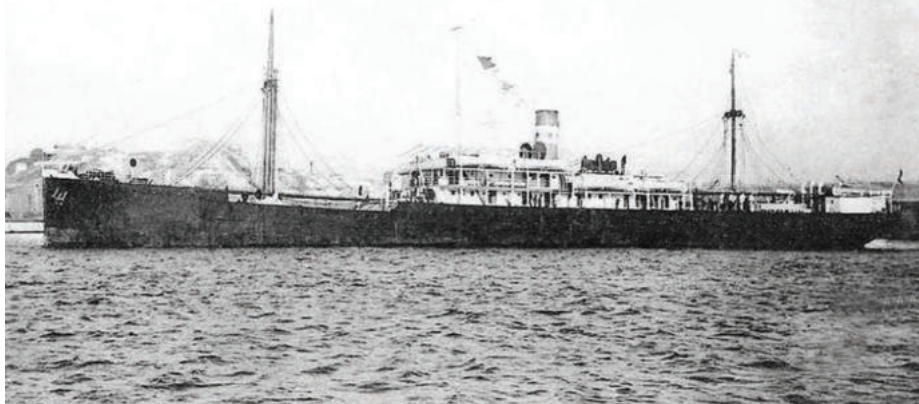
► Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng đoàn đại biểu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người gắn liền với lịch sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam và trong suốt sự nghiệp vẻ vang đó, Người luôn là tấm gương sáng chói nhất, tiêu biểu, mẫu mực nhất về tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Điều này được thể hiện qua từng giai đoạn trong suốt quá trình hoạt động cách mạng vẻ vang của Người.

Trong giai đoạn từ tuổi niên thiếu đến trước khi ra đi tìm đường cứu nước (năm 1911): đặc điểm nổi bật nhất của người thanh niên yêu nước Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành giai đoạn này là xuất phát từ những quan sát, trải nghiệm thực tiễn và trăn trở, day dứt về những tấm gương của các nhà yêu nước truyền thống cũng như thất bại của họ để đưa ra quyết định đi sang các nước phương Tây để tìm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc khác với các nhà yêu nước trước đó. Bước ngoặt quan trọng trong nhận thức của Nguyễn Tất Thành ở giai đoạn này - cũng là sự thể hiện phẩm chất dám “nghĩ khác, làm khác” là khi Người được tiếp xúc với tư tưởng của các nhà cải cách Việt Nam, với các tác phẩm tiêu biểu của nền văn minh nhân loại. Khi theo học ở Trường Quốc học Huế, Người đã “tiếp tục đọc Tân Thư... đọc sách của Nguyễn Trường Tộ với những điều trần cải cách mong cứu vãn đất nước”⁽¹⁾.



► Ngày 05/6/1911, từ bến cảng Nhà Rồng, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc, ra đi trên con tàu Amiral Latouche Tréville để thực hiện hoài bão giải phóng nước nhà khỏi ách nô lệ của thực dân, đế quốc.



Đặc biệt, việc tiếp xúc và ảnh hưởng của tư tưởng về “tự do, bình đẳng, bác ái” của cách mạng tư sản Pháp đã khiến Nguyễn Tất Thành hướng suy nghĩ và hành động của Người theo một hướng đi mới, hoàn toàn khác với những tư tưởng của các nhà cách mạng Việt Nam đương thời: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những chữ ấy... Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài”⁽²⁾. Việc ra đi tìm đường cứu nước ngày 05/6/1911 có thể xem là điểm khởi đầu của tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn từ giữa năm 1911 đến năm 1930: tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thể hiện qua việc Người dành thời gian nghiên cứu bản chất chế độ tư sản; tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin; đưa ra những phác họa về mô hình chế độ xã hội, nhà nước và pháp luật kiểu mới ở Việt Nam. Từ năm 1911 đến năm 1923, Người đã đến Anh, Pháp, Mỹ và các xứ thuộc địa của chế độ thực dân lúc bấy giờ để thực hiện một cuộc khảo sát lớn về bản chất của chủ nghĩa thực dân, đế quốc để hai lần tiến hành phê phán mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc chế độ cai trị thuộc địa và chế độ nhà nước, pháp luật tư sản; đồng thời kiên quyết không chấp nhận con đường cách mạng tư sản.

Lần thứ nhất, trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người đã vạch trần tính chất phản động, dã man của chế độ cai trị ở các nước thuộc địa của thực dân Pháp. Từ việc phê phán những hành vi dã man của các “quan thuộc địa” và việc thực thi chế độ pháp luật hà khắc ở các nước thuộc địa của thực dân Pháp,

lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện thái độ kiên quyết đoạn tuyệt với những tư tưởng cách mạng cải lương, đồng thời hình thành những quan điểm về chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam sau này.

Lần thứ hai, trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, Người đã phê phán triệt để chế độ nhà nước và pháp luật tư sản mà điển hình là ở nước Anh, Pháp và Mỹ. Bằng những cứ liệu thực tiễn chính xác, về tính chất phản động, tàn bạo, kìm hãm sự phát triển lịch sử của các chế độ nhà nước và pháp luật của các nước này, Người đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam không thể đi theo con đường cách mạng tư sản, vì đó là những cuộc “cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lột công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”⁽³⁾. Qua đó, thể hiện quan điểm kiên quyết đoạn tuyệt với con đường cách mạng tư sản, cũng như những tư tưởng cách mạng cải lương.

Cũng chính từ trong cuộc đấu tranh kiên quyết chống chế độ nhà nước, pháp luật tư sản và chế độ thuộc địa, Người đã quyết định đi theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin. Sau khi đọc tác phẩm “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” của V.I.Lênin, Người đã viết: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là



► Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc phát biểu tại Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp họp ở thành phố Tours, tháng 12/1920.

con đường giải phóng chúng ta!”⁽⁴⁾. Người khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc thì phải tiến hành cách mạng vô sản.

Hoạch định con đường phát triển của các dân tộc thuộc địa là một vấn đề hết sức mới mẻ đối với các nhà hoạt động cách mạng của Quốc tế cộng sản lúc bấy giờ và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc là tấm gương sáng về những quan điểm có tính vượt trước. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Người khẳng định Việt Nam sẽ: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Con đường đó kết hợp cả nội dung dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, mà xét về thực chất chính là con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Năm 1920 Người đã tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba. Đó là những sự kiện đánh dấu sự thay đổi về chất trong tư tưởng yêu nước của Người: “Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”⁽⁵⁾.

Trải qua 10 năm nghiên cứu, học tập, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin (1920 - 1929), đến đầu năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra những phác thảo đầu tiên về chế độ xã hội mới ở Việt Nam. Trong các tác phẩm “Chánh cương vắn tắt của Đảng”, “Sách lược vắn tắt của Đảng”, “Chương trình tóm tắt của Đảng”, “Điều lệ vắn tắt của Đảng”, “Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng”, Người khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”; mô hình nhà nước kiểu mới ở Việt Nam sau khi giành được độc lập dân tộc sẽ là: “Thành lập Chính phủ công nông binh”; tính chất của chế độ dân chủ nhân dân mới là: “Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân”⁽⁶⁾. Đây là phác họa về mô hình một chế độ xã hội Việt Nam sau khi giành được độc lập, theo nguyên tắc xóa bỏ hết đặc quyền, đặc lợi của thực dân và phong kiến, đem lại và thực hiện quyền lợi cho nhân dân lao động. Đảng ta khẳng định: “Với Cương lĩnh đó, những nét lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh đã hình thành”⁽⁷⁾.

Trong giai đoạn từ năm 1931 đến năm 1940: Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp tục kiên định tư tưởng của Người về con đường cách mạng Việt Nam trước những khó khăn, thử thách do sự tồn tại những

khác biệt trong nhận thức của Người và Quốc tế Cộng sản. Những phác thảo bước đầu của Người về con đường cách mạng Việt Nam không được Quốc tế Cộng sản chấp nhận. Trước những khó khăn, thử thách nặng nề đó, Người vẫn kiên định lập trường về con đường cách mạng Việt Nam. Trong Thư gửi Quốc tế cộng sản, Người viết: “Nếu chúng ta cứ để họ (những người cách mạng Việt Nam) đi theo con đường đó thì sẽ rất mạnh động và nguy hiểm”⁽⁸⁾. Trong tác phẩm *Thư gửi Ban Phương Đông*, Người phê phán: “1. Đa số các đồng chí... cũng không hiểu thật rõ “cách mạng dân chủ tư sản” là gì. 2. Các đồng chí không hiểu tại sao phải kết hợp cách mạng phản đế với cách mạng ruộng đất”⁽⁹⁾. Phải đến Đại hội VII Quốc tế cộng sản (tổ chức từ ngày 25/7 đến ngày 20/8 năm 1935 tại Moskva), những vấn đề này mới được nhìn nhận lại. Năm 1956, Kuxinhen - tác giả Văn kiện *Phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa*, cũng thừa nhận quan điểm chỉ đạo của Đại hội VI Quốc tế cộng sản đối với cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) là biệt phái tả khuynh và tự mâu thuẫn⁽¹⁰⁾. Đó cũng là sự thừa nhận con đường cách mạng Việt Nam mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khẳng định trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng mới là đúng đắn và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Từ năm 1941 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945: là giai đoạn Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện thực hóa và làm phong phú những luận điểm sáng tạo của Người về cách mạng Việt Nam bằng việc xác lập mô hình lý thuyết và triển khai xây dựng trên thực tế những hình thức tiến thân của Nhà nước và pháp luật kiểu mới ở Việt Nam. Trong giai đoạn này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thành lập những hình thức tiến thân của Nhà nước và pháp luật (rộng ra là cả mô hình hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam) để sau khi giành được chính quyền sẽ trở thành chính thức. Tháng 5/1941, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh nhằm đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng để chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa.



► Tác phẩm Đường Kách mệnh ra đời năm 1927.



► Tranh vẽ đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (từ ngày 03/01 đến ngày 07/02/1930, ở bán đảo Cửu Long thuộc Hương Cảng, Trung Quốc.



► Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Nhà máy xe lửa Gia Lâm, năm 1955.



► Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Đức Wilhelm Pieck, ngày 25/7/1957.

Năm 1943, dưới sự chỉ đạo của Người, tại các vùng căn cứ địa cách mạng đã lập ra các Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh và liên tỉnh. Nói về tính chất của Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam được thành lập tại Tân Trào (năm 1945), Người viết: “Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam cũng như Chính phủ lâm thời của ta lúc này”⁽¹¹⁾. Đó chính là hình thức tiền thân của nhà nước Việt Nam kiểu mới mà Người đã lựa chọn qua 30 năm tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Chương trình Việt Minh cũng nhấn mạnh: sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, phát xít Nhật, sẽ thành lập một Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hình thức tiền thân của pháp luật kiểu mới mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh phác họa được thể hiện trong Chương trình Việt Minh, theo đó, cách mạng Việt Nam sẽ thắng lợi, một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa chân chính dân chủ sẽ xuất hiện. Cách mạng dân tộc giải phóng thành công, chúng ta sẽ thi hành bản Chương trình vĩ đại trên đây. Các nhà khoa học cho rằng đó là những hình thức tiền thân để xây dựng, phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam sau này: “Mặt trận Việt Minh đưa ra 10 chính sách lớn, có thể nói đó là mầm mống pháp luật của chế độ mới”⁽¹²⁾; “Chương trình Việt Minh có thể coi là cơ sở xây dựng bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta”⁽¹³⁾.

Trong giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến năm 1969: những luận điểm sáng tạo, đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bổ sung và phát triển trên cơ sở thực tiễn cách mạng Việt Nam và từ sự chỉ đạo trực tiếp của Người đối với cách mạng. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mở ra trang lịch sử mới của đất nước và dân tộc Việt Nam. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập do chính Người soạn thảo, khẳng định và tuyên bố quyền độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ của nhân dân, thành lập xây dựng chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Thực hiện quyết tâm xây dựng nền hiến trị, pháp trị dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 34 ngày 20/9/1945 thành lập Ủy ban Dự thảo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Người trực tiếp làm Trưởng ban; Sắc lệnh số 39 ngày 26/9/1945 thành lập Ủy ban Dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử để bầu ra Quốc hội lập

hiến, thông qua Hiến pháp năm 1946. Ngày 10/10/1945, Người ký Sắc lệnh số 47 về việc tạm thời sử dụng một số luật lệ của chế độ cũ, trừ những điểm trái với chính thể cộng hòa. Ngày 09/11/1946, Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa I đã thông qua Hiến pháp năm 1946 và Luật Lao động, hai đạo luật đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các đạo luật đó cùng hàng loạt Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành đã thể hiện bước phát triển tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam, về chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, trở thành cơ sở tổ chức và hoạt động của Nhà nước dân chủ nhân dân, đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến của Nhà nước, thiết lập một trật tự xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, ngoại giao...

Trong lĩnh vực đối ngoại, trong Lời Tuyên bố của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cùng Chính phủ các nước trên thế giới (ngày 14/01/1950), Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây dựng dân chủ thế giới”. Quan điểm này đã chính thức đặt nền



móng chính sách đối ngoại, đặt cơ sở pháp lý cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia tích cực vào việc xây dựng pháp luật quốc tế và hoàn thiện pháp luật trong nước.

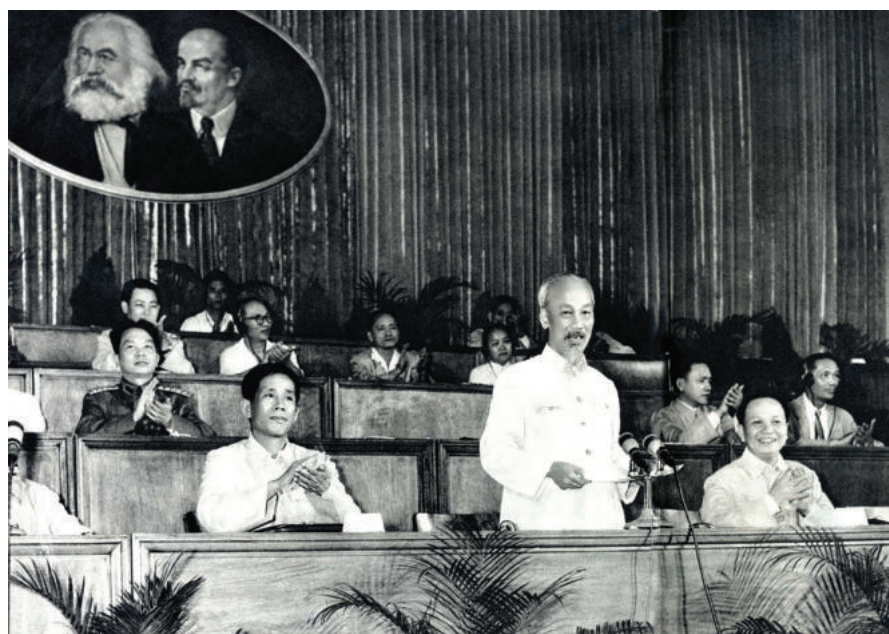
Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Tình hình đã đổi mới, nhiệm vụ của ta do đó cũng thay đổi, chính sách và khẩu hiệu cũng phải thay đổi, cho hợp với tình hình mới”⁽¹⁴⁾. Năm 1957, Người ký ban hành các đạo luật về chế độ báo chí; về quyền tự do hội họp, quyền lập hội; quyền tự do thân thể, quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân. Các đạo luật này là sự cụ thể, chi tiết hóa các quyền cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp năm 1946.

Trong Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại Kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa I, Người nhấn mạnh Hiến pháp năm 1959 là Hiến pháp xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu xây dựng nhà nước của nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 1959 cùng các đạo luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, như Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân. Từ đây, bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật.

Trong toàn bộ quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là tấm gương mẫu mực, tiêu biểu nhất về sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đó là quyết tâm “Dù phải đốt cháy dây Trường Sơn cũng phải quyết giành được độc lập cho dân tộc”, và “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”. Người còn để lại cho chúng ta di sản tư tưởng quý báu về các lĩnh vực, như vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam; về chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền; về xây dựng Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về vấn đề con người; về văn hóa, giáo dục; về quân sự; về đạo đức và tu dưỡng đạo đức cách mạng...

Một điểm đặc biệt nữa là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chú trọng vận dụng sáng tạo, phát triển các tư tưởng, học thuyết tiến bộ của nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, kiên quyết chống việc vận dụng rập khuôn, máy móc. Khi nghiên cứu chủ nghĩa Mác, Người khẳng định cần: “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó bằng dân tộc học phương Đông... bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”. Khi xây dựng chính sách kinh tế, xã hội ở miền Bắc, trong khi chỉ rõ cần học kinh nghiệm của Liên Xô, Người cũng nhấn mạnh “Ta không thể giống Liên Xô vì Liên Xô có phong tục, tập quán khác, có lịch sử, địa lý khác”, do đó “ta có thể đi theo con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Đặc biệt trong phiên họp Bộ Chính trị ngày 10/12/1954 bàn về Đề án khôi phục kinh tế, Người chỉ rõ: “Nếu muốn công nghiệp hóa gấp thì chủ quan. Cho

nên trong kế hoạch phải tăng tiến nông nghiệp. Làm trái với Liên Xô, đó cũng là mác xít”. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên “Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái. Phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu... trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và của Nhà nước”⁽¹⁵⁾. Người nhấn mạnh rằng hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa, nếu sống với nhau không có tình, có nghĩa thì không hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin. Người nhắc nhở đội ngũ cán bộ, đảng viên: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”. Người luôn tâm niệm: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.



► Đoàn Chủ tịch Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, ngày 05/9/1960.

Ghi chú:

- (1),(10) Đỗ Quang Hưng, *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, H.1999, tr.130, tr.31-34.
- (2),(3) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 2, Nxb CTQG-ST, H.2000, tr.274, tr.274.
- (4) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 12, sdd, tr.562.
- (5) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, sdd, tr.127.
- (6),(8),(9),(11) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, sdd, tr.10, tr.82, tr.83, tr.554.
- (7) Nông Đức Mạnh, *Phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, đổi mới, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới*, Báo Nhân dân, ngày 16/5/2003.
- (12) Hoàng Văn Hào, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới - quá trình hình thành và phát triển*, Nxb CTQG-ST, H.1995, tr.23.
- (13) *Danh nhân Hồ Chí Minh*, Nxb Lao động, H.2000, tr.191.
- (14) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, sdd, tr.315.
- (15) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 8, sdd, tr.315.

VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VỀ KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VỚI SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CHO NHÂN DÂN



PGS.TS. TRẦN THỊ HƯƠNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền



Bác Hồ nói chuyện với các cháu thiếu nhi trong dịp Người về thăm và chúc Tết đồng bào tỉnh Hà Bắc, ngày 09/02/1967.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định con đường phát triển đúng đắn của Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phát triển xã hội theo hệ giá trị bền vững: “Độc lập, Tự do, Hạnh phúc”. Trong tư tưởng và thực tiễn lãnh đạo cách mạng, Người luôn quan tâm chú trọng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; tranh thủ, tiếp nhận nguồn ngoại lực, phát huy sức mạnh thời đại hỗ trợ nguồn nội lực tạo thành sức mạnh tổng thể, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, con người sinh ra có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc, Người nhấn mạnh: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁽¹⁾. Đối với Việt Nam, vấn đề đó được thực hiện



Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm đình Thượng Đổng, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, ngày 13/8/1958

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm cánh đồng lúa Đông Hưng, xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, ngày 13/8/1958

trong điều kiện đất nước giành được độc lập, chính quyền tạo lập đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển để người dân được ấm no, hạnh phúc. Người chỉ rõ, sức mạnh của thời đại là nhân tố quan trọng, sức mạnh của dân tộc là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, bởi “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁽²⁾. Nhờ đó, Người đã giải quyết thành công những vấn đề rất phức tạp về quan hệ dân tộc và quốc tế, nhất là trong bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân đã được thể hiện từ rất sớm và dần hoàn thiện trong quá trình nhận thức và hành động. Đầu năm 1930, trong Chánh cương vắn tắt, sau khi nêu rõ chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁽³⁾, Người đã đặt các chính sách “về phương diện xã hội” lên hàng đầu, rồi mới đến các chính sách “về phương diện chính trị” và “về phương diện kinh tế”.

Tháng 5/1941, Lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám khóa I tại Pác Bó, Cao Bằng. Theo sáng kiến của Người, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh) nhằm đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng yêu nước, tập trung mũi nhọn đánh đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành độc lập dân tộc. Để thực hiện mục tiêu chiến lược này, Chương trình Việt Minh được soạn thảo theo chỉ đạo của Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã đề ra 10 chính sách xã hội cơ bản đối với các tầng lớp Nhân dân, trong đó có những chính sách trực tiếp đề cập đến hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, như: “1. *Công nhân*. Ngày làm tám giờ. Định tiền lương tối thiểu. Công việc làm như nhau nhận tiền lương ngang nhau. Cứu tế thất nghiệp. Xã hội bảo hiểm. Cấm đánh đập, chửi mắng. Thủ tiêu các giấy giao kèo nô lệ, lập các giấy giao kèo chung của chủ và thợ. Công nhân già có lương hưu trí. 2. *Nông dân*. Nông dân ai cũng có ruộng cày. Giảm địa tô. Cứu tế nông dân trong những năm mất mùa. 3. *Binh lính*. Hậu đãi binh lính có công giữ gìn Tổ quốc và phụ cấp gia đình binh lính được đầy đủ. 4. *Học sinh*. Bỏ học phí, bỏ khai sinh hạn tuổi. Mở thêm trường học. Giúp đỡ học trò nghèo. 5. *Phụ nữ*. Về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông. 6. *Thương nhân và các nhà kinh doanh*. Chính phủ hết sức giúp các nhà có vốn tự do kinh doanh. Bộ thuế môn bài và các thứ tạp thuế do đế quốc đặt ra. 7. *Viên chức*. Hậu đãi viên chức xứng đáng với công học hành của họ. 8. *Người già và kẻ tàn tật*. Được Chính phủ chăm nom và cấp dưỡng”⁽⁴⁾.

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (ngày 02/9/1945), dù trong bối cảnh còn rất nhiều khó khăn, thử thách, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn yêu cầu Đảng và Chính phủ phải thực hiện ngay những chính sách ưu tiên nhằm mục đích: “1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở. 4. Làm cho dân có học hành”⁽⁵⁾; đồng thời đề nghị Chính phủ “mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo”⁽⁶⁾. Người đã cùng Đảng Cộng sản Việt Nam hoạch định nhiều chủ trương, chính sách nhằm từng bước xóa bỏ áp bức, bất công, giải phóng sức lao động, phát triển sản xuất, giải phóng tư tưởng, hạn chế bất bình đẳng xã hội, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân lao động.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để phát triển kinh tế và văn hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, bên cạnh việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước, còn cần phải huy động sức mạnh toàn dân trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Bởi sức mạnh của Nhân dân rất lớn, có được sự đồng tình, đồng sức và tập hợp, huy động được sức mạnh của Nhân dân sẽ là yếu tố quyết định đem lại thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ, gian khổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn quân, toàn dân thi đua ái quốc: Bộ đội thi đua giết giặc lập công. Các tầng lớp Nhân dân - công nhân, nông dân, trí thức, công thương gia... thi đua sản xuất, phát triển văn hóa tại các vùng tự do. Đồng thời, Người còn xây dựng kế hoạch lâu dài hướng đến “quốc thái dân an”, từng bước nâng cao đời sống Nhân dân cả về vật chất và tinh thần. Người chủ trương tập trung từng bước xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của tất cả mọi thành viên trong xã hội theo tinh thần: “Làm cho người nghèo thì đủ ăn/Người đủ ăn thì khá giàu/ Người khá giàu thì giàu thêm”⁽⁷⁾. Đây chính là chiến lược xóa đói, giảm nghèo bền vững trong nội dung thực hiện an sinh xã hội của Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn hướng đến việc thực hiện an sinh xã hội để người dân sớm được cải thiện đời sống, sớm được ấm no, hạnh phúc, từ đó tạo ra tinh thần phấn khởi trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, hiểu đúng bản chất của chế độ xã hội mới. Trong bản Di chúc, Người căn dặn:

“Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân”⁽⁸⁾, trong đó “Đầu tiên là công việc đối với con người”⁽⁹⁾. Như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn chăm lo cho mọi người dân từ những nhu cầu thiết yếu để tồn tại, từ ăn, mặc, ở... đến những nhu cầu cao hơn như học hành, phát triển toàn diện..., đều mang những giá trị phát triển bền vững, bao trùm “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Đây là tư duy vượt trước thời đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời đó cũng là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho việc hoạch định và thực thi chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân

Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, ngay từ khi mới thành lập, lãnh đạo cuộc cách mạng của dân tộc trong điều kiện hết sức khó khăn, trải qua các cuộc chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn hiểu rõ tầm quan trọng của việc phải kết hợp đúng đắn các nguồn lực và các trào lưu cách mạng của thế giới để tiếp thêm sức mạnh cho công cuộc cách mạng của dân tộc, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Trên tinh thần xác định lấy con người - Nhân dân là trung tâm, là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã đề ra và chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, chính sách nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Đặc biệt, tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Để thực hiện có hiệu quả mục tiêu đó, Đảng xác định một trong các quan điểm chỉ đạo là: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là con người là quan trọng nhất”⁽¹⁰⁾.



► Hội nghị trực tuyến tổng kết Phong trào thi đua “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà đột nát”, ngày 26/8/2025.



► Các đại biểu thực hiện nghi thức cắt băng khánh thành công trình đưa điện lưới quốc gia đến với bản Phẳng Cù và bản Háng Chua, xã Sáng Nhè (Điện Biên), ngày 06/02/2026.

Ngày 24/01/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới - đây chính là “quyết sách đột phá”, đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong quá trình hội nhập của đất nước với việc định vị hội nhập quốc tế là động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới⁽¹¹⁾. Đồng thời, Nghị quyết số 59-NQ/TW cũng đánh dấu bước chuyển quan trọng của Đảng về tư duy và định hướng hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới, tạo động lực đưa đất nước tiến tới đài vinh quang của độc lập, tự do, hạnh phúc, phồn thịnh, trường tồn.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song sự nghiệp phát triển của đất nước vẫn “còn nhiều thách thức về thể chế, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực, an ninh môi trường, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và cả những nguy cơ an ninh phi truyền thống”⁽¹²⁾; đời sống của Nhân dân vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, bất ổn do sự phát triển không đồng bộ giữa kinh tế và văn hóa; tình trạng tham nhũng, quan liêu của một bộ phận cán bộ, công chức đã được chỉ ra nhưng chậm được xử lý, khắc phục... Những vấn đề đó đã đặt ra yêu cầu mới đối với Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo, quản lý sự nghiệp phát triển đất nước, nhất là vấn đề bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Trong đó, cần nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong

bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng phát hiện và điều chỉnh kịp thời, linh hoạt trước những biến đổi xuất phát từ nhu cầu của Nhân dân và khả năng thực tế cung ứng của Nhà nước và xã hội. Theo đó, cần lưu ý một số nội dung sau:

Một là, xây dựng nền tảng, cơ sở vững chắc để phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Để xây dựng nền tảng, cơ sở kinh tế - xã hội vững chắc, thì chính sách xã hội phải đặt ngang tầm với chính sách kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế và khả năng huy động nguồn lực trong từng giai đoạn cụ thể. Phát triển kinh tế và văn hóa phải hướng đến phục vụ con người trong từng giai đoạn và trong suốt sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Đây là cốt lõi của biện pháp thực hiện an sinh xã hội; đồng thời cũng chính là giá trị cốt lõi của phát triển bền vững - là sự phát triển hài hòa giữa các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường với mục tiêu vì con người, cho hạnh phúc của con người. Qua đó cũng cho thấy tầm tư duy sâu sắc và tầm nhìn xa trông rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng mô hình phát triển xã hội nước Việt Nam mới nói chung và thực hiện an sinh xã hội nói riêng, nhằm đem lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân.

Hai là, tranh thủ, tiếp nhận nguồn ngoại lực, phát huy sức mạnh thời đại hỗ trợ nguồn nội lực tạo thành sức mạnh tổng thể to lớn bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân.

Trong những năm qua, quan hệ đối ngoại không ngừng được đẩy mạnh, Việt Nam tranh thủ nguồn ngoại lực như thu hút đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ từ các tổ chức quốc tế và đối tác nước ngoài; đồng thời, tận dụng các xu hướng toàn cầu và công nghệ mới để cải cách và nâng cao hiệu quả quản lý. Những nỗ lực này nhằm đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện các dịch vụ công cộng và tăng cường chất lượng cuộc sống cho người dân. Thực tiễn đã chứng minh, tất cả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; coi trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. “Đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, hiện chỉ còn khoảng 1,93% (theo chuẩn đa chiều) so với mức 60% năm 1986”⁽¹³⁾.

Tuy nhiên, hiện nay tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường, gây thiệt hại nghiêm trọng và tác động lâu dài đến đời sống Nhân dân, đòi hỏi phải sử dụng một nguồn lực lớn để hỗ trợ. Trong khi đó, nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Vì vậy, cần mở rộng huy động nguồn lực, tăng cường xã hội hóa, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp và các nguồn lực trong Nhân dân, “Kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình”⁽¹⁴⁾ như Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh.

Ba là, bảo đảm an sinh xã hội phải xuất phát từ lợi ích của Nhân dân.

Với bản lĩnh cách mạng vững vàng và xuất phát từ thực tiễn đất nước, luôn đặt lợi ích dân tộc và Nhân dân lao động lên hàng đầu,



► Chiến sĩ Đồn Biên phòng Cà Xèng (Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Bình), huy động nhân, vật lực giúp Nhân dân xóa nhà tạm.

Đảng ta đã coi trọng và từng bước điều chỉnh cơ chế, chính sách cho phù hợp để tháo gỡ rào cản của cơ chế nhằm khơi dậy tiềm năng, sức mạnh của Nhân dân, đưa đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đảng đã chú trọng điều chỉnh đường lối trên mọi lĩnh vực để phục vụ lợi ích dân tộc và Nhân dân lao động, vì thế, trong suốt chặng đường đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định.

Đặc biệt, gần đây Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh cần tiến tới miễn viện phí cho tất cả mọi người dân, miễn học phí, chuẩn bị bữa ăn cho học sinh. Đây là minh chứng cho phương châm “không ai bị bỏ lại phía sau” mà Việt Nam theo đuổi, luôn xuất phát từ lợi ích của Nhân dân, lấy chất lượng sống của Nhân dân làm giá trị. Vì vậy, đối với mỗi cán bộ, đảng viên, đây không chỉ là trách nhiệm chính trị mà còn là mệnh lệnh xuất phát từ trái tim, từ lương tri và đạo đức cách mạng. Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và tạo nền tảng vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân cần hướng đến các tiêu chí quốc tế; đồng thời đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế.

Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, trong đó ưu tiên các đối tượng đặc thù, yếu thế theo cách tiếp cận mới là tiếp cận dựa theo vòng đời, dựa trên quyền con người và lấy con người làm trung tâm phát triển. Đây là cách tiếp cận hiện đại, nhân văn và hiệu quả mà trên thế giới đang áp dụng. Do đó, cần căn cứ vào quy định chuẩn mức sống tối thiểu quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 để làm cơ sở xây dựng chính sách bảo đảm an sinh xã hội cho các đối tượng. Cách triển khai, tổ chức thực hiện an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân cần linh hoạt, phù hợp từng điều kiện cụ thể.

Việt Nam không chỉ cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về an sinh xã hội mà còn phải đẩy mạnh hợp tác quốc tế, học hỏi kinh nghiệm, tranh thủ nguồn lực tài chính, kỹ thuật, và chuyên gia từ các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển. Qua đó, nâng cao năng lực quản trị xã hội, tăng tính bao trùm trong chính sách



► Người cao tuổi được khám chữa bệnh miễn phí tại Hà Nội.

và đảm bảo mọi người dân cũng như các nhóm yếu thế, được tiếp cận công bằng và hiệu quả với các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nhà ở và việc làm...

Trong hành trình thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, cho Nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức đúng đắn về thời đại và xu thế phát triển của thời đại để đặt cách mạng Việt Nam vào đúng dòng chảy đó. Những quan điểm của Người về chăm lo đời sống Nhân dân, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân bao hàm nhiều nội dung thuộc phạm trù an sinh xã hội, có giá trị bền vững, trường tồn cùng sự phát triển của dân tộc. Do đó, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay thì việc tăng cường, thúc đẩy hợp tác quốc tế về an sinh xã hội là một tất yếu, mang lại nhiều kinh nghiệm quý

và tranh thủ nguồn lực. Đặc biệt, mấu chốt để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả tốt nhất đó là cần phải huy động được nguồn lực của toàn xã hội trong bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. 🌸

Ghi chú:

- (1), (5), (6) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, Nxb CTQG-ST, H.2011, tr.1, tr.175, tr.7.
- (2) Hồ Chí Minh, sdd, tập 2, tr.320.
- (3), (4) Hồ Chí Minh, sdd, tập 3, tr.1, tr.631.
- (7) Hồ Chí Minh, sdd, tập 5, tr.81.
- (8), (9) Hồ Chí Minh, sdd, tập 15, tr.612, tr.616.
- (10) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.110-111.
- (11), (14) Tô Lâm (2025), *Vườn minh trong hội nhập quốc tế*, <https://nvsk.vn/vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te-3-150152-1-164309.vna>, truy cập ngày 28/4/2025.
- (12) Tô Lâm, *Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*, <https://baohinhphu.vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-nuoc-viet-nam-la-mot-dan-toc-viet-nam-la-mot-102250427070220544.htm>, truy cập ngày 28/4/2025.
- (13) Tô Lâm, *Rạng rỡ Việt Nam*, <https://nvsk.vn/vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-rang-ro-viet-nam-3-150152-1-161613.vna>, truy cập ngày 28/4/2025.

Tài liệu tham khảo:

- 1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới*.
- 2. Mạch Quang Thắng, “Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong giai đoạn mới”, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 5, tr.57 - 62.
- 3. Đoàn Thị Chín, “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - Từ tư tưởng Hồ Chí Minh đến thực tiễn cách mạng Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh, số 1, 2022, tr.10 - 16.



QUAN ĐIỂM CỦA PH.ĂNGGHEN

VỀ CHUYÊN CHÍNH VÔ SẢN VÀ DÂN CHỦ VÔ SẢN - GIÁ TRỊ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN



► Ph.Ăngghen.

Quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản

Về chuyên chính vô sản

Trong tư tưởng của Ph.Ăngghen, chuyên chính vô sản được coi là điều kiện tất yếu để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình - đó là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ph.Ăngghen khẳng định: “Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước. Nhưng chính vì thế mà giai cấp vô sản cũng tự thủ tiêu với tư cách là giai cấp vô sản, chính vì thế mà nó cũng xóa bỏ mọi sự phân biệt giai cấp và mọi đối kháng giai cấp, và cũng xóa bỏ nhà nước với tư cách là nhà nước”⁽¹⁾.

Chuyên chính vô sản còn thể hiện tính tất yếu lịch sử của sự chuyển biến từ dân chủ tư sản sang dân chủ vô sản. Ph.Ăngghen phân tích rằng dân chủ tư sản, dù phát triển đến mức nào, vẫn chỉ là công cụ bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản. Do đó, để xóa bỏ mâu thuẫn giai cấp, cần một công cụ quyền lực mới - đó chính là chuyên chính vô sản nhằm thay thế công cụ quyền lực của giai cấp bóc lột. Nhấn mạnh điều đó, trong thư gửi A.Bê-ben, Ph.Ăngghen viết: “Vì nhà nước, xét đến cùng, chỉ là một thiết chế tạm thời mà người ta phải dùng đến trong đấu tranh, trong cách mạng để đàn áp kẻ địch của mình bằng bạo lực”⁽²⁾. Như vậy, chuyên chính vô sản không phải mục đích cuối cùng, mà chỉ là phương tiện quá độ tất yếu để tiến tới một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước.



TS. LƯU DUY TOÀN

Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Học viện Chính trị

Bài viết phân tích quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản, khẳng định đây là những tư tưởng có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời làm rõ tính tất yếu lịch sử, bản chất và mục tiêu của chuyên chính vô sản, chỉ ra tính ưu việt, nhân văn của dân chủ vô sản so với dân chủ tư sản. Trên cơ sở đó, nêu bật giá trị chỉ dẫn của những quan điểm này đối với công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.



► Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tham dự Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2025 cùng nhân dân thôn Chả Nhầy, xã Dục Nông, tỉnh Quảng Ngãi, ngày 18/11/2025.

Theo Ph.Ăngghen, chuyên chính vô sản như một tất yếu lịch sử, xét về thực chất, là có nội dung kinh tế; hơn nữa, chuyên chính là sự biểu thị sức mạnh của giai cấp thống trị bằng cách gắn liền với nhà nước và thông qua hình thức nhà nước để thực hiện các chức năng của nhà nước, trước hết và về cơ bản gồm hai chức năng cơ bản là chức năng giai cấp và chức năng xã hội. Do vậy, trong việc thực hiện chức năng của nhà nước, cùng với chức năng chính trị như một tất yếu thì chức năng xã hội của nhà nước sẽ ngày một tăng lên để phục vụ con người với những lợi ích xã hội và quyền lực công cộng. Điều này có nghĩa là, chỉ có ở trong một chế độ không còn giai cấp và đối kháng giai cấp nữa, thì những sự tiến hóa xã hội mới không còn là những cuộc cách mạng chính trị nữa... Lúc đó, “nhà nước và cùng với nhà nước là quyền uy chính trị sẽ mất đi sau cuộc cách mạng xã hội tương lai, nghĩa là chức năng xã hội sẽ mất tính chất chính trị và sẽ biến thành những chức năng quản lý đơn thuần chăm lo đến lợi ích xã hội”⁽³⁾.



► Tinh thần đoàn kết là cội nguồn sức mạnh chiến thắng của Nhân dân ta.

đoạt lấy toàn bộ tư bản trong tay giai cấp tư sản, để tập trung tất cả những công cụ sản xuất vào trong tay nhà nước, tức là trong tay giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị và để tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất⁽¹¹⁾.

Thứ hai, là cơ sở để các đảng cộng sản vận dụng đúng đắn về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản trở thành tài sản chung của phong trào cách mạng thế giới, giữ vai trò chỉ dẫn quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, dân tộc và giải phóng xã hội. Chỉ có xem xét mối quan hệ đó trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân thì mới có cách nhìn tổng thể, khách quan, toàn diện, đúng đắn về vị trí, vai trò, những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đây chính là cơ sở lý luận, thực tiễn để V.I.Lênin bảo vệ, bổ sung, phát triển trong công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng nhà nước dân chủ ở Nga sau này. V.I.Lênin đã khẳng định “thừa nhận hay không thừa nhận chuyên chính vô sản là “hòn đá thử vàng” để phân biệt ai là người “hiểu biết thực sự và thừa nhận thực sự chủ nghĩa Mác”⁽¹²⁾.

Trên cơ sở tiếp thu giá trị quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản, kế thừa giá trị truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bổ sung, phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Theo đó, Nhà nước Việt Nam là Nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân, thực hiện các nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thể hiện một cách sâu sắc về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản. Nhà nước Việt Nam là một nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, các lực lượng chính trị - xã hội, một nhà nước hướng tới thiết lập một chế độ thật sự dân chủ của người dân. Đảng ta đã chỉ rõ: “Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của nhân dân”⁽¹³⁾. Dân chủ là bản chất của Nhà nước ta, thực hiện dân chủ là thực chất, là mục tiêu, động lực của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nói riêng, của công cuộc đổi mới nói chung. Đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chế độ ta.

Đảng ta nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”⁽¹⁴⁾. Thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng, Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để Nhân dân làm chủ.

Thứ ba, quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản là cơ sở để đấu tranh chống quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, phản động.

Quan điểm của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận ở Việt Nam hiện nay. Đây là cơ sở khoa học - lý luận giúp vạch trần, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và tính tất yếu của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Giá trị lý luận này góp phần định hướng cho quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, việc vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin giúp củng cố mối quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, việc thấm nhuần tư tưởng của Ph.Ăngghen cũng đòi hỏi phải kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, các quan điểm sai trái, thù địch nhằm xuyên tạc bản chất của chuyên chính vô sản, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Những luận điểm sâu sắc của Ph.Ăngghen về chuyên chính vô sản và dân chủ vô sản mãi soi đường, chỉ lối cho chúng ta trên con đường xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân. Đúng như V.I.Lênin đã khẳng định, Ph.Ăngghen là “bó đuốc sáng ngời” trong những trí tuệ anh minh, là một “trái tim vĩ đại” trong những trái tim nhân loại. Ph.Ăngghen, người chiến sĩ và người thầy vĩ đại của giai cấp vô sản, đời đời sống mãi. 🍀

Ghi chú:

- (1), (4) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 20, Nxb CTQG-ST, H.1995, tr.389, tr.386.
- (2), (5), (6) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 19, sdd, tr.15, tr.257 - 258, tr. 44 - 45.
- (3) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 18, sdd, tr.421 - 422.
- (7) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 1, sdd, tr.350.
- (8) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 16, sdd, tr.98.
- (9) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 2, sdd, tr.791.
- (10), (11) C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, tập 4, sdd, tr.628, tr.626.
- (12) V.I.Lênin, *Toàn tập*, tập 33, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, H.1976, tr.42.
- (13) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb CTQG-ST, H.1991, tr.19.
- (14) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.174.

TỪ CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU ĐẾN
DẪN DẮT MỤC TIÊU

Net - zero
2050



► Nguồn ảnh: Unilever Climate Transition Action Plan 2024.

Trong bối cảnh thế giới liên tục thay đổi, những thách thức về môi trường và địa chính trị ngày càng rõ nét, đòi hỏi sự hợp tác đa phương và gắn kết chặt chẽ giữa các bên để hành động kịp thời.

Những biến động này cũng cho thấy mô hình tăng trưởng tuyến tính dựa nhiều vào khai thác tài nguyên - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ đã bộc lộ giới hạn. Chính vì vậy, phát triển bền vững không còn chỉ được nhìn nhận như một cam kết trách nhiệm xã hội, mà đang trở thành câu hỏi chiến lược: liệu cách tiếp cận này có thể trở thành động lực cho tăng trưởng dài hạn và tạo ra giá trị thiết thực cho cả xã hội và nền kinh tế?

Trong hơn một thập kỷ qua, Unilever - với vai trò dẫn đầu ngành hàng tiêu dùng nhanh (FMCG) - đã khẳng định bền vững là trung tâm trong chiến lược toàn cầu và là chìa khóa cho sự phát triển dài hạn.

Năm 2024, Unilever đã công bố Kế hoạch Hành động Chuyển đổi Khí hậu (Climate Transition Action Plan), tái khẳng định việc đưa phát triển bền vững trở thành một phần không thể tách rời trong hiệu quả kinh doanh. Kế hoạch này mở ra “kỷ nguyên thứ ba” cho hoạt động kinh doanh bền vững của Unilever: từ giống hồi chuông cảnh báo, đến tích hợp vào chuỗi giá trị, và nay là đẩy nhanh thực thi để tạo tác động lớn hơn.

Định hướng toàn cầu của Unilever không tồn tại tách biệt, mà được “địa phương hóa” phù hợp với mục tiêu phát triển tại từng quốc gia. Tại Việt Nam, tinh thần này đã được chuyển hóa thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động của doanh nghiệp: từ chiến lược sản phẩm, chuỗi cung ứng, cho đến các chương trình vì cộng đồng.

Đây cũng chính là định hướng mà Unilever Việt Nam đã kiên trì hiện thực hóa trong suốt hành trình 30 năm đồng hành cùng sự phát triển của đất nước, và đặc biệt là hơn 14 năm triển khai phát triển bền vững một cách chiến lược và toàn diện trên quốc gia hình chữ S - ngôi nhà chung của hơn 100 triệu người Việt.

Đồng hành cùng mục tiêu quốc gia

Hoạt động tại Việt Nam từ năm 1995, Unilever đã chứng kiến và đồng hành cùng những bước chuyển mình quan trọng của đất nước. Từ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến mục tiêu tăng trưởng xanh và hội nhập quốc tế, Unilever luôn song hành cùng định hướng chiến lược của Việt Nam.

Bước vào kỷ nguyên hội nhập sâu rộng và tăng trưởng xanh, Việt Nam đang đặt ra những mục tiêu mang tính đột phá, trong đó có mục tiêu Trung hòa carbon (Net-zero) vào năm 2050 theo cam kết tại COP26. Đây là mục tiêu đòi hỏi hành động không chỉ từ Chính phủ, mà còn từ cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức xã hội và toàn thể người dân.



► Bà Lê Thị Hồng Nhi - Phó Tổng Giám đốc Truyền thông, Đối ngoại và Phát triển bền vững Unilever Việt Nam phát biểu tại Diễn đàn Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam (VCSF) tổ chức tại Hà Nội.

Trong hành trình ấy, Unilever Việt Nam đã và đang đóng vai trò là một người đồng hành tích cực và chủ động. Hành trình Net-zero không chỉ là câu chuyện giảm khí thải, mà còn là quá trình tái định hình toàn bộ chiến lược kinh doanh, lấy trách nhiệm môi trường và xã hội làm trung tâm. Theo bà Lê Thị Hồng Nhi - Phó Tổng Giám đốc Truyền thông, Đối ngoại và Phát triển bền vững Unilever Việt Nam, cam kết Net-zero 2050 của Việt Nam chính là động lực thúc đẩy Unilever cùng toàn bộ chuỗi giá trị chung tay hành động.

“Unilever luôn tiên phong trong hành trình phát triển bền vững gắn liền với các mục tiêu quốc gia. Chúng tôi hiểu rằng đây là một hành trình không dễ dàng, nên đã triển khai nhiều hành động nhằm thúc đẩy sự thay đổi hệ thống rộng lớn hơn, thông qua hợp tác với các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, cơ quan quản lý, nhà hoạch định chính sách, người tiêu dùng, khách hàng và các bên liên quan khác để hỗ trợ quá trình chuyển đổi diễn ra nhanh hơn,” đại diện Unilever phát biểu tại Diễn đàn Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam (VCSF).

Khi Net Zero trở thành động lực đổi mới toàn chuỗi giá trị

Trên toàn cầu, Unilever đặt mục tiêu đạt Net-Zero toàn bộ chuỗi giá trị vào năm 2039. Tại Việt Nam, là doanh nghiệp tiên phong đạt mục tiêu Net-zero trong hoạt động nội bộ (Phạm vi 1 & 2) từ năm 2022, Unilever đã loại bỏ hoàn toàn khí thải từ vận hành trực tiếp và chuyển đổi sang sử dụng năng lượng tái tạo.

Trong khi nhiều doanh nghiệp vẫn loay hoay với Phạm vi 1 (Scope 1), Unilever Việt Nam đã tiến xa hơn, không chỉ đạt Net-zero nội bộ mà còn dẫn dắt hệ sinh thái cùng chuyển đổi.

Theo báo cáo McKinsey, tính đến năm 2022, ước tính đến 90% lượng phát thải của Unilever Việt Nam đến từ chuỗi cung ứng, đòi hỏi một chiến lược mở rộng lộ trình chuyển đổi xanh sang chuỗi cung ứng (Scope 3) để giảm tác động khí hậu. Chính vì vậy, Unilever Việt Nam đặt trọng tâm vào việc chuyển đổi xanh toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khuyến khích các nhà cung cấp cam kết giảm phát thải, áp dụng năng lượng tái tạo và quy trình sản xuất bền vững, đến tối ưu hóa công tác vận chuyển để giảm khí thải trong vận chuyển và phân phối.

Tại nhà máy Bắc Ninh, Unilever đã cùng nhà cung cấp bao bì - Công ty Dynaplast Việt Nam, thực hiện dự án “Cấp hơi từ Lò hơi sinh khối”. Với dự án này, nhà máy Unilever Bắc Ninh cung cấp hơi từ lò hơi sinh khối cho Dynaplast, giúp Dynaplast loại bỏ hoàn toàn dầu trong lò hơi và đạt mục tiêu Net-zero trong Phạm vi 1. Bên cạnh đó, trong dự án “Hole in the Wall”, hệ thống ống chuyển trực tiếp chai bao bì từ nhà máy Dynaplast sang Unilever giúp giảm 4 tấn CO₂/năm, loại bỏ khoảng 3.000 chuyến xe tải và giảm phát thải 120.000 thùng carton mỗi năm, đạt mục tiêu không phát thải rác thải tại nhà máy.

Bên cạnh đó, Unilever thường xuyên tổ chức các hội thảo tập huấn, giúp các đối tác trong chuỗi cung ứng tháo gỡ rào cản, xây dựng lộ trình giảm phát thải và hiện thực hóa Net-zero một cách thực tiễn và bền vững. Trong khuôn khổ hội thảo, các doanh nghiệp được tiếp cận kiến thức, công cụ, công nghệ, và giải pháp tài chính từ chuyên gia của Bộ Công Thương và những đơn vị hàng đầu như HSBC, Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI), Marshal Green Energy, Nuoa. Đây cũng là cơ hội để các doanh nghiệp tìm ra lộ trình chuyển đổi xanh phù hợp, từ chuyển đổi năng lượng, tối ưu vận hành đến ứng dụng công nghệ giảm phát thải, góp phần vào cam kết phát triển bền vững chung của toàn ngành.

“Unilever Việt Nam luôn hướng đến việc đưa các quy trình, quy chuẩn, chất lượng quốc tế, đặc biệt là các tiêu chuẩn về kinh doanh có trách nhiệm, các tiêu chí về môi trường, nhiên liệu khi làm việc với nhà cung ứng. Từ đó, các nhà cung ứng sẽ càng tự tin hội nhập quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và đảm bảo được các yêu cầu khắt khe của các thị trường phát triển”, bà Hồng Nhi khẳng định.

Tất cả những mục tiêu và nỗ lực đó phản ánh rõ lựa chọn mà Unilever đã kiên định suốt ba thập kỷ: gắn sự phát triển doanh nghiệp với sự phát triển của đất nước. Trong kỷ nguyên vươn mình của đất nước, khi Việt Nam đặt mục tiêu trở thành trung tâm tăng trưởng xanh và đổi mới sáng tạo của khu vực, sự đồng hành của những doanh nghiệp tiên phong như Unilever chính là cầu nối giữa mục tiêu quốc gia và xu thế toàn cầu.

Với Unilever, phát triển bền vững cũng chính là gìn giữ mái nhà chung Việt Nam, nơi mỗi hành động hôm nay góp phần nuôi dưỡng một tương lai xanh và thịnh vượng cho thế hệ mai sau. Và đó cũng là câu trả lời rõ ràng nhất: khi bền vững trở thành động lực tăng trưởng, mỗi ngày của người Việt sẽ thêm tươi sáng, hôm nay và cho thế hệ mai sau. 🌱





ACECOOK VIỆT NAM

MỞ RỘNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT VỚI NHÀ MÁY 200 TRIỆU USD TẠI TỈNH VĨNH LONG

Với tổng vốn đầu tư hơn 200 triệu USD, nhà máy Acecook Vĩnh Long mới là mảnh ghép đặc biệt - đánh dấu bước mở rộng năng lực sản xuất của Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam với tầm nhìn phát triển bền vững và vươn tầm thế giới.



► Nghi thức cắt băng khánh thành nhà máy Acecook Vĩnh Long mới.



► Ông Kaneda Hiroki - Tổng Giám đốc Acecook Việt Nam phát biểu tại buổi lễ khánh thành.

Nhà máy có quy mô lớn nhất của Acecook tại Việt Nam

Nhà máy Acecook Vĩnh Long mới được xây dựng trên diện tích 11 hecta với tổng vốn đầu tư hơn 200 triệu USD, có năng lực sản xuất lớn với 17 dây chuyền, đạt công suất dự kiến là 81,000 tấn sản phẩm/năm và 27,600 tấn bán thành phẩm/năm (gói súp, gói đầu gia vị...). Trong giai đoạn đầu, nhà máy sẽ vận hành 9 dây chuyền, dự kiến cung ứng khoảng 1,2 tỷ gói sản phẩm mỗi năm cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Dự án này được khởi công vào tháng 3/2024 và hoàn thiện sau hai năm xây dựng, đây là nhà máy có quy mô lớn nhất của Acecook tại Việt Nam tính đến thời điểm hiện nay.

Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, quy trình vận hành được đầu tư và lắp đặt theo hướng tự động hóa, tích hợp công nghệ hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam về an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường. Nhà máy sản xuất đa dạng các sản phẩm ăn liền như mì, miến, phở, bún, hủ tiếu.

“

Ông Kaneda Hiroki - Tổng Giám đốc Acecook Việt Nam chia sẻ “Việc khánh thành Nhà máy Acecook Vĩnh Long mới là một minh chứng rõ nét cho tầm nhìn dài hạn và cam kết đầu tư nghiêm túc của chúng tôi tại Việt Nam.

”

“Nhà máy xanh” trong thời đại phát triển bền vững

Nhà máy Acecook Vinh Long mới được xây dựng theo định hướng “nhà máy xanh”, tích hợp các giải pháp tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động môi trường từ thiết kế đến vận hành. Tại tòa nhà văn phòng mới, các yếu tố bền vững cũng được áp dụng vào việc xây dựng, bày trí không gian.

Bên cạnh đó, không gian sản xuất của nhà máy cũng được quy hoạch hài hòa với các mảng xanh trong khuôn viên, tạo nên môi trường làm việc thông thoáng và bền vững hơn cho người lao động. Doanh nghiệp dự kiến lắp đặt hệ thống điện mặt trời, giúp giảm khoảng 4.700 tấn CO₂ mỗi năm.



► Nhà máy Acecook Vinh Long mới được kỳ vọng sẽ là đòn bẩy kinh tế cho tỉnh Vinh Long và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.



► Khách tham dự lễ khánh thành tham quan văn phòng làm việc chi nhánh Vinh Long.



► Ông Nguyễn Quỳnh Thiện Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vinh Long phát biểu tại buổi lễ.

Từ góc nhìn chiến lược, nhà máy Acecook Vinh Long không chỉ là một cơ sở sản xuất mới mà còn là nền tảng để Acecook Việt Nam từng bước “mở lối tương lai” hướng tới mô hình nhà máy xanh, thông minh và bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp trong bối cảnh ngành công nghiệp thực phẩm đang chuyển mình mạnh mẽ.

Sự hiện diện của Acecook Việt Nam tại tỉnh Vinh Long không chỉ mang đến những sản phẩm quen thuộc với người tiêu dùng, mà còn góp phần tạo ra những giá trị kinh tế - xã hội rõ nét cho địa phương, đóng vai trò thúc đẩy phát triển công nghiệp khu vực.

Theo kế hoạch, nhà máy dự kiến tạo ra hơn 3.000 cơ hội việc làm, góp phần nâng cao thu nhập và tay nghề cho người lao động địa phương, đồng thời tạo điều kiện tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại.

Bên cạnh đó, với mức đóng góp ngân sách trung bình khoảng 180 tỷ đồng mỗi năm, nhà máy Acecook Vinh Long mới được kỳ vọng sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa cho hệ sinh thái kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo Phó Chủ tịch UBND tỉnh Vinh Long Nguyễn Quỳnh Thiện, Acecook Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong suốt quá trình hoạt động. Việc tiếp tục đầu tư nhà máy quy mô lớn tại tỉnh Vinh Long thể hiện niềm tin vào môi trường đầu tư và tiềm năng phát triển lâu dài của khu vực.

Với “mảnh ghép” đặc biệt mang tên nhà máy Acecook Vinh Long mới, hành trình ấy không dừng lại ở việc tạo ra những sản phẩm chất lượng cho thị trường trong nước và quốc tế, mà còn góp phần viết tiếp câu chuyện phát triển của Acecook Việt Nam. 🍀

TỪ TRIẾT LÝ “BỀN”
ĐẾN KHÁT VỌNG VƯỜN XA

DẤU ẤN DOANH NHÂN

NGUYỄN THỊ
HUYỀN THƯƠNG

VÀ HÀNH TRÌNH TÁI ĐỊNH VỊ

Nagakawa





► Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa nhận bằng Tiến sĩ danh dự của Trường Đại học Quốc tế Hoa Kỳ.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động, thị trường trong nước cạnh tranh ngày càng khốc liệt, câu chuyện phát triển của doanh nghiệp không còn dừng lại ở tốc độ tăng trưởng, mà được đo bằng năng lực thích ứng và chiều sâu chiến lược. Giữa những làn sóng dịch chuyển đó, Nagakawa lựa chọn một con đường không dễ: phát triển dựa trên triết lý “bền”. Đằng sau lựa chọn ấy là dấu ấn rõ nét của người đứng đầu - Tiến sĩ danh dự, Thạc sĩ, Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Huyền Thương, người đã định hình lại tư duy quản trị, tái cấu trúc chiến lược và mở ra một quỹ đạo phát triển mới cho doanh nghiệp.

Doanh nhân Nguyễn Thị Huyền Thương - bản lĩnh lãnh đạo và dấu ấn kiến tạo chiến lược

Gia nhập Nagakawa từ những giai đoạn đầu, trải qua nhiều vị trí quản lý, doanh nhân Nguyễn Thị Huyền Thương không bước vào vai trò điều hành bằng những tuyên ngôn lớn, mà bằng một hệ tư duy được tích lũy qua thực tiễn. Năm 2020, khi chính thức đảm nhận vị trí Tổng Giám đốc, bà đối diện với một thị trường điện lạnh - gia dụng đã bão hòa tương đối, nơi các thương hiệu quốc tế chiếm ưu thế về công nghệ, tài chính và hệ thống phân phối. Trong bối cảnh đó, bài toán đặt ra không còn là mở rộng quy mô đơn thuần, mà là xác lập lại nền tảng phát triển. Doanh nhân Nguyễn Thị Huyền Thương lựa chọn một hướng đi mang tính chiến lược: phát triển dựa trên nội lực, kiểm soát tăng trưởng và hướng tới giá trị dài hạn. Triết lý “bền” được bà xác định là nguyên tắc vận hành xuyên suốt, chi phối toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Dưới sự điều hành của bà, chuyển đổi số được triển khai như một trục chiến lược. Theo đó, quyết định thành lập Trung tâm Công nghệ năm 2022 thể hiện tầm nhìn dài hạn trong việc làm chủ công nghệ. Từ đây, nền tảng quản trị AN ERP ra đời - một sản phẩm không chỉ phục vụ nội bộ mà còn hướng tới cộng đồng doanh



► Bà Nguyễn Thị Huyền Thương được vinh danh Doanh nhân trẻ Việt Nam tiêu biểu, có đóng góp nổi bật cho nền kinh tế Việt Nam.

niệp Việt, giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận công cụ quản trị hiện đại với chi phí hợp lý. “Tôi gọi đó là tinh thần bình dân học vụ chuyển đổi số, nơi công nghệ không chỉ phục vụ cho Nagakawa mà còn có thể trở thành nền tảng hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp Việt cùng phát triển”, bà Huyền Thương chia sẻ.

Bên cạnh việc đẩy mạnh, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, doanh nhân Nguyễn Thị Huyền Thương còn thúc đẩy mạnh mẽ chiến lược phát triển xanh. Việc tham gia các dự án chuyển đổi công nghệ cùng các tổ chức quốc tế nhằm loại bỏ môi chất lạnh gây hại cho môi trường cho thấy tầm nhìn vượt ra ngoài khuôn khổ một doanh nghiệp. Đó là cách một nhà lãnh đạo đặt doanh nghiệp của mình trong bối cảnh toàn cầu, gắn với các tiêu chuẩn ESG và lộ trình phát triển bền vững Net-Zero 2050 của Việt Nam. Ở góc độ quản trị nhân sự, Tiến sĩ danh dự, Thạc sĩ, doanh nhân Huyền Thương thể hiện rõ quan điểm trao quyền và phát triển con người. Môi trường làm việc tại Nagakawa được xây dựng theo hướng mở, đề cao sáng tạo, khuyến khích đổi mới. Tỷ lệ nữ lãnh đạo cao không phải là một con số mang tính hình thức, mà phản ánh một chiến lược nhân sự có định hướng rõ ràng, trong đó năng lực được đặt lên trên mọi tiêu chí khác.

Với những đóng góp to lớn trong quản trị doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới và lan tỏa giá trị phát triển bền vững, năm 2025, doanh nhân Nguyễn Thị Huyền Thương được Đại học Quốc tế Hoa Kỳ (IAU) trao tặng bằng Tiến sĩ danh dự. Sự vinh danh này diễn ra trong khuôn khổ Diễn đàn Giao lưu Văn hóa, Khoa học, Kinh tế Quốc tế với chủ đề “Cùng phát triển - Cùng thịnh vượng”. Danh hiệu này một lần nữa khẳng định cho hướng đi đúng đắn mà bà cùng Nagakawa đã theo đuổi trong nhiều năm: phát triển doanh nghiệp dựa trên nền tảng tri thức, đổi mới và trách nhiệm xã hội.

Nagakawa - từ tăng trưởng quy mô đến nâng tầm vị thế

Trên nền tảng chiến lược được tái định hình, Nagakawa trong những năm gần đây đã ghi nhận sự chuyển biến rõ nét cả về quy mô, chất lượng tăng trưởng và vị thế thị trường. Trong 05 năm qua, doanh nghiệp liên tục ghi nhận mức tăng trưởng hai con số, có mặt

trong Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam. Thăng hạng đều đặn trong bảng xếp hạng VNR500 - danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất cả nước. Đặc biệt, tại hệ thống phân phối lớn như Điện Máy Xanh - Thế Giới Di Động, Nagakawa vươn lên dẫn đầu về sản lượng máy lạnh bán ra, một chỉ số rõ nét cho sức cạnh tranh của thương hiệu Việt trên thị trường nội địa.

Điểm nổi bật trong quá trình phát triển là sự dịch chuyển trong cơ cấu sản phẩm. Từ chỗ tập trung vào phân khúc phổ thông, doanh nghiệp đã chuyển hướng sang các dòng sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao như hệ thống điều hòa trung tâm, VRF, Chiller. Việc tham gia vào hàng trăm công trình quy mô lớn trên toàn quốc cho thấy năng lực cạnh tranh của Nagakawa đã được nâng lên một cấp độ mới, đủ sức cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu quốc tế.

Song song với chuyển đổi số là hành trình xanh hóa sản phẩm và quy trình sản xuất. Nagakawa là một trong số ít doanh nghiệp Việt tham gia các dự án chuyển đổi công nghệ quy mô quốc tế, phối hợp với World Bank và Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) nhằm thay thế môi chất lạnh HCFC-22 bằng HFC-32 thân thiện hơn với môi trường. Đây không chỉ là bước tiến về công nghệ, mà còn thể hiện sự chủ động của doanh nghiệp trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn phát triển bền vững toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh các yêu cầu về môi trường ngày càng khắt khe. Ở cấp độ quản trị, Nagakawa duy trì hệ thống tiêu chuẩn chất lượng như ISO 9001 và ISO 14001, tạo nền tảng cho hoạt động sản xuất - kinh doanh ổn định và minh bạch. Tuy nhiên, Công ty xác định rõ yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển vẫn là con người. Vì vậy, doanh nghiệp đặc biệt chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy các sáng kiến cải tiến trong toàn hệ thống. Việc đầu tư vào đào tạo, phát triển kỹ năng và nâng cao năng lực đội ngũ không chỉ phục vụ mục tiêu hiện tại, mà còn tạo nên tảng cho các bước chuyển đổi trong tương lai.

Không chỉ thành công trong việc chuyển hướng đầu tư kinh doanh, Nagakawa còn được biết đến là một doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình thiết thực. Trong



► Lãnh đạo Tập đoàn Nagakawa trong lễ công bố Chiến lược 5 năm 2026 - 2030.



nhiều năm qua, Nagakawa đã triển khai nhiều chương trình an sinh xã hội trên khắp cả nước từ hỗ trợ y tế trong giai đoạn dịch Covid-19, đóng góp cho các quỹ xã hội, đến các hoạt động giáo dục và phát triển sinh kế cho cộng đồng... Những đóng góp này không mang tính ngắn hạn mà được duy trì một cách nhất quán, góp phần xây dựng hình ảnh doanh nghiệp gắn với trách nhiệm và giá trị bền vững.

Bước vào giai đoạn 2026 - 2030, Nagakawa sẽ tiếp tục đa dạng hóa ngành nghề và mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ, đầu tư tài chính và bất động sản, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong các sản phẩm và dịch vụ. Việc mở rộng được xây dựng trên nền tảng tích hợp, trong đó công nghệ và dữ liệu đóng vai trò trung tâm. Các giải pháp AioT, hệ thống quản lý tài sản thông minh, công nghệ công trình xanh được đầu tư nhằm đón đầu xu hướng phát triển mới của thị trường. Cùng với đó, doanh nghiệp tiếp tục ưu tiên đầu tư vào nguồn nhân lực, đặc biệt là các kỹ năng công nghệ, nhằm đảm bảo khả năng thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thời đại. Đây được xem là yếu tố then chốt, quyết định thành công của mọi chiến lược chuyển đổi.

Từ một thương hiệu điện lạnh, đến nay Nagakawa đang từng bước định hình vị thế của một tập đoàn đa ngành bằng chính năng lực nội tại. Thành quả hôm nay không đến từ tăng trưởng, mà đến từ những quyết định mang tính nền tảng được thực thi nhất quán qua thời gian. Ở đó, dấu ấn của Tiến sĩ danh dự, Thạc sĩ, doanh nhân Nguyễn Thị Huyền Thương thể hiện rõ ở khả năng dẫn dắt doanh nghiệp đi đúng hướng, đúng thời điểm và đúng năng lực. Khi chiến lược đủ rõ và nội lực đủ mạnh, doanh nghiệp không cần chạy theo thị trường, mà có thể tự tạo ra vị thế của mình. 🌿



KIÊN ĐỊNH CHUẨN MỰC

nâng tầm chuỗi cung ứng thiết bị bảo hộ

Trong tiến trình hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu, các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam đang đối mặt với yêu cầu ngày càng khắt khe về tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trong những lĩnh vực như thực phẩm, y tế, điện tử hay công nghiệp sạch, thiết bị bảo hộ không còn là yếu tố phụ trợ, mà trở thành một phân cấu thành năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế VTECH (VTECHCOM) đang kiên định vị thế bằng cách tiếp cận phát triển dựa trên chuẩn mực và kiểm soát chất lượng.

Hành trình xây dựng uy tín từ nền tảng chất lượng

Thành lập năm 2021, VTECHCOM tham gia thị trường thiết bị bảo hộ vào thời điểm chuỗi cung ứng toàn cầu còn nhiều biến động sau COVID-19. Đây là giai đoạn nhu cầu tăng cao nhưng cũng bộc lộ rõ những hạn chế trong khâu kiểm soát chất lượng và minh bạch nguồn gốc sản phẩm. Thay vì lựa chọn chiến lược mở rộng nhanh để tận dụng cơ hội thị trường, doanh nghiệp tập trung xây dựng nền tảng vận hành theo hướng chuẩn hóa.

Ngay từ đầu, VTECHCOM đã định hình mô hình hoạt động theo hướng khép kín: sở hữu thương hiệu, nhập khẩu trực tiếp từ nhà sản xuất và tổ chức phân phối tại thị trường

Vglobal gloves

GĂNG TAY KIỂM TRA NITRILE KHÔNG BỘT

THỰC PHẨM

- Đạt chuẩn an toàn thực phẩm
- Tự nhiên như chạm tay thật
- Không mùi, không latex, không dị ứng

Vglobal gloves

GĂNG TAY KIỂM TRA NITRILE KHÔNG BỘT

Y TẾ - CHĂM SÓC SỨC KHỎE

An toàn tuyệt đối

Bảo vệ đôi tay, bảo vệ sự sống

Vglobal gloves

GĂNG TAY KIỂM TRA NITRILE KHÔNG BỘT

BÁN DẪN, ĐIỆN TỬ

- Chuẩn sạch cho ngành điện tử
- Không tĩnh điện – Không bám bụi
- Bảo vệ linh kiện, tối ưu thao tác
- VGLOBAL – Hiệu suất từ đôi tay

trong nước. Cách tiếp cận này cho phép doanh nghiệp kiểm soát toàn bộ chuỗi giá trị, từ lựa chọn đối tác sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật đến hệ thống phân phối. Trong bối cảnh thị trường còn tồn tại nhiều sản phẩm không rõ nguồn gốc, việc rút ngắn các khâu trung gian không chỉ giúp đảm bảo tính nhất quán về chất lượng, mà còn nâng cao độ tin cậy của thông tin sản phẩm.

Đặc biệt, việc thiết lập quan hệ hợp tác với Tập đoàn Hartalega, một trong những nhà sản xuất găng tay y tế lớn nhất thế giới là bước đi quan trọng trong chiến lược này. Thông qua việc nhập khẩu trực tiếp từ hệ thống nhà máy quy mô lớn, VTECHCOM có điều kiện tiếp cận các tiêu chuẩn sản xuất quốc tế, đồng thời đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý cho từng lô hàng. Đây là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất trong nước khi tham gia vào các chuỗi cung ứng yêu cầu kiểm định nghiêm ngặt. “Chúng tôi xác định ngay từ đầu, nếu chỉ dừng ở vai trò thương mại thì rất khó tạo ra khác biệt. Doanh nghiệp phải kiểm soát được chất lượng và minh bạch thông tin, đó mới là nền tảng để xây dựng niềm tin lâu dài với khách hàng,” đại diện VTECHCOM chia sẻ.

Ở góc độ thị trường, VTECHCOM không chỉ dừng lại ở vai trò phân phối sản phẩm, mà hướng tới cung cấp giải pháp phù hợp với từng lĩnh vực sử dụng. Trong các ngành như chế biến thực phẩm xuất khẩu hay điện tử, việc lựa chọn thiết bị bảo hộ không đúng tiêu chuẩn có thể dẫn đến rủi ro về chất lượng sản phẩm, thậm chí ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Vì vậy, khả năng tư vấn và đồng hành kỹ thuật đang trở thành một phần quan trọng trong năng lực cạnh tranh của đơn vị cung ứng.



► Đại lý, đối tác tin tưởng hợp tác phân phối sản phẩm găng tay Vglobal tại Việt Nam.

Song song với hoạt động kinh doanh, VTECHCOM cũng từng bước tiếp cận các tiêu chí phát triển bền vững. Việc đưa vào danh mục các sản phẩm găng tay có khả năng phân hủy sinh học thể hiện sự chủ động thích ứng với xu hướng tiêu dùng “xanh”, đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng phổ biến từ các đối tác quốc tế về yếu tố môi trường trong chuỗi cung ứng.

Có thể thấy, trong bối cảnh thị trường thiết bị bảo hộ đang chuyển từ cạnh tranh về giá sang cạnh tranh về chất lượng và tiêu chuẩn, việc VTECHCOM kiên định với mô hình vận hành dựa trên kiểm soát và minh bạch đang tạo ra nền tảng phát triển ổn định, phù hợp với xu hướng chung của ngành thiết bị bảo hộ.

VGLOBAL - Sản phẩm gắn với tiêu chuẩn và khả năng truy xuất

Nếu mô hình vận hành phản ánh định hướng phát triển, thì sản phẩm là yếu tố trực tiếp thể hiện năng lực thực thi của doanh nghiệp. Với VTECHCOM, thương hiệu găng tay VGLOBAL được xây dựng theo hướng đáp ứng các tiêu chuẩn cao, phù hợp với những ngành có yêu cầu kiểm soát nghiêm ngặt.

Các sản phẩm VGLOBAL được sản xuất tại hệ thống nhà máy của Hartalega tại Malaysia, nơi áp dụng dây chuyền tự động hóa và quy trình kiểm tra chất lượng chặt chẽ. Việc ứng dụng công nghệ kiểm soát kỹ thuật số trong sản xuất giúp giảm thiểu sai sót, đảm bảo sự đồng nhất giữa các sản phẩm, yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp sử dụng găng tay như một phần của quy trình sản xuất tiêu chuẩn.

Bên cạnh đó, việc đáp ứng các chứng nhận quốc tế như FDA (Hoa Kỳ), CE (châu Âu) và ISO cho phép sản phẩm tham gia vào các thị trường có yêu cầu cao về chất lượng và an toàn. Trong bối cảnh nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang mở rộng hoạt động xuất khẩu, việc sử dụng thiết bị bảo hộ đạt chuẩn ngay từ đầu sẽ góp phần giảm thiểu rủi ro trong quá trình kiểm định và đánh giá đối tác. Một điểm đáng chú ý là khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm. Mỗi lô hàng đều được quản lý thông tin từ nguyên liệu đầu vào, quy trình sản xuất đến khâu phân phối. Điều này giúp doanh nghiệp sử dụng chủ động trong việc kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết, đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng chặt chẽ về minh bạch trong thương mại quốc tế.

Ở góc độ ứng dụng, VGLOBAL được phát triển theo nhiều phân khúc nhằm phù hợp với từng môi trường làm việc. Các dòng găng tay siêu nhẹ hỗ trợ thao tác chính xác trong lĩnh vực điện tử và phòng thí nghiệm; dòng tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu phổ biến trong y tế và chế biến thực phẩm; trong khi các sản phẩm có độ dày cao hơn được sử dụng trong môi trường tiếp xúc hóa chất hoặc yêu cầu bảo vệ cao. Sự đa dạng này phản ánh xu hướng chuyên môn hóa trong thiết bị bảo hộ, thay vì sử dụng một loại sản phẩm cho mọi mục đích.

► Găng tay Vglobal sản xuất tại nhà máy Hartalega - Malaysia.



ỨNG DỤNG GĂNG TAY KHÔNG BỘT NITRILE VGLOBAL



Y TẾ



NHA KHOA



THÍ NGHIỆM



LÀM ĐẸP



THÚ Y



VỆ SINH



THỰC PHẨM



CÔNG NGHIỆP

Ngoài ra, công nghệ đóng gói goodpact được áp dụng nhằm tối ưu hóa bao bì, giảm lượng vật liệu sử dụng và hạn chế phát thải trong quá trình vận chuyển. Đây là yếu tố ngày càng được các đối tác quốc tế quan tâm khi đánh giá nhà cung ứng, đặc biệt trong bối cảnh tiêu chí ESG đang trở thành yêu cầu phổ biến trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng, yêu cầu về tiêu chuẩn hóa và minh bạch trong sản xuất sẽ ngày càng gia tăng. Điều này không chỉ đặt ra thách thức đối với doanh nghiệp sản xuất, mà còn đối với các đơn vị cung ứng đầu vào, trong đó có lĩnh vực thiết bị bảo hộ.

Với định hướng phát triển dựa trên kiểm soát chất lượng, minh bạch thông tin và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế, VTECHCOM đang từng bước định vị mình như một mắt xích trong chuỗi cung ứng thiết bị bảo hộ chất lượng cao. Thay vì cạnh tranh bằng giá, doanh nghiệp lựa chọn xây dựng lợi thế dựa trên độ tin cậy và khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ngày càng khắt khe.

Trong dài hạn, khi các tiêu chuẩn về an toàn, môi trường và truy xuất nguồn gốc trở thành điều kiện bắt buộc trong thương mại, những doanh nghiệp kiên định với hướng đi này sẽ có nhiều cơ hội mở rộng thị trường và nâng cao vị thế. Đối với VTECHCOM, hành trình đó có thể không tạo ra sự tăng trưởng đột biến trong ngắn hạn, nhưng lại phù hợp với xu hướng phát triển bền vững của ngành và của nền kinh tế quốc gia. 🌱





HỘI PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VIỆT NAM 35 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Trong mô hình y học hiện đại, chăm sóc sức khỏe không dừng lại ở chẩn đoán và điều trị, mà phải hướng tới phục hồi chức năng (PHCN), nâng cao chất lượng sống và khả năng tham gia xã hội của người bệnh. Tại Việt Nam, hành trình định hình và phát triển lĩnh vực này gắn liền với dấu ấn bền bỉ của Hội Phục hồi chức năng Việt Nam, một tổ chức đã trải qua 35 năm xây dựng và trưởng thành.



► PGS. TS. Trần Trọng Hải, Chủ tịch Hội Phục hồi chức năng Việt Nam.

Được thành lập ngày 05/3/1991 theo Quyết định số 50 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Hội Phục hồi chức năng Việt Nam ra đời trong bối cảnh ngành PHCN còn nhiều hạn chế về tổ chức và nguồn lực. Với tư cách là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện, Hội đã từng bước quy tụ đội ngũ chuyên gia, thiết lập nền tảng chuyên môn và thúc đẩy PHCN trở thành một bộ phận không thể tách rời của hệ thống y tế quốc gia.



► Hội nghị Khoa học Phục hồi chức năng toàn quốc năm 2025.

Qua các kỳ Đại hội (1991, 1995, 2001, 2008, 2014, 2022), Hội không ngừng củng cố bộ máy, hoàn thiện điều lệ và mở rộng mạng lưới hoạt động trên phạm vi cả nước. Những đóng góp của các thế hệ lãnh đạo như cố GS.TS Nguyễn Xuân Nghiên và PGS.TS. Trần Trọng Hải đã góp phần quan trọng trong việc định vị chuyên ngành, nâng cao uy tín và vai trò của Hội trong cộng đồng y khoa. Ban Lãnh đạo Hội hiện nay gồm: Chủ tịch: PGS. TS. Trần Trọng Hải; các Phó Chủ tịch: PGS.TS. Trần Quý Tường, PGS.TS. Nguyễn Trọng Lưu, TS. Nguyễn Tấn Dũng, BSCKII. Trần Ái Nhung, PGS.TS. Lương Tuấn Khanh, PGS.TS. Nguyễn Phương Sinh, TS. Phạm Thị Cẩm Hưng, BSCKII. Nguyễn Xuân Thắng; Tổng Thư ký: GS.TS. Cao Minh Châu; Chánh văn phòng Hội: PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Liên.

Không dừng lại ở việc phát triển tổ chức, Hội còn đóng vai trò trung tâm trong chuẩn hóa tri thức và nâng cao năng lực chuyên môn. Thông qua các hội nghị khoa học, chương trình đào tạo liên tục và hoạt động chuyển giao kỹ thuật, Hội góp phần xây dựng

đội ngũ nhân lực PHCN ngày càng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn. Đồng thời, Hội còn là cầu nối hiệu quả giữa chuyên môn và chính sách, tham gia tư vấn cho Bộ Y tế trong việc hoạch định chiến lược phát triển lĩnh vực PHCN. Một trong những dấu ấn nổi bật của Hội là thúc đẩy mô hình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (CBR), giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam. Mô hình này góp phần thay đổi nhận thức xã hội về người khuyết tật, hướng tới một môi trường hòa nhập, công bằng và nhân văn hơn trong chăm sóc sức khỏe.

Bước vào giai đoạn chuyển đổi số, Hội Phục hồi chức năng Việt Nam chủ động tiếp cận xu hướng “phục hồi chức năng thông minh”. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, robot hỗ trợ vận động, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và hồ sơ bệnh án điện tử giúp cá thể hóa quá trình điều trị; tối ưu hóa hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ. Đây được xem là bước đi chiến lược, mở ra không gian phát triển mới cho ngành PHCN.

Nhìn lại hơn ba thập kỷ, hành trình của Hội không chỉ phản ánh sự lớn mạnh của một tổ chức nghề nghiệp, mà còn là minh chứng cho sự trưởng thành của một chuyên ngành y học giàu giá trị nhân văn. Từ vị thế khiêm tốn ban đầu, PHCN vươn lên trở thành một trụ cột quan trọng trong hệ thống y tế hiện đại.

Trong giai đoạn tới, việc xác định PHCN như một chiến lược ưu tiên quốc gia là yêu cầu cấp thiết. Điều này đòi hỏi sự đồng bộ trong đầu tư hạ tầng, chuẩn hóa chuyên môn, thúc đẩy ứng dụng công nghệ và phát triển các mô hình chăm sóc tích hợp, đặc biệt là phục hồi chức năng từ xa. Với vai trò nòng cốt, Hội Phục hồi chức năng Việt Nam tiếp tục là lực lượng dẫn dắt, kết nối và lan tỏa giá trị, góp phần xây dựng một hệ thống PHCN hiện đại, hiệu quả và nhân văn, nơi mỗi người bệnh không chỉ được chữa trị, mà còn được trao cơ hội sống trọn vẹn hơn. 🌟

HỘI PHỤC HỒI CHỨC NĂNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Trung tâm Phục hồi chức năng, Bệnh viện Bạch Mai,
78 Đường Giải Phóng, Phường Kim Liên, Hà Nội
Điện thoại: 024 38691533 / Email: hoiphcnvn.vinareha@gmail.com
Website: hoiphcnvn.vn



► Tháp Nghinh Phong, Đắk Lắk.



► Trung tâm Triển lãm Việt Nam (Hà Nội).

Nagakawa

20⁺ năm

CHUYÊN SÂU NGÀNH
ĐIỆN LẠNH



Gọi tôi
LÀ NAGA





ISBN: 978-632-630-670-1



9 786326 304701